

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

Vu Lan —
Mùa Báo Hiếu



106

THÁNG 09.2020



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Amateurs (pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989
(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hướng về.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG BẠCH VU LAN PL. 2564** (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNT-NHK), trang 8
- ♦ **BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **CẨM NIỆM VU LAN** (thơ Tâm Tấn), trang 11
- ♦ **LUẬN VỀ CÁI CHẾT NGUYÊN CON** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **MÂY TRĂNG** (thơ Nguyễn Đức Sơn), trang 15
- ♦ **HÌNH TƯỢNG CHA MẸ TRONG KINH DUY MA CẬT** (Chân Hiền Tâm), trang 16
- ♦ **CÚNG DƯỜNG CHA MẸ** (Quảng Tánh), trang 19
- ♦ **TU HẠNH LẮNG NGHE** (TN Hằng Như), trang 20
- ♦ **MÙA ĐẠI DỊCH: HỌ TRÌ SÁU PHƯƠNG** (Nguyễn Giác), trang 24
- ♦ **BẢN KHOẢN HIẾU NGHĨA VỆ TOÀN** (thơ Thích Viên Thành), tr. 26
- ♦ **TIẾNG VÔNG ĐUA, GIỌT NẮNG THIÊN THU** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 29
- ♦ **ULLAMBANA – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **KHÔNG KỶ THỊ TÔN GIÁO – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **XÂY DỰNG LẠI CÁC CƠ SỞ HÀNH ĐẠO** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **MÙA VU LAN TƯƠI** (thơ Vĩnh Hữu), trang 38
- ♦ **HÃY SỐNG VỚI NHỮNG GÌ MÌNH THẬT CÓ** (Đào Văn Bình), trang 39
- ♦ **GẶP LẠI** (thơ Mặc Phương Từ), tr. 41
- ♦ **FACTS AND VIEWS** (translated by Nguyễn Túc), trang 44
- ♦ **STORY OF BHIKKHUS WHO LIVED ON THE BANK...** (Daw Tin), tr. 45
- ♦ **CON SẼ TRỞ VỀ** (thơ TN Giới Định), trang 46
- ♦ **BÀI THƠ TRONG VIỆN DƯỠNG LÃO** (TM. Ngộ Tăng Giao) tr. 47
- ♦ **VU LAN NỖI NHỚ** (thơ Thục Uyên), trang 49
- ♦ **VĂN HÓA VÀ PHẬT GIÁO TÂY TẠNG BỊ TIÊU DIỆT NHƯ THẾ NÀO?** (Huỳnh Kim Quang), tr. 50
- ♦ **VU LAN NHỚ MẸ** (thơ Đồng Thiện), trang 54
- ♦ **NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN** (Bùi Thanh Xuân), trang 55
- ♦ **KHÚC NGÂN ĐÊM DÀI, MẸ VỀ** (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 57
- ♦ **SỰ TIÊU HÓA THỨC ĂN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **GIÀ CÒN CÓ THÈ** (thơ Hiền Nguyễn), trang 61
- ♦ **NHỮNG NGƯỜI CON GÁI PHẬT** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 62
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- ♦ **TÁM ĐIỀU KHẮC CỐT GHI TÂM** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 66
- ♦ **NIỆM KHÚC TIỀN NGƯỜI ĐI...** (thơ Tuệ Nha), trang 69
- ♦ **THẦY VĂN THIỀN MỌI ĐÊM** (Du Tâm Lăng Tử), trang 70
- ♦ **BỐN CON RỜI** (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- ♦ **ẢO CẢNH THỰC TƯỢNG, HIỆU ỨNG ĐỜI...** (thơ Phù Du), tr. 74
- ♦ **MẸ!!!** (Nhuận Hùng), trang 75
- ♦ **VẮNG BÓNG** (thơ Diệu Viên), trang 80
- ♦ **NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 9, hết** (Vĩnh Hào), trang 81
- ♦ **NẤU CHAY: CANH RONG BIÊN ĐẬU HỦ NON** (Linh Đan) trang 88



Báo Chánh Pháp số 106, tháng 09 năm 2020, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

HIẾU

Thời nay mà còn nói đến chữ “hiếu” sẽ có người cho là cổ hủ, lỗi thời. Kỳ thực, đạo hiếu, đạo làm con (1) thời xưa đã bị chê là lỗi thời theo sự xuống trào, mất ảnh hưởng của Việt-Nho từ giữa thế kỷ 19 rồi, không phải đợi đến ngày nay.

Nhưng điểm cốt lõi của hiếu thì thời nào cũng còn giá trị. Có thể người ta dị ứng với chữ “hiếu” thôi, chữ đổi thành “thương,” thành “kính yêu,” thì không ai phủ nhận. Con cái nào lại chẳng thương, chẳng kính cha mẹ! Vậy, đừng kêu gọi hiếu nữa, mà hãy lấy chất liệu thương yêu, kính trọng đó ra mà tiếp xử với cha mẹ. Làm được như thế thì đông phương hay tây phương, tình cảm của con cái dành cho cha mẹ vẫn luôn là gương đẹp để soi, đồng thời rọi chiếu vào gia đình, xã hội chung quanh.

Chỉ có điều là tình cảm kính yêu ấy được bộc lộ như thế nào. Thương, không thể chỉ nói suông bằng lời. Không thể cứ mơ mộng như con nít quần quýt bên cha mẹ, chỉ cần biết thương là đủ rồi, không cần phải làm bốn phận chi hết (2). Thương không phải là bốn phận, nhưng để biểu lộ tình thương thì phải có hành động. Con cái tây phương hay đông phương khác gì nhau đâu: thương cha mẹ thì phải làm điều gì đó để cha mẹ an tâm, hạnh phúc, hãnh diện... về sự trưởng thành (từ nhân thể đến nhân cách) của đứa con mà mình sinh ra và nuôi dạy bao năm trường. Ở những xứ sở có quỹ an sinh xã hội dành cho người già, và trẻ nhỏ đã được huấn luyện tính tự lập trước khi đến tuổi thành niên, có thể cha mẹ chẳng đòi hỏi gì nơi sự chu cấp, phụng dưỡng từ con cái; nhưng trong tâm lý tình cảm tự nhiên, cha mẹ nào lại không mong có sự thương yêu, kính trọng, chăm sóc, thậm chí chỉ thăm hỏi từ những đứa con! Thương yêu, chăm sóc ấy là hành động, không phải là chữ nghĩa, ngôn từ suông. Lòng thương ấy mới có thể gắn kết tình cảm thiêng liêng của gia đình, làm chất liệu nền tảng tác động vào xã hội. Xã hội không có tình thương là một xã hội rời rạc, phân rã, khó có thể thành tựu được những mục tiêu công ích và lý tưởng chung.

Người hành đạo, dù là đạo nào, đi vào cuộc đời không phải vì lợi ích bản thân, gia đình,

mà trên hết phải vì lợi ích cho số đông. Có thể có những trường hợp ngoại lệ của một cá nhân bất kính với cha mẹ, không làm nên tích sự gì trong gia đình, mà lại thành công ở mặt nào đó ngoài xã hội. Nhưng sự thành công của một người thiếu vắng tình thương, thiếu sự tôn kính, biết ơn đối với cha mẹ, thì thành công ấy cũng chỉ là thành công nhỏ nhoi, tô bồi cho bản ngã và lợi ích cá nhân, không thể nào là một sự thành công vẻ vang, mang lại an vui, phúc lạc cho toàn thể. Không thương, không kính, không một lần nghĩ ơn cha mẹ, thì đừng nói chuyện thương ai, cứu giúp ai.

Cho nên, vẫn cứ phải nói tới nói lui về một thứ tình cảm thiêng liêng, rất đẹp, không bao giờ lỗi thời, đó là niềm thương kính dành cho cha mẹ. Chữ hiếu: lỗi thời; kêu gọi con cái phải báo hiếu đền ơn cha mẹ: lỗi thời; tạm cho là như vậy. Nhưng tình cha, tình mẹ, như suối nguồn từ non cao chảy về, là bất tận. Bất tận thì không bao giờ lỗi thời.

Chúng ta đã biết phải làm gì đối với cha mẹ, dù có hay không có sự yêu cầu: hãy thương kính và làm gì đó để biểu hiện niềm thương kính ấy khi cha mẹ còn sống; đừng để mai sau, một lúc nào đó trong đời, ôm lòng hối hận đã chưa bày tỏ trọn vẹn tình cảm của mình như bao nhiêu người con khác trong quá khứ, vì cứ nghĩ “hiếu” là lỗi thời.

- 1) 1) “*Công cha như núi Thái sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/Một lòng thờ mẹ kính cha/Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con,*” ca dao tục ngữ Việt.
- 2) 2) “*Mà có tình thương là có đủ hết rồi. Cần chi nói đến bốn phận. Thương mẹ, như vậy là đủ. Mà thương mẹ không phải là một bốn phận. Thương mẹ là một cái gì rất tự nhiên. Như khát nước thì uống. Con thì phải có mẹ, phải thương mẹ...*” (Bồng Hồng Cài Áo, của Nhất Hạnh, 1962).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Bức tranh Phật giáo thế kỷ 19 của Hàn Quốc trở về từ Anh

Một bức tranh Phật giáo thế kỷ 19, được cho là đã được chuyển ra khỏi đất nước Hàn Quốc trong Chiến tranh Triều Tiên 1950-53, đã được đưa về nước từ Anh.

Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc cho biết như trên tại một buổi lễ được tổ chức vào ngày 23-7-2020 ở Nhà tưởng niệm Lịch sử và Văn hóa Phật giáo Hàn Quốc (trung tâm thành phố Seoul) để chào mừng sự trở lại của bức tranh Phật Hội Tejaprabha này.

Bức tranh đến từ Anh vào ngày 28-6 và sẽ được gửi đến chủ sở hữu ban đầu của nó, chùa Songgwang ở Suncheon, cách Seoul khoảng 415 km về phía nam.

Người ta tin rằng bức tranh được vẽ bởi chùa Suncheon vào năm 1898.

Tranh bằng lụa, có chiều rộng 141 cm và chiều dài 102 cm, nổi bật với hình tượng Đức Phật ngồi rạng rỡ bên cạnh các vị Phật thánh tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng.

Tông phái Jogye cho biết việc thu hồi bức tranh Phật giáo quý giá này đã được thực hiện bằng nỗ lực nghiêm túc của Quỹ Di sản Văn hóa Hàn Quốc ở nước ngoài và chùa Songgwang.

Họ nói rằng Quỹ Di sản Văn hóa đã phát hiện rằng bức tranh Phật Hội Tejaprabha được đưa ra bán đấu giá ở nước ngoài vào tháng trước và Quỹ đã thông báo cho Tông phái Jogye.

(Yonhap – July 23, 2020)



Bức tranh Phật Hội Tejaprabha đã trở về với Hàn Quốc



Photos: Yonhap & don-ga.com

ẤN ĐỘ: Trường đại học trung tâm đầu tiên với trung tâm Nghiên cứu Phật giáo của Ladakh đã được phê duyệt

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã chấp thuận kế hoạch thành lập trường đại học trung tâm đầu tiên ở Ladakh. Trường đại học này sẽ có một trung tâm về Nghiên cứu Phật giáo và sẽ cung cấp các khóa học về nghệ thuật và khoa học tự do.

Sự phê duyệt này đã được đưa ra tại một cuộc họp vào ngày 20-7-2020, vốn được tổ chức để xem xét các bước thực hiện của chính phủ trong một năm qua tại các lãnh thổ liên minh mới được thành lập của Ladakh và Jammu và

Kashmir.

Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo tại trường đại học trung tâm phần lớn sẽ phục vụ cho các giáo phái Gelug và Kagyu của cư dân Phật giáo Tây Tạng.

Trường đại học trung tâm cũng sẽ có lợi cho sinh viên từ các quận Lahaul và Spiti, những người sẽ có thể đi lại một khi đường hầm Rohtang La mở cửa trong năm nay.

Thủ tướng Modi trước đó đã đề ra việc thành lập một trường đại học trung tâm có lợi cho hơn 10,000 sinh viên Ladakh, những người bị buộc phải đi hàng trăm km từ nhà để học cao hơn.

(BusinessToday.In – July 24, 2020)



Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi—Photo: BusinessToday

HOA KỲ: Ngôi chùa Phật giáo White River hủy lễ hội Bon Odori lần đầu tiên sau 50 năm

Auburn, Washington - Ngày 21-7-2020, ngôi chùa Phật giáo White River đã đưa ra tuyên bố hủy bỏ lễ hội Bon Odori tập trung hàng năm do Đại dịch COVID-19: Tuyên bố cho biết lần đầu tiên sau 50 năm, chùa Phật giáo White River không tổ chức lễ hội Bon Odori trực tiếp hàng năm trong năm

nay. Trong khi theo truyền thống chùa này tổ chức lễ hội Bon Odori hàng năm vào cuối tuần thứ ba của tháng 7, thì năm nay, chùa sẽ phát trực tuyến lễ hội Bon Odori ảo với một buổi lễ Phật giáo truyền thống, theo sau là phần trình diễn giãn cách xã hội ngắn của các giáo viên của bản tự vào tối ngày 9-8-2020.

Được thành lập vào năm 1912, chùa Phật giáo White River là một cộng đồng đa dạng gồm những người thực hành giáo lý hàng ngày của Đức Phật. Chùa được thành lập bởi những người nhập cư Nhật Bản theo tín ngưỡng Jodo Shinshu do Shinran Shonin sáng lập. Trong những năm qua, chùa đã phát triển để bao gồm nhiều sắc tộc và văn hóa.

(Big News Network - July 22, 2020)



Chùa Phật giáo White River ở Auburn, Washington (Hoa Kỳ)—Photo: @whiteriverbt



Hình ảnh hàng năm của lễ hội Bon Odori

Photo: Big News Network

TÍCH LAN: Tư lệnh Hải quân cúng dường tại Bảo tháp Mirisawetiya và nhận được phước lành

Vào ngày 25-7-2020, Tư lệnh Hải quân, Phó Đô đốc Nishantha Ulugetenne đã cúng dường tại bảo tháp Mir-

isawetiya, một trong những thánh địa Phật giáo ở thành phố Anuradhapura.

Khi đến khuôn viên của ngôi đền, vị Tư lệnh Hải quân trước tiên viếng thăm Hiệu trưởng danh dự của Đại học Rajarata, Hòa thượng Ven. Ethalawetunuwewe Gnanatilake Thero.

Phát biểu trong dịp này, Hòa thượng đánh giá cao công tác của các Anh hùng Hải quân và ca ngợi Hải quân vì đã hỗ trợ cho những nỗ lực của Chính phủ nhằm loại bỏ mối đe dọa ma túy khỏi đất nước, bằng cách triển khai các hoạt động ngay cả ở vùng biển quốc tế.

Nhắc nhở về trọng trách trên vai của một Tư lệnh Hải quân, Hòa thượng Gnanatilake Thero đã ban phước cho Phó đô đốc Nishantha Ulugetenne về việc hoàn thành nhiệm vụ được giao phó. Sự trưởng cũng đã tặng một bản sao của chùa Mirisawetiya cho vị Tư lệnh Hải quân để đánh dấu dịp đặc biệt này.

(news.lk - July 27, 2020)



Hòa thượng Gnanatilake Thero và Tư lệnh Hải quân, Phó Đô đốc Nishantha Ulugetenne—Photo: news.lk

BANGLADESH: Bangladesh tài trợ xây dựng tu viện Phật giáo ở Nepal

Tại cuộc họp ảo do Thủ tướng Sheikh Hasina chủ trì vào ngày 27-7-2020, Nội các Bangladesh đã phê duyệt dự thảo của sự đồng thuận tài trợ cho việc xây dựng một tu viện Phật giáo ở Nepal.

Thỏa thuận được đề xuất này sẽ được ký giữa Ủy ban

Phát triển Lâm Tì Ni của Nepal và Chính phủ Bangladesh.

"Ủy ban đã phân bổ một mảnh đất cho Bangladesh sau khi nước này đề xuất xây dựng một tu viện ở Lumbini, nơi Đức Phật Cồ Đàm đản sinh," thư ký Nội các Bangladesh Khandker Anwarul Islam cho biết.

"Sự vụ này đã đến với chúng tôi từ Bộ các vấn đề tôn giáo. Khu vực thuộc Ủy ban Phát triển Lâm Tì Ni có mối liên hệ sâu sắc với Đức Phật Cồ Đàm. Phật tử từ các quốc gia khác nhau có mối liên hệ chặt chẽ với nơi này."

Kinh phí cho dự án xây dựng Phật viện nói trên, bao gồm cả các thiết kế, ước tính khoảng 512 triệu Taka ước tính, ông Anwarul nói.

(bdnews24.com - July 28, 2020)



Thủ tướng Sheikh Hasina chủ trì cuộc họp vào ngày 27-7-2020 cùng Nội các Bangladesh



—Photo: bdnews24.com

TÍCH LAN: Tổng thống nói rằng Đền thờ Răng Phật đã luôn luôn bảo vệ Tích Lan

Tổng thống Tích Lan Gototti Rajapaksa nói rằng Đền thờ Răng Phật đã luôn luôn bảo vệ Tổ quốc và nhân dân bản quốc.

“Chúng ta bày tỏ lòng tôn kính đối với Đền thờ Răng Phật thiêng liêng nhất này giống như cách chúng ta tôn kính Đức Phật.” Tổng thống nói, “Chúng ta có nghĩa vụ phải tôn kính đối với Đền thờ Răng Phật tối linh theo các phong tục cổ xưa của chúng ta.”

Tổng thống đã đưa ra những nhận xét trên tại buổi lễ tuyên bố hoàn thành tốt đẹp đại lễ hội Phật giáo Esala (Dalada) Perahera ở Kandy vào ngày 4-8-2020.

Để phù hợp với phong tục truyền thống, trưởng văn phòng quản lý Đền thờ Răng Phật Pradeep Dala Bandara đã trình lên Tổng thống cuộn sách về kết luận thành công của lễ hội Kandy Esala Perahera.

Tổng thống đã trồng một cây lim con tại cơ sở của Nhà Tổng thống ở Kandy để đánh dấu dịp này.

(PMD - August 4, 2020)



*Tổng thống Tích Lan (áo trắng, ngồi giữa) và các vị chức sắc của lễ hội Phật giáo Kandy Esala Perahera
Photo: PMD*

ẤN ĐỘ: 'Lời cầu nguyện cho một thời đại dịch' của Đức Karmapa 17 đã có sẵn dưới dạng Sách điện tử Miễn phí

Các tín đồ của Đức Pháp vương Gyalwang Karmapa thứ 17 (Ogyen Trinley Dorje) đã công bố vào ngày 3-8-2020 về việc phát hành một phiên bản mới của những lời cầu nguyện của ngài - được thu thập trong nhiều ngày qua - vào một cuốn sách điện tử (eBook) có bản dịch tiếng Tây Tạng và tiếng Anh, cùng với lời giới thiệu bằng tiếng Anh cho từng lời cầu nguyện. Sách có tựa đề 'Lời cầu nguyện cho một thời đại dịch', có thể tải xuống eBook miễn phí từ Dharma Ebooks, một trang web được ra mắt bởi Đức Karmapa thứ 17 vào năm 2017.

Vào tháng Tư, khi đại dịch COVID-19 lan rộng khắp thế giới, Đức Karmapa đã cầu nguyện và an ủi cho tất cả những người đang đau khổ. Bài pháp thoại của ngài, bằng tiếng Tây Tạng, đã được phát trực tiếp qua Facebook và sau đó được đặt trên kênh YouTube Kagyu chính thức, nơi tính đến nay nó đã được xem hơn 17.000 lần.

(Buddhistdoor Global - August 4, 2020)



Đức Karmapa thứ 17

THÁI LAN: Các nhà sư Phật giáo đã đảo ngược vai trò ở Thái Lan - bây giờ họ là những người quyền góp vật phẩm cho người khác

Người ta ước tính rằng hơn 8 triệu người - khoảng 12% dân số Thái Lan - có thể mất nguồn sinh kế do đại dịch Covid-19.

Để giảm bớt hoàn cảnh khó khăn của họ, nhiều ngôi chùa ở Thái Lan đang làm việc với cộng đồng Phật tử để nuôi sống những người có nhu cầu.

Chư tăng thường đăng trên Facebook một thông báo đến các thành viên cộng đồng để cùng dường những gì họ có thể. Chẳng hạn, vào tháng 5-2020, chùa Wat Sansai Don Kok ở Chiang Mai đã thiết lập một bàn cúng dường tại bàn tự - nơi có khoảng 200 người quyền góp mỗi ngày.

Với số tiền và thực phẩm thu được, các nhà sư và những người ủng hộ nhà chùa làm bữa ăn để giúp nuôi sống cộng đồng.

Sự đảo ngược vai trò giữa chư tăng và tục gia Phật tử đã giúp cải thiện hình ảnh của các nhà sư trong giới truyền thông Thái Lan, vốn có xu hướng tập trung vào sự dư thừa của tự viện, như việc đi máy bay riêng, đi đến trung tâm mua sắm và tham ô tiền bạc.

Nó cũng đã chỉ ra rằng hàng hóa vật chất không phải lúc nào cũng phải chảy độc quyền từ tín đồ đến tăng sĩ.

(NewsNow - August 5, 2020)

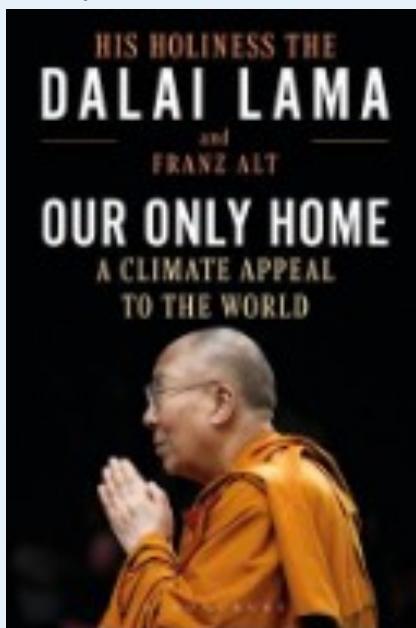
ANH QUỐC: Nhà xuất bản Bloomsbury Sigma sẽ xuất bản sách về biến đổi khí hậu của Đức Đạt lai Lạt ma

Bloomsbury Sigma đã mua lại một cuốn sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma về biến đổi khí hậu để xuất bản vào tháng 11 này.

Cuốn sách có tựa đề "Ngôi nhà duy nhất của chúng ta: Một lời kêu gọi với thế giới về khí hậu" của Đức Đạt lai Lạt ma được xuất bản dưới dạng bìa cứng với giá 10.99 bảng Anh vào ngày 12-11-2019. Theo tóm tắt của nhà xuất bản, trong các trang của sách này, Đức Đạt lai Lạt ma kêu gọi các nhà hoạch định chính trị "cuối cùng hãy chống lại bế tắc và sự thiếu hiểu biết" về vấn đề biến đổi khí hậu.

Cuốn sách đã được viết cùng với Franz Alt, nhà báo môi trường người Đức.

(NewsNow - August 5, 2020)



*Cuốn sách về biến đổi khí hậu của Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Katherine Cowdrey*

ẤN ĐỘ: Hòa thượng Bhikkhu Bodhipala viên tịch do COVID-19

Hòa thượng Bhikkhu Bodhipala, nhà sư Phật giáo Ấn Độ nổi tiếng và là tổng thư ký của Hiệp hội Phật giáo Bengal (BBA) có trụ sở tại thành phố Kolkata, đã viên tịch ở tuổi 52 khi đang điều trị COVID-19. Trước đó, bất chấp đại dịch, Hòa thượng Bodhipala đã tiếp tục viếng thăm các tu viện Phật giáo

và các vùng xa xôi của Ấn Độ, làm việc thay mặt cho các cộng đồng kém may mắn và phân phát hàng cứu trợ. Ông cũng cung cấp hỗ trợ cho hàng trăm gia đình Hồi giáo dễ bị tổn thương ở Bangladesh.

Trong thông báo trên mạng xã hội dành cho nhà sư đáng kính này, BBA đã bày tỏ nỗi buồn sâu sắc về cái chết của ông: "Đây là một mất mát lớn không chỉ đối với Hiệp hội Phật giáo Bengal, mà còn đối với thế giới của Phật giáo và nhân loại."

Sau khi Hòa thượng Bodhipala viên tịch tại Bệnh viện AMRI ở Mukundapur, Kolkata vào ngày 27-7, Hội đồng Tăng đoàn Tối cao của Ấn Độ và Bangladesh, Liên đoàn Phật giáo Bangladesh, Hội Đại Bồ Đề của Ấn Độ, và nhiều tổ chức khác cùng các cá nhân nổi tiếng đã gửi chia sẻ qua những thông điệp về vị cổ hòa thượng này.

(Tipitaka Network - August 6, 2020)



Hòa thượng Bhikkhu Bodhipala

Photo: Dharmankur Sabha Facebook

NHẬT BẢN: Các bức ảnh hồng ngoại cho thấy hình ảnh chư Phật thánh được vẽ trên 2 cột chùa

Kora, tỉnh Shiga - Thông qua chụp ảnh hồng ngoại,

các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra hình ảnh của 8 vị thánh Phật giáo được vẽ trên hai cột tại chính điện Hondo của chùa Saimyoji, có thể có niên đại hơn 1,300 năm. Những bức tranh nổi trên hầu như không thể nhìn thấy bằng mắt thường vì các cột đã bị đen do muội.

Vào ngày 9-8-2020, các nhà nghiên cứu cho biết rằng có những dấu vết cho thấy một số công việc đã được thực hiện đối với các bức tranh này vào khoảng thời kỳ Edo (1603-1867), nhưng các bức tranh gốc có thể đã được vẽ sớm hơn.

Tám vị thánh Phật giáo mô tả trong tranh, mỗi vị có chiều cao khoảng 70 cm, được cho là để cứu độ mọi người. Các tranh này được tìm thấy trên 2 cột ở bên phải và bên trái của ánh thờ "shumidan" ở trung tâm của chánh điện - mỗi cột có 4 tranh.

Saimyoji là một trong ba ngôi chùa cổ lớn ở tỉnh Shiga hiện nay. Chánh điện của ngôi chùa này được cho là xây dựng vào đầu thế kỷ 13 và đã được cải tạo lại như hiện tại vào giữa thế kỷ 14

(THE ASAHI SHIMBUN - August 11, 2020)



Chùa Saimyoji





Ảnh hồng ngoại chụp được hình ảnh của 8 vị thánh Phật giáo được vẽ trên hai cột tại chính điện Hondo của chùa Saimyoji



Photos: THE ASAHI SHIMBUN

THÁI LAN: Ngân hàng trung ương nhận 10kg vàng từ Phật tử để tăng dự trữ quốc gia

Ngày 11-8-2020, ngân hàng trung ương Thái Lan đã tiếp nhận 10 kg vàng do công chúng quyên góp để giúp tăng dự trữ của đất nước. Sự kiện này diễn ra trong một buổi lễ công đức được tổ chức để vinh danh cố hòa thượng Ajahn Maha Bua - một trong những vị thầy nổi tiếng nhất của Truyền thống Lâm Tế Thái Lan thuộc Phật giáo Nguyên thủy.

Trước khi viên tịch vào ngày 30-1-2011, nhà sư đã kêu gọi các tín đồ của mình

gây quỹ ủng hộ đất nước.

Kể từ đó, 25 buổi lễ công đức như vậy đã được tổ chức và đất nước đã được trao hơn 13 tấn vàng và 10.5 triệu đô la Mỹ (326 triệu Bath) tiền mặt.

Veerathai Santiprabhob, thống đốc Ngân hàng Thái Lan, đã tiếp nhận khoản quyên góp mới nhất này từ sự trợ trợ chùa Wat Pa Sattha Thawai ở tỉnh Udon Thani.

(nationthailand.com - August 11, 2020)



Ngân hàng trung ương nhận 10kg vàng từ Phật tử tại chùa Wat Pa Sattha Thawai (tỉnh Udon Thani) để tăng dự trữ quốc gia—



Photo: nationthailand.com

TÂY TẠNG: Lễ trao bằng Geshe Lharampa cho 12 nhà sư của Phật phái Gelugpa

Mười hai nhà sư đã được trao bằng Geshe Lharampa vào ngày 10-8-2020 tại Khu tự trị Tây Tạng, phía tây nam Trung Quốc.

Lễ trao giải được tổ chức tại chùa Jokhang ở trung tâm thành phố Lhasa, thủ phủ của vùng này.

Có lịch sử từ 400 năm trước, Geshe Lharampa - nghĩa là "trí thức" trong tiếng Tây Tạng - là học vị cao nhất đối với Cách Lỗ Phái (Trường phái Gelugpa:

Phái Mũ Vàng) của Phật giáo Tây Tạng.

Đề thi theo hình thức tranh luận, hỏi và đáp. Trong hoạt động tranh luận được tổ chức vào ngày 10-8, Chokyi Nambar từ Tu viện Champa Ling đã giành vị trí đầu bảng; Losang Jonang từ Tu viện Tashilhunpo và Ngawang Gonchen từ Tu viện Drepung lần lượt về thứ hai và thứ ba.

Cho đến nay, khoảng 140 nhà sư đã nhận bằng Geshe Lharampa kể từ khi kỳ thi này được khôi phục vào năm 2004.

(Big News Network - August 11, 2020)

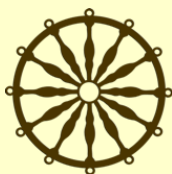


Chùa Jokhang ở trung tâm thành phố Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng



Các nhà sư Gelug đang tranh luận về kinh điển trong một cuộc thi Geshe Lharampa (tháng 4-2017)

Photos: Google



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN 2020 PHẬT LỊCH 2564

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Trưởng lão, chư Tôn đức Tăng Ni
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ, Cư sỹ, Phật tử và Đồng hương,
Chưa lúc nào như lúc này, nước Mỹ và toàn thể nhân loại đang chịu nhiều thảm họa tai ương. Từ đại dịch Coronavirus đến thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt, động đất... Giáo hội và cộng đồng Phật Giáo Việt tại Hoa Kỳ cũng cùng chung sự khốn khó ấy. Mọi sinh hoạt của Giáo hội trong năm nay đều phải hủy bỏ, trong đó có lễ Hiệp Kỳ các vị tôn túc trong Hội Đồng Giáo Phẩm Hoa Kỳ, Đại lễ Phật đản chung, Đại hội Khoáng Đại, An Cư, Khóa Tu học Bắc Mỹ lần thứ 10. Các chùa ở Mỹ đóng cửa hơn năm tháng qua và người Phật tử không thể về chùa tu học cùng một đại chúng như trước đây. Trước đại nạn của nước Mỹ và thế giới, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất Hoa Kỳ xin gọi đến chư liệt vị những tâm nguyện sau đây:

1. Thể hiện năng lực tu học của người con Phật trước một đại dịch. Đó là: **Định Tĩnh, Sáng Suốt và Sẵn Sàng**. Công năng hàm dưỡng tu học của chúng ta để đạt được nhiều phước lợi trong đó có ba điều này. **Định Tĩnh** là năng lực để hóa giải trước mọi sự sợ hãi quá đáng như đại dịch hiện nay. Sợ hãi đã giam hãm và cột trói con người rồi đưa đến khủng hoảng và trầm cảm tăng cao tại Mỹ. Cần định tĩnh và tin tưởng rằng chúng ta sẽ vượt qua đại dịch vì chúng ta có năng lực đề kháng của thân và tâm, cũng như biết phòng bệnh dựa trên lý trí mẫn tiệp. **Sáng suốt** là một năng lực cần thiết hiện nay. Chúng ta quen lệ thuộc vào mọi thứ, trong đó có sự lệ thuộc lớn vào suy nghĩ của người khác. Hãy thật sáng suốt để nhận định và đánh giá những suy nghĩ mà mỗi ngày chúng tràn ngập vào tim não chúng ta, rồi từ đó tạo thành những trăn trở cuồng phong khốn đốn cho chính mình. **Sẵn sàng** là khả năng cao thượng và hùng lực của người đệ tử Phật. Chúng ta đã cố gắng tất cả mọi đề phòng nhưng không may bị con Coronavirus tấn công thì chúng ta sẵn sàng chấp nhận. Bất cứ sự oán hận nào cũng chỉ làm cho vấn đề trở nên tồi tệ thêm và ảnh hưởng lớn lao đến người thân chung quanh mình.
2. Nhận thức rằng sự tu tập không chỉ tĩnh tấn trước một đại dịch như hiện nay mà phải khẳng định rằng chúng ta đã có gì trong tay để lúc này đem ra ứng phó. Như người tích lũy của báu lâu ngày, lúc bị thiên tai, dịch bệnh thì đem ra tiêu dùng chứ đâu phải bắt đầu chạy xuôi chạy ngược kiếm tìm. Muộn màng lắm thay! Trước một đại nạn tan thương, trước những biến động ngỡ ngàng cay đắng thường xảy đến, xin những người con Phật hãy cùng nhau quán niệm: **Năng lực của con đang thách đố**.
3. Coronavirus đang chia rẽ người dân Mỹ trong đó có cộng đồng Phật tử Việt. Người đệ tử Phật phải thường quán niệm: **an hòa ở đâu và làm sao giữ được**. Những tranh luận từ quan điểm, nhận thức, định kiến đã tạo nên nhiều xung đột, bất hòa và bạo loạn. Khẩu nghiệp trong thời điểm hiện nay cần được chú tâm tu luyện. Học biết yên lặng khi cần và tranh luận trong chừng mực nhưng phải mang đến sự an hòa.

Giáo Hội Phật giáo Việt nam Thống nhất Hoa kỳ xin nhất tâm dâng lễ chư tôn Trưởng lão, chư Tôn đức Tăng Ni và một lòng tin tưởng vào năng lực của quý Ngài để che chở cho cộng đồng Phật giáo Việt nam nơi quê hương mới này. Giáo Hội kêu gọi chư Thiện Tín, Cư sỹ, Phật tử và đồng hương thật Định tĩnh, Sáng suốt trước đại dịch hiện nay. Chúng ta cùng chấp tay nguyện với lòng: **Chúng con sẽ vượt qua. Nước Mỹ sẽ vượt qua. Và Thế giới sẽ vượt qua**. Mùa Vu Lan năm nay tuy có hoang vắng trong các sinh hoạt Phật giáo nhưng ta vẫn tràn đầy năng lực, một năng lực cần thiết để vượt qua đại dịch và khốn khó hiện nay.

California ngày 9 tháng 8 năm 2020 - Phật lịch 2564

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN HK

Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

c/2- Giác Phần Độ Địa Chướng:

c/1, Tiêu Biểu Chung:

Bài Tụng:

“Nơi Giác Phần (Bồ Đề Phần), độ (phép tắc), địa (Thập Địa); nên biết có biệt chướng.”

Giải Nghĩa:

Nơi Giác Phần: Giác tức là Bồ Đề, Phần gọi là chi phần, chính là bình thường chỗ gọi Pháp Ba Mươi Bảy Bồ Đề Phần, trong đây gọi đơn giản là Giác Phần. Tu Giác Phần thường bị chướng ngại, gọi là Giác Phần Chướng. Chữ Độ (Phép tắc) gọi cho đủ là Thập Độ (mười thứ phép tắc), cũng gọi là Thập Ba La Mật (mười Ba La Mật), nghĩa là mười thứ phép tắc. Thập Độ gồm có: Thí, Giới, Nhẫn, Tẫn, Định, Huệ, Phương, Nguyên, Lực và Trí. Nướng nơi Thập Độ đây có thể vượt qua đến bờ bên kia. Người tu Thập Độ có thể bị chướng ngại gọi là Độ Chướng. Chữ Địa, gọi cho đủ là Thập Địa tức là mười vị trí như Địa ban đầu gọi là Hoan Hỷ Địa, cho đến Địa thứ mười gọi là Pháp Vân Địa, v.v... đây là vị trí chỗ tu hành của Bồ Tát. Những thứ làm chướng ngại cho việc tu chứng Thập Địa nên gọi là Địa Chướng.

b/2 Giải Thích Riêng Biệt:

1> Giác Phần Chướng:

Bài Tụng:

“Nơi sự việc không thiện xảo, lười biếng, hai định giảm, không gieo trồng, con là yếu tánh (con lừa con yếu tánh), thấy, thô trọng lỗi lầm.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Ba Mươi Bảy Phần Bồ Đề. Ba Mươi Bảy Phần Bồ Đề chính là: Tứ Niệm Trụ—cũng gọi là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Đoạn—cũng gọi là Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc—cũng gọi là Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo; chung lại bắt đầu có bảy loại, ba mươi bảy thứ, gọi là Ba Mươi Bảy Phần Bồ Đề. Phần tức là chi phần hoặc là bộ phận, do các bộ phận đoàn kết viên mãn liền thành Bồ Đề. Hôm nay một bài Tụng đây là thuyết minh sự chướng ngại của Phần Bồ Đề này.

***. Thứ nhất,** Nơi sự không thiện xảo, nghĩa là thuyết minh chướng ngại của Niệm Trụ. Nguyên vì Tứ Niệm Trụ chính là bốn sự việc nơi Thân Thọ Tâm Pháp thường nương tựa thiện xảo (khéo léo) nơi đạo lý chân chánh, tức là Quán Thân Bất Tịnh, Quán Thọ Thị Khổ, Quán Tâm Vô Thường, Quán Pháp Vô

Ngã. Hiện tại nơi sự việc của Thân Thọ Tâm Pháp đã không thể thông đạt rõ ràng mà ngược lại còn sanh khởi chấp trước điên đảo. Như chấp trước các thứ của thân thể cho là thanh tịnh, đó chính là chướng ngại phát sanh nơi Chi Phần Bồ Đề của Tứ Niệm Trụ.

***. Thứ hai,** Lười Biếng đây, tức là chướng ngại Tứ Chánh Đoạn, cũng gọi là Tứ Chánh Cần, nghĩa là bốn thứ đang lúc cần mẫn. Bốn thứ Chánh Đoạn đây gồm có: 1- Điều ác chưa sanh khiến không cho phát sanh, 2- Điều ác đã sanh khiến cho đoạn diệt, 3- Điều thiện chưa sanh khiến cho phát sanh, 4- Điều thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng. Bốn thứ đây cần phải siêng năng



HT Thắng Hoan

dũng cảm thì mới có thể thành tựu, giả sử
lười biếng thì nơi công đức của Giác Phần này
bị chướng ngại.

*. **Thứ ba**, hai Định Giảm đây là chướng
ngại Tứ Thần Túc. Tứ Thần Túc gồm có bốn
thứ là Dục, Cần, Niệm và Huệ. Những thứ này
đều quan hệ nơi phương diện tu định; người
tu định không thể thiếu một trong bốn thứ
này, nếu có chỗ giảm thứ nào thì trở thành
chướng ngại. Thí dụ như người khi tu định,
chú trọng nơi huệ phát sanh cho được thông
suốt, trong lúc đó hai thứ Dục và Cần không
thể thiếu mặt, nếu như thiếu một trong hai
thứ này thì trở thành chướng ngại của Tứ
Thần Túc viên mãn. Lại nữa người tu định cần
phải thực hiện tám thứ đoạn hành (*hành trì
đoạn trừ*) cho được thuần tục. Tám thứ Đoạn
Hành gồm có: Dục, Cần, Tín, An, Chánh
Niệm, Chánh Tri, Tứ, Xả. Trong tám thứ đây
nếu như có một thứ bị giảm sút thì chỗ đối trị
không được viên mãn. Như trong hai thứ đây
hoặc Dục Cần bị giảm sút, hoặc tám Đoạn
Hành bị giảm sút, đều là chướng ngại của Tứ
Thần Túc.

*. **Thứ tư**, Không gieo trồng là chướng
ngại Ngũ Căn (*năm thứ căn bản*). Người tu
Tín, Cần, v.v... năm Căn chính là đem hạt
giống thiện của năm Căn đây gieo trồng nơi
Tâm Địa, khiến cho gốc rễ và mầm chồi phát
sanh, thí dụ như trồng cây gốc phải vững
chắc thì mới sống được. Nếu không như thế là
không thể thành tựu pháp phần công đức của
Ngũ Căn.

*. **Thứ năm**, Con La (*con lừa con*) yếu
tánh là chỉ cho chướng ngại Ngũ Lực, chính là
năm thứ Tín v.v... mặc dù căn bản đã kết
thành, nhưng Lực thì không mạnh và tánh của
nó yếu như con La cũng là chướng ngại phần
Bồ Đề viên mãn.

*. **Thứ sáu**, Thấy sai lầm đây là chướng
ngại Thất Giác Chi (*Bảy Giác Chi*). Nguyên vì
Thất Giác Chi chính là công đức tương ứng với
Kiến Đạo, nếu chỗ thấy biết còn có mang sự
sai lầm thì làm chướng ngại Thất Giác Chi.

*. **Thứ bảy**, Thô trọng lỗi lầm là chướng
ngại Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo là công
đức tương ứng địa vị tu đạo của ba Thừa,
chính là chỗ tu đối trị đoạn Hoặc Câu Sanh
Phiền Não, nhân vì Hoặc đây tánh của nó thô
trọng khó đoạn trừ, cho nên gọi là thô trọng
lỗi lầm. Hoặc nếu như hiện hành liên trở
thành chướng ngại cho Bát Chánh Đạo. Như
thế, trong Ba Mươi Bảy Phần, mỗi phần đều
có chướng ngại của nó, hợp lại thành bảy lớp,
đã được giải thích sơ lược qua.

2> Mười Độ Chướng:

Bài Tụng:

**“Chướng phú quý, thiện thú; không bỏ
các hữu tình; nơi thất đức tăng giảm;
khiến vào cõi, giải thoát. Chướng Thí
v.v... các thiện vô tận, chỗ làm thiện**

quyết định; thọ dụng thành thực.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh mười Độ
Chướng. Chữ Chướng là thuyết minh mặt
trái của sự thật; như tu bồ thí chính là đoạn
tham và tham tức là chướng ngại của bồ thí;
trì giới chính là cấm chỉ điều ác và điều ác
tức là chướng ngại của trì giới, v.v... Như là
mười Độ mỗi mỗi đều có mặt trái và mặt trái
chính là chướng ngại của mười Độ. Tụng nói
Chướng Phú Quý đây chính là tham trước
tiền của cho nên không thể tu hạnh bồ thí
để đoạn trừ chướng này, đây là sự chướng
ngại nơi phú quý sẽ đến với người và trời.
Nguyên do Chướng Thiện Thú (*chướng ngại
sanh lên cõi thiện*) là không trì giới mà liên
tiếp tạo ác, cho nên bị đọa vào cõi ác và còn
chướng ngại sanh lên cõi thiện. Chướng
không bỏ các hữu tình nghĩa là Bồ Tát nhân
nhờ có Tâm Đại Bi lúc nào cũng độ chúng
sanh, thường làm những việc khó làm,
thường nhận những điều khó nhằn. Cho nên
chữ thường trong đây, nghĩa là nhân tu an
nhẫn, nếu như không tu nhẫn nhục thì
không thể nhẫn nại trước những điều khổ
nhọc, không thể ở trong cõi chúng sanh
thường độ chúng sanh, cũng chính là không
thể không bỏ các hữu tình. Như Bồ Tát nhân
vì độ chúng sanh cho nên thường cảm sanh
vào cõi thiện, sanh vào nhà phú quý, dùng
năng lực Đại Bi không bỏ hữu tình, điều cần
yếu là tu nhẫn nhục, nếu như không thể
nhẫn nhục thì chướng ngại công hạnh không
bỏ hữu tình. Chướng nơi thất đức tăng giảm,
chữ Thất là sai lầm, chữ Đức là công đức,
nghĩa là Bồ Tát tu hành là khiến sai lầm
giảm thiểu và khiến công đức gia tăng, nếu
như không tu tinh tấn thì không thể khiến
sai lầm giảm thiểu và khiến công đức được
gia tăng. Chướng khiến vào cõi, nghĩa là
chướng ngại của sự tu thiện định. Nhờ tu
thiện định thần thông có thể phát sanh để
khiến tất cả chúng sanh vào trong cõi Pháp
của Phật. Nếu như tâm tán loạn thì không
thể tu Định và cũng là chướng ngại cho công
hạnh giúp chúng sanh vào trong cõi Pháp
của Phật, nên gọi là khiến vào cõi. Chướng
khiến giải thoát, nghĩa là ý nói chướng ngại
cho sự tu trí tuệ. Nhờ tu trí tuệ, tự mình mới
có thể giải thoát và cũng có thể giúp người
khác được giải thoát. Nếu như không tu trí
tuệ thì chính mình và người khác cả hai đều
bị chướng ngại không thể nào giải thoát
được. Chướng Thí, v.v... (*Lục Ba La Mật*) các
thiện vô tận, nghĩa là nói không thể tu tập
phương tiện độ; người nếu như có thể tu tập
phương tiện thì có khả năng đem chỗ tu bồ
thí vô tướng hồi hướng Bồ Đề và hồi hướng
cho tất cả hữu tình, đồng thời khiến chỗ tu
thiện được rộng lớn vô lượng vô cùng giống
như hư không. Còn người nếu như không

thể tu phương tiện thì chỗ tu của họ bị chấp trước bị giới hạn, do đó hạnh tu Bồ Thái, v.v... của họ bị chướng ngại không cùng tận. Chướng cũng không gián đoạn, nghĩa là không thể tu Nguyên Ba La Mật. Chữ Gián là gián đoạn, là ngăn cách, là giải thoát, Vô Gián nghĩa là không gián đoạn. Nhờ tu tập đại nguyện cho nên năng lực tương ứng, khiến những pháp thiện chỗ tu được thường không gián đoạn và những pháp nhiễm mãi thường viễn ly, nhân đó có thể thường độ chúng sanh, Bồ Đề viên mãn. Nếu như không có đại nguyện thì pháp thiện bị gián đoạn và pháp nhiễm lại lần lộn, không tương ứng cùng Tâm Bồ Đề và không thể độ chúng sanh. Chướng chỗ làm thiện quyết định, tức là chướng ngại không tu Lực Ba La Mật. Bởi vì có tu Lực thì mới có năng lực làm chủ và nhờ đó nơi chỗ pháp thiện mới có quyết định được. Nếu như không tu Lực là không có năng lực và nơi chỗ làm pháp thiện thì không thể quyết định, cho nên gọi là có tâm mà không có lực. Vì thế không thể làm pháp thiện và hư hoại không thể cải thiện được, cho nên không tu Lực thì trở thành chướng ngại làm pháp thiện. Như thế Lực đây, thứ nhất chính là năng lực suy xét chọn lựa trên trí tuệ, xác nhận đây là, đây không phải là, đây là ác đây là thiện v.v... khả năng phân biệt quyết định dứt khoát đều là do Lực cả; thứ hai là năng lực do tu tập được thành thực, có khả năng đảm nhiệm giữ gìn đầy đủ, như một điều kiện làm được rất nhanh rất tốt chính là năng lực tự tại thần tốc khéo léo. Nếu như có tâm mà không có lực thì chướng ngại cho việc làm thiện. Còn chướng thọ dụng pháp thành thực là chướng ngại không tu Trí Ba La Mật. Bát Nhã Độ thứ sáu, đây dịch là Huệ, chính là trí tuệ thấu rõ lý vô phân biệt, trí tuệ này thấu rõ các sự việc nhân quả sai biệt của mình và người; nếu như không thấu rõ viên mãn, tức là ở nơi pháp thọ dụng trở thành chướng ngại. Cho nên mười Độ đây nơi phương diện tương phản thì có mười pháp trở thành chướng ngại, do đó có thể khiến cho công đức của Bồ Tát không thể viên mãn. Dưới đây sẽ giải thích mười chướng của mười Địa.

(còn tiếp)

CẢM NIỆM VU LAN

*Nam mô Phật! Hôm nay rằm tháng Bảy
Cầu Thượng đài mở rộng Cửa Từ Bi
Xin Pháp Thuyền Bát Nhã đức A Di
Chở muôn hướng oan hồn về dự lễ;*

*Nam Mô Pháp! theo hương trầm tỏa nhẹ
Dâng hồn thơm làm sở nhập cung mây:
Chúng sinh từ vô lượng kiếp tới nay
Đường mê muội luân hồi trong lục đạo;*

*Nam Mô Tăng! Bể trần gây vũ bão
Thuyền sanh linh chìm đắm sóng mê lầm.
Đệ tử xin thọ pháp Bồ Đề Tâm,
Hương thanh khiết kết cùng trăm tin ngưỡng.*

*Nhớ Phật dạy: Bao tài năng, đức tướng
"Thấy mọi loài đều chẳng khác Như Lai,
Tất cả chúng sanh có đủ Trí, Tài.
Nhưng nghiệp chướng xoay quanh vòng điên đảo,
Nên không chứng Niết Bàn ngôi Tam bảo..."*

*Nghìn đời qua... lời Phật giáo uyên thâm
Ôi, vàng châu làm mất điểm lương tâm,
Kho tích đức chất đầy gương hung bạo.
Tài đem dụng xây non xương biển máu
Rình rập giăng cuộc chém giết hung tàn,
Đề tranh giành điểm thắng lợi vinh quang
Gieo ác quả và hái lầm Tiêu Diệt !*

*"A Di Đà Phật" mõ rền chuông nổi
Tôi đắm chìm trong thế giới trầm hương...
Bỗng nghe vang lời cầu đảo bi thương,
Chợt tỉnh: lặng ngắm tín đồ nam nữ,
Đây là vợ khóc chồng đây xa xứ,
Đó là chồng khóc vợ tử- biệt ly,
Cha có con khổ bệnh tới quy y
Cảnh quần quai trong vòng vô lượng khổ.*

*Trí vang ngân lời Kinh cầu siêu độ
Từng nhịp lòng Nhân Ái gọi theo chuông
Trong phút giây tôi sống giữa hai đường
Phật bất diệt và Trần gian tiêu diệt.*

tho TÂM TÂN

LUẬN VỀ: CÁI CHẾT NGUYÊN CON



Điều ngự tử Tin Nghĩa

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Nói về cái chết trong Chánh Pháp số 105, chúng tôi cũng có đưa ra một vài phần nhỏ, tuy không thấu triệt, nhưng cũng tạm để công hiến đến quý độc giả. Nay chúng tôi tiếp tục về cái chết qua số Chánh Pháp 106 này cũng có những cái để chúng ta suy tư về “Cái Chết Nguyên Con”... Còn những cái chết gần đây do Covid-19 gây ra, hoặc những cái chết bạo loạn nơi chúng ta đang tạm dung, nhận quốc gia này là quốc gia thứ hai... chúng tôi không có tư cách diễn tả hay tường thuật...

Thông thường nói đến cái “Chết”, đa số ai cũng sợ. Người nào nói không sợ là vì nó chưa cận giây phút sắp chết, đối diện với cái chết; cái mà sắp bỏ tất cả những gì mà mình đang có, rồi liên tưởng từ từ sẽ không còn... hoặc chỉ nói cho sướng miệng, anh hùng tính mà thôi... Ngoài trừ những vị có đức tính hy sinh cho đại cuộc thì xem cái chết tựa lông hồng... Hoặc các bậc chân tu trong Phật giáo thì xem cái chết là giả huyền, vì các ngài đã thân chứng về sự sống chết, được mất chỉ là hư ảo; đã thấu triệt về luật vô thường. Các ngài đã quán khổ hải là bồ đề và ngược lại...

Luận về cái chết của con người hay vạn loại hữu tình cũng na ná nhưng cũng có sự khác biệt lắm. Có người chết không toàn thân vì gặp phải cảnh bom rơi đạn lạc, hay bị hổ giào tận thân,... đủ thứ.

Mỗi khi người ta nộ khí xung thiên một vấn đề thì thốt lên: hoàn cảnh thế này chết còn sướng hơn, hoặc chết cho khuất mắt,... Hoặc khi gặp đối tượng không vừa ý thì trù ẻo, nộ rủa: thứ mày sống chật đất, mà chết chôn cũng chật đất, hoặc là mày là thứ đáng chết,... chao ôi! chữ “Chết” đem ra diễn đạt cũng nhiều cái éo le, khó nghe, nhưng cũng có những cái thật là buồn cười. Vì thế mà bút giả có câu chuyện, nay xin công hiến đến độc giả để cười cho vui,...

Số là, có một chàng thanh niên cao ráo vạm vỡ, tuần tú khôi ngô, con nhà vừa giàu có mà lại vừa có học vị khá cao, sinh ngữ đọc thông viết thạo về cả Anh, Pháp và Hán văn. Với những lý do về thanh thể của gia đình và khả năng đã có nên anh ta xem mọi người

bằng nửa con mắt, nhìn những thanh niên trang lứa cùng anh xem như học trò không khác.

Có một duyên sự của riêng anh, do đó anh ta muốn xa nhà để đi tìm một vấn đề thích hợp với bản năng xứng ý nào đó cho riêng mình.

Trước khi đi, anh vào tiệm sách mua một số nhật báo, báo tuần, để đi đường đọc và quên đi thời gian xa nhà.

Đi được vài ngày đường, thì anh phải qua sông để đi tiếp.

Bước xuống chuyến đò ngang, một cô lái đò vừa trắng trẻo vừa duyên dáng đang ngồi đợi khách. Chàng ta bước chân xuống đò trên tay cầm số báo mới mua. Bước chân xuống đò, đi thẳng đến thanh ngang gần cô chèo đò để ngồi cho thoải mái. Còn dụng ý của chàng ta thì chỉ có trời mới biết.

Đò chuẩn bị rời thì ba cậu thanh niên choai choai, tuổi độ mười tám đôi mươi cùng chạy đến kịp và nhảy lên đò, miệng bồ bồ la nói lung tung, không ai chịu nhin ai. Ba cậu ấy tên An, Bình, Hiệp.

Chàng thanh niên đẹp trai học giỏi thấy khó chịu. Anh chàng những tưởng trên chuyến đò chỉ có anh ta và cô gái chèo đò; nào ngờ lại gặp ba chú lâu la cùng đi nên chàng ta ngồi im, lấy làm khó chịu, liền đem báo ra đọc.

Ban đầu, chàng lấy tờ báo Hoa ngữ, ra đọc chưa được mấy phút thì, một trong ba đứa thách nhau rằng:

- Thắng nào dám đến ngồi gần ông đẹp trai ấy không?

- Có, cậu An bảo, để tao.

Chú này mò để làm quen, sau vài câu xã giao, rồi tiện tay đỡ tờ báo ông đang đọc.

Ông ta thả tờ báo xuống và nghiêm sắc mặt bảo:

- Có biết đọc chữ Tàu không mà rờ vào?

- Dạ không.

- Thế thì đưa tay rờ vào để làm gì!

- Cháu thấy có hình Võ sĩ kiêm Tài tử Lý Tiểu Long đẹp quá, cháu thích nên đường đột xin xem cho biết.

- Tôi nói cho cậu biết: Thời buổi văn

minh rồi, phi thuyền đã lên cung trăng để thám hiểm rồi, khám phá bao nhiêu sự việc rất mới mẻ khác với quả đất chúng ta đang ở rồi, cậu không chịu học, không biết ngoại ngữ, xem như cậu đã chết mất một phần ba cuộc đời, còn chi. Đi chỗ khác.

Cậu nhóc con bị ông ta mắng cho một trận, nên lủi thủi quay về chỗ cũ.

Ông ngồi trở lại tư thế nghiêm nghị và cũng để làm cho đẹp lòng cô lái đồ, yên lặng lấy tờ báo Times ra đọc. Ông cũng đọc được năm mười phút, thì cũng ba cậu nhóc con, hai cậu còn lại thách đố nhau. Bình bảo:

- Còn hai đứa mình, ai dám bước đến ông ấy không?

Hiệp đang do dự, Bình phá lên:

- Thôi để tao.

Bình cũng mon men bò đến bên ông, ông ta chỉ chăm chăm đọc báo mà không cần biết là có Bình bên cạnh. Ông đang mải mê bài bình luận, Bình thò tay vào rờ rẫm tờ báo. Ông liền thả báo xuống như lần trước, nghiêm sắc mặt bảo:

- Cậu làm gì thế?

- Cháu đang xem hình Michael Jordan. Cháu rất thích thể thao mà cháu lại mến mộ ông này. Nhân gặp được hình ảnh ông ta trong báo thầy đang đọc, nên cháu xem ké cho đỡ ghiền. Liền đó, ông thả tờ báo xuống và cũng nghiêm nghị bảo:

- Cậu biết Anh ngữ không mà đọc?

Cậu bé trả lời ngắn gọn:

- Dạ không.

- Trời đất quỷ thần ơi! Thời buổi này mà không biết Anh ngữ, là coi như chết mất nửa đời người rồi, cậu biết không: Anh ngữ vẫn là loại sinh ngữ cần phải đọc. Hiện giờ thế giới chỉ giao thiệp với nhau bằng hai thứ sinh ngữ. Một là Anh văn, hai là Pháp văn nhưng đa phần, thế giới dùng ngôn ngữ Anh vẫn là thông dụng nhất. Sao cậu không chịu học như tôi?

Bị la mắng một trận, Bình lủi thủi trở về chỗ cũ với hai bạn. Còn chàng đẹp trai, học thức kia thì khuôn mặt hăm hăm vì mấy cậu nhóc con làm phiền nên không còn được một chút thời gian nào để khoe khoang với cô chèo đồ. Cô lái đồ vẫn ung dung chèo với nhịp mái đầy khoan thai. Nghỉ một một chút sau cơn giận rồi cũng vói tay lấy tờ báo Paris Match đọc tiếp để giết thì giờ qua chuyển đồ ngang. Ông đọc chưa được bao lâu. Hiệp còn lại trong nhóm, nói:

- Mấy cậu bất tài nên bị ông ta la rầy. Thôi thì lần này để tao đến, xem thử ra sao.

Hai cậu bạn nói:

- Mầy cũng chẳng tài cán gì đâu. Ông ta ý lớn, nhà thông thái, giàu có, đẹp trai thì lúc nào cũng tỏ vẻ ta đây, chẳng nề nang một ai đâu. Nhưng thôi, đến phiên mầy cũng nên thử cho biết.

Hiệp cũng lần mò bò đến gần cạnh ông,



ngồi vòng tay nhìn ông ta đọc báo. Hiệp thả một câu xã giao:

- Thưa thầy, thầy đọc báo chi vậy?
- Cậu hỏi làm gì?
- Cháu thấy tờ báo mà không biết sinh ngữ nào, nhưng có cái tháp cao và đẹp, cháu muốn tò mò xem cho biết.
- Cậu có học Pháp văn không?
- Dạ, thưa không.

Ông thả tờ báo xuống và bắt đầu la mắng tiếp như hai bạn nó. Ông bảo:

- Báo này là báo Pháp, tên là Paris Match, tháp này là tháp lịch sử của Pháp tên là tháp Eiffel Tower, biết chưa: Thời buổi này, muốn đi đó đây thì phải biết ngoại ngữ. Cậu không học là xem như chết mất ba phần tư đời người của cậu đó. Thôi về lại chỗ củ với bạn cậu.

Hiệp cúi đầu về và bị hai bạn chọc quê:

- Hai chúng ta tưởng mày ngon lành, té ra cá mè một lứa.

Ba đứa không buồn mà cười chọc quê nhau,...

Con đồ ngang chèo chưa được nửa con sông, bất thành lỉnh gió to và mưa bắt đầu trút nước. Cô lái đồ cố gồng tay lái, nhưng gió quá sức nên đồ chòng chành; mưa và gió càng lúc càng mạnh thêm, nên con đồ xoay vòng vòng một độ rồi bị lật nghiêng, nước vào ào ào...

Khi đồ lật, nước đầy, mạnh ai nấy lo thoát thân. Ba chàng nhóc con biết bơi thì tư tử bơi vào bờ. Cô gái chèo đồ tuy không nhanh nhẹn như ba chú nhóc con kia nhưng cũng tự cứu mình được. Riêng anh chàng kia, khi đồ chòng chành, ông ta đã mất tinh thần. Đồ lật ông cũng rơi theo xuống sông cùng với bốn người kia; mấy tờ báo vung là chả, bị nước

cuốn. Một vài tờ vương vào lấp mắt ông, ông vừa đưa tay hắt báo mà cũng vừa kêu ới ới:

- Cứu tôi với, cứu tôi với,...

Ba cậu nhóc con bơi cũng gần đến bờ, liền quay người lại vừa cười, vừa đồng la to:

- Hoàn cảnh lúc này mà không biết bơi tức là **"Chết Nguyên Con"** rồi, còn gì,...

Câu chuyện đến đây tạm ngừng. Tuy thế, bút giả có chút thiện ý góp vào là như thế này:

Người xưa, dạy con cái phải biết khiêm nhường và từ tốn, đừng ý lại, nên có câu:

*"Ai nhất thì tôi xin nhì,
Còn ai hơn nữa, tôi thì đứng ba."*

Hoặc là:

*"Trong nhà nhất mẹ, nhì con,
Ra đường còn có kẻ dòn hơn ta."*

Hay là:

"Tam nhơn đồng hành tất hữu ngã sư",
nghĩa là ba người cùng đi ắt có thầy ta ở trong đó.

Chúng ta phải biết:

"Biển học vô nhai," nghĩa là biển học là vô bờ.

Thật vậy, tuy chàng trai văn võ kiêm toàn, nhưng giỏi một mặt nào đó, không hẳn là tất cả.

Cái chết ấy gọi là bất đắc kỳ tử, chết đuối, chết sông... Cho nên, sinh tiền cần niệm danh hiệu Phật A Di Đà nhất tâm, thì giây phút ấy mật niệm đến câu niệm Phật có thể được vãng sanh. Đó gọi là "Đối nghiệp vãng sanh." Trong Phật giáo, khi tu hành theo pháp môn Niệm Phật, là tu về pháp môn Tịnh độ. Nhưng có kẻ lại bảo: Tịnh độ là môn tu niệm Phật, tức là ý lại nhờ vào tha lực.

Phát ngôn như vậy là chưa hiểu gì Pháp môn Tịnh độ. Niệm Phật thì phải có đủ ba đức: Tín, Nguyện và Hạnh. Thiếu một trong ba đức ấy không thể thành tựu. Tuy nhiên, có đủ ba đức mà thực hành không cần mật, nghiêm túc, tinh chuyên,... cũng không đạt được quả vị. Phải trú dạ lục thời, phải chuyển biệt với pháp môn. Tức là sự nhứt tâm mà lý cũng nhứt tâm,...

Học vị bên ngoài của thế tục cũng vậy. Một bác sĩ học xong, đỗ đạt thành tài, nhưng không phải bệnh nào cũng chữa được. Bởi thế mới có những vị bác sĩ chuyên ngành là vậy. Các môn học khác về khoa học, về nhân văn,... cũng như thế.

Bài viết có hơi dài, bút giả xin tạm ngừng ở đây. Mong rằng chúng ta không phải là ông văn võ kiêm toàn như trên đây.

Kính chúc,

Trọng thu Canh Tý, June 10th 2020.



MÂY TRẮNG

Mẹ chết từ thu lá rụng vàng
Con về đất cũ vẩn khăn tang
Mẹ ơi con điếng người bên mộ
Trần trọc đêm dài con khóc than
Từ đó còn gì lưu luyến nữa
Lạnh lùng con sống chuỗi ngày đơn
Mẹ ơi biết mấy nơi phường phố
Con bước chân lên đêm tui hờn
Hờ hững bao ngày đâu phải mẹ
Nghẹn ngào con khóc những đêm mưa
Mẹ ơi năm tháng rồi ra cũng
Con sống hình như để sống thừa
Bước giữa phố phường mưa gió để
Nghe cười thiên hạ những nhà vui
Bao nhiêu mái tóc bằng con đỏ
Mẹ nghĩ làm sao chẳng ngậm ngùi
Họ cũng như con thời trẻ dại
Một thời trẻ dại để qua đi
Có người mẹ đứng nhìn con ngủ
Sờ trán cười nhưng chẳng nói chi
Mẹ chết đi rồi con mới thấy
Lòng dâng rào rạt nguồn thương yêu
Nhớ rằng có bận từng đêm trắng
Mẹ thức cho con ngủ được nhiều
Mẹ khổ cho con được sống vui
Con no mẹ đói vẫn tươi cười
Áo đơn mẹ nhịn cho con ấm
Và biết bao nhiêu nữa kiếp người
Hình bóng ngày xưa khuất núi rồi
Còn đây khăn trắng vẩn dấu thôi
Còn đây một mảnh hồn đơn chiếc
Như cánh chim cô bật cuối trời
Con nguyện thề ghi sâu ký ức
Huyết dài bóng xế lấp đời con
Lạy trời cho mẹ hồn siêu thoát
Phảng phất về đây thương nhớ con
Hai cõi bao giờ được gặp nhau
Tóc xanh dù trắng đến bạc đầu
Làm sao quên được sao quên được
Mẹ ở đâu rồi trên biển dâu?



Chân dung thi sĩ Nguyễn Đức Sơn qua nét họa của họa sĩ Đinh Trường Chinh (con trai của danh họa Đinh Cường)

thơ

NGUYỄN ĐỨC SƠN

HÌNH TƯỢNG CHA MẸ TRONG KINH DUY MA CẬT

Chân Hiền Tâm

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. Hình tượng Cha Mẹ qua các kinh luận

Xưa vào thời đức Phật còn tại thế, ở một ngôi làng nọ có hai mẹ con sống cô cút bên nhau. Cả hai đều phải làm lụng vất vả nhưng cuộc sống vẫn cơ cực. Chàng thanh niên bất mãn chán nản. Khi nghe đồn về sự ra đời của đức Phật và giáo pháp của ngài, chàng quyết tâm bỏ mẹ, tìm cho được Phật để mong ngài có thể giúp mình có cuộc sống tốt hơn.

Trên đỉnh núi Linh Thứu, Thế Tôn đang nhập định quán sát nỗi khổ của chúng sinh. Ngài thấy cảnh người mẹ đang ôm đầu bệnh tật, ngày đêm vẫn trông con. Ngài lại thấy hình ảnh của chàng thanh niên, không sợ rừng cao nước độc, vẫn một lòng quyết chí tìm gặp cho được Phật. Thế Tôn động lòng từ, quyết độ cho hai mẹ con được như sở nguyện. Ngài hoá hiện thành vị Sa môn đi khất thực. Gặp được vị Sa môn, chàng thanh niên hỏi thăm về nơi ở của đức Phật, vị Sa môn trả lời: **"Người hãy quay lại con đường cũ, nếu gặp ai đi dép trái chân, người ấy chính là Phật"**.

Chàng thanh niên nghe lời vị Sa môn và quay trở lại. Gặp ai cậu cũng chú ý đến chân họ. Không một ai đi dép trái chân. Cậu thấy mình trở về nhà cũ. Cậu đưa tay gõ cửa và cất tiếng gọi mẹ. Người mẹ nghe tiếng con, vội vàng xỏ chân vào dép mà không hề biết mình đang mang dép trái. Bà mở cửa, cậu con trai nhìn thấy mẹ mang dép trái, tình ngộ ôm chầm lấy mẹ.

Qua hình tượng người mẹ trong câu chuyện trên, cộng với các lời dạy hiếu kính đối với cha mẹ trong các kinh thì việc hiếu kính cha mẹ, dù là Phật tử tại gia hay xuất gia, đều được đặt lên hàng đầu. Công đức cúng dường cha mẹ nhiều như công đức cúng dường chư Phật.

Kinh Nhân Nhục nói:

**"Cùng tột điều thiện không gì hơn hiếu
Cùng tột điều bất thiện không gì hơn bất hiếu."**

Kinh Tạp Bảo Tạng ghi: **"Người nào muốn cúng dường Thánh hiền và Phật,**

hãy cúng dường cha mẹ, tất cả thánh hiền và Phật đều ở trong nhà."

Tuy nhiên, tùy theo cách suy nghĩ của từng người mà việc hiếu nghĩa được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau, từ đó kết quả có khác nhau. Có những hiếu nghĩa giúp đời sống tâm linh cũng như vật chất của cha mẹ ngày càng đi lên. Có những hiếu nghĩa khiến đời sống vật chất và tâm kinh của cha mẹ ngày càng đi xuống. Vì thế đức Phật không chỉ dạy chúng ta có tâm hiếu kính với cha mẹ mà còn dạy chúng ta cách hiếu kính thế nào để việc hiếu kính được tròn đầy, cha mẹ được an vui đời đời ...

Kinh Trưởng Bộ dạy:

- Cung kính và vâng lời cha mẹ.
- Phụng dưỡng khi cha mẹ già yếu.
- Giữ gìn thanh danh truyền thống gia đình.

- Bảo vệ tài sản cha mẹ để lại.
- Lo tang lễ chu đáo khi cha mẹ qua đời.

Bài kinh này, nếu con cái ứng dụng được thì cha mẹ sẽ vừa lòng mà an vui, vì không bậc cha mẹ nào không muốn con cái vâng lời mình dạy cũng như bảo vệ và phát huy những gì họ đã gây dựng từ của cải cho đến thanh danh của gia tộc. Việc lo tang lễ chu đáo, với người đời cũng biểu hiện sự hiếu kính chu toàn của con cái đối với cha mẹ.

Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy:

- Nếu cha mẹ chưa có niềm tin, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm tin tưởng Tam bảo.

- Nếu cha mẹ xan tham, phải khuyến



khích cha mẹ phát tâm bồ thí.

- Nếu cha mẹ theo điều ác, phải khuyết khích cha mẹ hướng về đường thiện.

- Nếu cha mẹ theo tà kiến, phải khuyết khích cha mẹ trở về với chánh kiến.

Đây là phần giúp đời sống tâm linh cũng như vật chất của cha mẹ đời đời được đầy đủ, không rơi vào ba đường khổ. Tin tưởng và qui y Tam bảo là bước đầu giúp ta có chánh kiến. Chánh kiến là nền tảng để thân và lời nói của mình không rơi vào bất thiện nghiệp. Nếu làm thân người thì có được thân tướng tốt đẹp, đời sống tâm linh an lạc, đời sống vật chất dư giả. Bởi cái quyết định đời sống cũng như thân tướng của một người không phải chỉ ở sự chăm chỉ, khôn lanh hay tài giỏi mà chính là ở ba nghiệp thân, lời nói và sự suy nghĩ của chính người đó. Ba nghiệp thiện thì ta có thân tướng và cuộc sống vừa ý. Ba nghiệp bất thiện thì thân tướng và đời sống của ta thường bất như ý.

II. Hình tượng Cha Mẹ trong kinh Duy Ma Cật

Theo kinh Duy Ma Cật, hai từ Cha Mẹ được ngài Duy Ma Cật giải thích như sau:

Trí độ, mẹ Bồ tát

Phương tiện ấy là cha

Trí độ, là độ Trí tuệ trong Lục độ vạn hạnh của Bồ tát.

Phương tiện, là những phương thức thiện xảo mà nhờ nó, một vị Bồ tát có thể tự lợi và lợi tha.

Người con nói đây không phải là một chúng sinh bình thường mà là một vị Bồ tát. Kinh này chỉ dành cho hàng Bồ tát không phải mình?

Kinh này dành cho hàng Bồ tát, đúng là như thế. Nhưng 'Sống trong đời cần có một tấm lòng'. Bởi điều đó mang lại an vui hạnh phúc cho mình và cho người. Bởi, tánh Phật là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ vì bị vô minh che lấp mà không hiển được những lực dụng như Phật. Cái gốc ấy vốn thường, lạc, ngã, tịnh. Khi ta hành thiện nghiệp là ba nghiệp đang tương ứng với gốc ấy, nên nó mang lại an vui cho chính ta. Hành ác nghiệp, tức nghịch với gốc ấy nên đọa vào những cảnh giới khiến ta phiền não. Vì thế, dù chưa thể một lần phát tâm bồ đề "Trên cầu Phật đạo. Dưới hóa độ chúng sinh" thì bài pháp đó vẫn có phần cho những ai muốn có hạnh phúc trong thế giới Ta bà này.



Bệnh viện ung bướu là chỗ không bao giờ vắng khách một khi đã mở cửa. Người nghèo thì vô số. Có tiền mà phải vào đó dài lâu cũng thành nghèo. Trên lối đi, hai đứa bé

đang dành nhau một chiếc xe đạp. Bé em nhỏ xiu không thể chạy xe, hai tay lại bận cầm hai nửa trái quýt, nhưng quyết tâm dành bằng được chiếc xe đạp anh nó đang chạy. Nó lẩn anh nó cả bằng cùi chỏ, bằng thân và bằng tiếng la khóc. Nói chung, ba nghiệp bất thiện đang hoạt động rất mạnh. Một nửa trái quýt vắng xuống đường, chỗ rất nhiều người giẫm qua và khắc nhổ. Nó lượm lên và tiếp tục cuộc chiến. Tôi nhìn quanh tìm kiếm 'gốc tích' của hai đứa bé. Người mẹ trẻ đang cười rất vô tư pha lẫn sự thích thú khi thấy hai đứa nhóc xô đẩy và cẩu xé nhau.

Có thể không có nụ cười vô tư như thế, người mẹ sẽ không thể chịu nổi với những gì cô ta đang gặp. Gia đình đơn chiếc, nghèo khó, con quá nhỏ, chồng bị ung thư. Cái quả như thế đã có cái nhân từ trước, không thể phê phán điều gì khi chúng ta không ở trong hoàn cảnh của họ. Điều dễ ta suy ngẫm là, những đứa trẻ như thế sẽ trở thành những con người thế nào trong tương lai? Nếu những tật xấu không được gạt bỏ ngay từ nhỏ, lại được tiếp tục huân tập một cách tự nhiên thì không phải chỉ chính bản thân nó gặp tai họa mà cả những người chung quanh cũng gặp bất hạnh. Liệu người mẹ sẽ còn cười được thế không khi chúng có sức mạnh, vũ khí và với những món đồ giá trị hơn?

Tất cả điều bắt nguồn từ việc thiếu trí tuệ.

Nếu người phụ nữ ấy có trí tuệ, có thể ta đã không gặp cô ta trong hoàn cảnh đáng buồn như thế. Nếu có cảnh như thế xảy ra, có thể cô ta vẫn cười, nhưng cô ta sẽ không để cho anh em chúng tranh nhau chiếc xe đạp v.v...

Ta không lường hết được mọi hậu quả của những việc làm trong hiện tại, cũng không thể xoay chuyển vận mạng của mình theo chiều hướng tốt đẹp trong tương lai chỉ vì thiếu trí tuệ. Ta thiếu một người mẹ sản sinh cho mình một cái nhìn đúng đắn đối với cuộc đời này.

Tôi có thể phân tích rất rõ tình cảnh ấy, cũng có thể nghiệm ra cái quả nơi cái nhân hiện tại, nhưng tôi sẽ làm gì để có thể giúp người mẹ trẻ cũng như ngăn chặn tình trạng trên?

Một cô y tá bước qua và dừng lại. Cô khuyên nhủ, dỗ dành, cô đặt đứa bé lên phía sau xe để anh nó chở, nhưng vô phương. Con bé chỉ muốn dành chiếc xe về phần nó bất chấp việc đó có lợi cho nó hay không. Người mẹ như chợt tỉnh, rời chỗ ngồi, đứng dậy bế thốc đứa bé gái, vừa dỗ dành vừa la, nhưng cũng không tác dụng.

Có tấm lòng nhưng không có phương tiện để tự lợi, không có phương cách lợi tha để đứa bé có thể hồi tâm, thì cái nhân bất thiện vẫn cứ hình thành, cái quả bất hạnh khi đủ duyên sẽ vẫn hiện khởi. Một người mẹ trí tuệ luôn phải đi liền với người cha phương tiện, để đứa con hiền hòa, nhân ái và phúc lạc cho đời có thể hiện sinh.

Ngay cả với cha mẹ bằng xương bằng thịt của mình, nếu không có trí tuệ và phương tiện thì việc hiếu nghĩa của ta cũng không thể tròn. Không có trí tuệ thì cha mẹ làm việc ác, mình sẽ ủng hộ theo. Có trí tuệ mà không có phương tiện thì không thể khuyên nhủ cũng không thể ngăn chặn việc ác cha mẹ đã làm. Nhân là ác nghiệp thì quả là ba đường dữ. Như chuyện bà Thanh Đề, mẹ của ngài Mục Kiền Liên mà ta đã biết.

Nhờ có trí tuệ và phương tiện nên Mục Kiền Liên mới đầu thai vào làm con bà Thanh Đề. Cũng nhờ hai thứ ấy mà Mục Kiền Liên mới biết mẹ mình ở đâu. Nhờ có trí tuệ, ngài nghe lời Phật dạy và thỉnh Tăng chúng cúng dường, mong nhờ vào định lực của chư vị làm thay đổi tâm tham ái của mẹ. Nhờ phương tiện thỉnh Tăng cúng dường đó mà bà Thanh Đề thoát được kiếp nạ quỷ, sinh lên cõi trời.

Với các lời dạy trong kinh luận, nếu không có trí tuệ chúng ta cũng không biết ứng dụng thế nào cho phải phép khi ứng vào cha mẹ mình, lời kinh trở thành khó xử với mình.

Như kinh Trường bộ dạy: "*Cung kính và vâng lời cha mẹ.*" Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: "*Nếu cha mẹ xan tham, phải khuyết khích cha mẹ phát tâm bố thí.*" Cha mẹ mình, nếu là người thứ gì cũng nghe lời mình hoặc đã có tâm bố thí ít nhiều thì hại lời kinh trở thành tương thuận. Việc hiếu để trở nên dễ dàng, nhưng nếu cha mẹ mình không thích bố thí, thấy mình đem tiền của ra bố thí ông bà bức, tìm đủ cách để cản ngăn thì hai lời kinh trở thành gọng kìm đối nghịch trong lòng mình. Mình vâng lời ông bà để ông bà vui như kinh Trường bộ dạy, hay phải tìm cách khuyên ông bà bố thí như kinh A hàm dạy? Không có trí tuệ mình sẽ chọn cách vâng lời ông bà cho khỏe. Có trí tuệ mình dễ dàng trả lời "Phải làm sao để ông bà thuận với mình mà bố thí." Bởi điều đó mang lại lợi ích cho ông bà. Tuy vậy, trên



sự vẫn còn nhiều việc nhiều khê. Bởi "Ngày nay phá một kiến chấp còn khó hơn phá một hạt nhân nguyên tử," Einstein đã nói như thế. Phá bỏ một kiến chấp không phải là việc dễ làm nhất là với mấy vị lớn tuổi và gia trưởng. Chỗ này nếu chúng ta không có trí tuệ và phương tiện để ông bà thuận lòng làm theo thì việc hiếu nghĩa của mình sẽ không tròn.

Nếu chúng ta có trí tuệ và phương tiện thì sẽ biết làm gì đối với những duyên không thuận lòng. Thêm vào đó, tứ lực hộ trì của chư Phật, chúng ta sẽ được các duyên bên ngoài hỗ trợ, khiến sự việc trở thành tốt đẹp.

Trí tuệ và phương tiện luôn là thứ quan trọng đối với chúng ta.

Nguyên cho tất cả chúng sinh dù đang trong lớp áo tôn giáo nào, cũng luôn thấy được tầm quan trọng của hai đẳng sinh thành trí tuệ và phương tiện. Thấy, để mãi tôn kính và cúng dường khiến hai vị luôn đồng hành với chúng ta trong thế giới này.

CÚNG DƯỠNG CHA MẸ

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Là Phật tử, chúng ta đều tin hiểu lời Phật mà thực hành hiếu đạo trong đời sống hàng ngày. Cha mẹ, hai đấng sanh thành có một địa vị quan trọng trong tâm thức của người con Phật, ngang bằng với Phật và các vị Đại Bồ-tát, nên “gặp thời không có Phật, khéo phụng thờ cha mẹ tức là phụng thờ Phật vậy” (Kinh Đại tập).

Thế nên, phụng dưỡng cha mẹ với tất cả lòng biết ơn và kính trọng được nâng lên thành hạnh nguyện cúng dường. Thường thì chúng ta cúng dường các bậc xuất gia giới đức, phạm hạnh hay các vị Phật và Bồ-tát. Hẳn nhiên cúng dường thanh tịnh thì được công đức, phước báo lớn.

Ở pháp thoại này, Thế Tôn đã hướng những người đệ tử cúng dường các vị Phật, chư vị Bồ-tát một đời bổ xứ (Nhất sanh bổ xứ Bồ-tát như Bồ-tát Di Lặc sẽ hạ sanh thành Phật ở tương lai) ngay trong nhà của mình, đó chính là cúng dường cha mẹ. Chỉ cần tận hiếu, cúng dường cha mẹ thì những người con hiếu thảo “được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi”.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp dành cho người phạm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nào là hai pháp? Là cúng dường cha, mẹ. Đó là hai người được công đức lớn, thành quả báo lớn.

Lại nữa, nếu cúng dường Bồ-tát một đời bổ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn. Đó là, này Tỳ-kheo! Bồ thí hai người này được công đức lớn, hưởng quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường nhớ hiếu thuận, cúng dường cha mẹ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.”

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I,

phẩm Thiên tri thức, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 348)

Bồ-tát một đời bổ xứ là vị Bồ-tát đã trải qua vô lượng kiếp tu các công hạnh ba-la-mật, chỉ còn một lần thị hiện sau cùng xuống nhân gian tu hành sẽ thành bậc Vô thượng Chánh đẳng giác như Phật Thích Ca Mâu Ni. Tất nhiên, được cúng dường những vị Đại Bồ-tát như thế là phước hạnh vô cùng. Chỉ cần một lần được thanh tịnh cúng dường quý Ngài thì công đức, phước báo đã vô lượng. Có điều chúng ta ít ngờ là những vị Bồ-tát một đời bổ xứ ấy lại rất nhiều, có mặt xung quanh ta, ở ngay trong nhà của chúng ta. Đó là cha và mẹ. Điều đó có nghĩa là cha và mẹ là ruộng phước báo vô tận để chúng ta gieo trồng phước đức.

Ngay đây, hiểu thảo không còn là trách nhiệm và bổn phận nữa mà hiểu thảo trở thành hạnh nguyện cao cả và thiêng liêng. Nên dù cho cha mẹ có thương ta hay không, hoặc cha mẹ có thể nào đi nữa, trong tâm thức của người con hiếu đích thực, các ngài luôn là Phật, là thánh hiền.

Vậy nên ở đây Thế Tôn không nói phụng dưỡng mà là cúng dường cha mẹ. Hạnh hiếu đối với cha mẹ thì có thể giống nhau nhưng tâm hiếu phải được thẳng hoa đến tột cùng. Phụng dưỡng cho cha mẹ không thiếu thốn là điều có thể làm được, nhưng chừng ấy thì chưa đủ, cần phụng dưỡng trong niềm tôn kính đến cùng tột, đó chính là cúng dường cha mẹ.

Cha mẹ là Phật, là Đại Bồ-tát nên cúng dường cha mẹ và Bồ-tát một đời bổ xứ là công hạnh thiêng liêng, được phước đức vô lượng. Cho nên những người con Phật hiếu thảo luôn hướng về Tam bảo và song thân để phụng thờ, cúng dường với tất cả lòng thành kính. Hiểu thảo theo lời Phật dạy là một hạnh tu, gồm đủ phước trí, tự lợi và lợi tha, công đức vô lượng.



TU HẠNH LẮNG NGHE

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

DẪN NHẬP

Nói và nghe là hai yếu tố quan trọng trong đời sống con người. Từ thời cổ xưa con người sống trong hang đá rừng rậm chưa có chữ viết chưa có lời nói, nên con người phát biểu tình cảm hay ý muốn bằng âm thanh gầm gừ, ậm ừ... từ trong cổ họng, hoặc biểu lộ bản năng cảm xúc bằng ánh mắt hay cử chỉ quơ tay động chân. Đời sống của con người lúc ấy không mấy khác với đời sống của thú rừng hoang dã.

Thời cổ xưa đó, con người tuy chưa biết dùng lời nói có ý nghĩa, nhưng mà đã biết nghe. Con người là loài động vật có tánh linh cao hơn tất cả các loài động vật khác, nên theo dòng thời gian, tâm trí con người từ từ phát triển, họ phát minh ra chữ viết, học cách phát âm và ráp những chữ lại thành từng câu để mô tả sự vật hay tình cảm. Từ đó, ngôn ngữ xuất hiện trong đời sống của con người. Tùy theo hoàn cảnh địa dư mà mỗi quốc gia có tiếng nói riêng của họ. Nhờ có tiếng nói, con người mới quây quần sống thành đơn vị gia đình, bà con, làng xóm, cộng đồng, quốc gia, xã hội. Nhờ có ngôn ngữ, các quốc gia trên thế giới tuy xa mà gần với nhau hơn, nhất là trong thời đại *"tin học,"* con người có thể liên lạc với nhau qua internet trong chớp nhoáng. Do đó cơ hội hợp tác, học hỏi lẫn nhau ngày càng thuận tiện, nếp sống của con người được nâng cao thoải mái hơn, nhờ kỹ thuật văn minh trên thế giới ngày một phát triển.

Đời sống thế gian là đời sống nhị nguyên, nên luôn có hai mặt tốt và xấu. Vì thế bên cạnh những nỗ lực xây dựng mang lại niềm hạnh phúc và an lạc cho thế giới loài người, thì cũng có nhiều người ích kỷ, lợi dụng kẻ hở của nền văn minh tin học loan

truyền những tin tức thiếu đúng đắn, không chuẩn xác, chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích cá nhân, phe nhóm, hay chủ nghĩa mình tôn thờ gây nên những tội ác khó lường được. Cho nên, sinh ra và sống trong thời đại xô bồ này, chúng ta cần thực tập lắng nghe, để khám phá và thanh lọc những điều mà ngôn

ngữ khắp nơi đưa tới, hầu nhận biết lời nói nào, là lời nói thiện lành, lời nói nào, là lời nói có tính cách lường gạt độc ác, được bao bọc tinh xảo bằng một lớp vỏ mặt ngọt thơm tho.

LẮNG NGHE

Con người ta, lúc mới sinh ra đời không ai tự nhiên nói được mà phải nhờ người khác dạy. Trước hết học nói, tức là học cách phát âm thành lời, mỗi từ nói ra phải hiểu ý nghĩa của lời nói đó. Sau mới học nhận diện mặt chữ và luyện tập cách viết. Muốn nói trơn tru phải mất một thời gian nhiều năm. Khi nói được rồi, muốn hiểu người khác nói gì thì ta phải học lắng nghe. Khi đối tượng nói, ta cần im lặng lắng nghe để hiểu xem đối tượng muốn

truyền đạt cái gì. Học trò đến lớp mà không chịu chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài thì kết quả sẽ không hiểu gì hết. Nhân viên làm việc mà không chịu lắng nghe học hỏi phát triển nghề nghiệp từ xếp trên và bạn đồng nghiệp thì tương lai dễ dàng bị mất job. Để cạnh cáo những người thích nói nhiều, mà không chịu lắng nghe, ông bà ta có câu: *"Nói ít lời ít, nói nhiều lời nhiều, không nói thì không có gì để bị lỗi."* Câu nói này ý khuyên con cháu nên tập tánh lắng nghe để học hỏi thêm, hoặc lúc nào cần nói hãy nói, lúc nào cần im lặng để lắng nghe thì im lặng.

Trong đời sống hằng ngày *"lắng nghe"* được xem như là một phương cách thần kỳ để khám phá ra sự thật ẩn nấp từ trong ngõ



ngách của mọi tâm hồn. Ngày nay các chuyên gia trị bệnh tâm thần đã áp dụng phương thức ngồi hắng giờ chỉ để lắng nghe bệnh nhân nói mà không có phản ứng gì cả. Phương pháp này đã giúp cho rất nhiều bệnh nhân xả bỏ được những uất ức tùy miên ngủ ngâm trong tâm họ bấy lâu mà không cần uống một viên thuốc nào! Pháp lắng nghe giúp con người mở mang tầm hiểu biết của chính mình về những thông tin từ mọi phía, nó giúp ta có sự bình tĩnh trong việc xử thế, nó là nền tảng đầu tiên giúp ta nhận định được đâu là chánh đâu là tà. Việc lắng nghe quan trọng như vậy nên trong nhà Phật từ lâu đã nâng nó lên thành một pháp tu gọi là **"Tu Hạnh Lắng Nghe."**

HẠNH LẮNG NGHE CỦA "BỒ TÁT QUÁN THỂ ÂM"

Là người Phật tử không ai là không kính trọng và ngưỡng mộ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, xem Ngài như đấng Mẹ Hiền đại từ đại bi, lúc nào cũng thương xót đàn con đang lặn ngụp trong bể khổ nguồn mê. Trong một đời người thật ít có ai là không nợ Ngài Quán Âm một lời cầu nguyện cho cá nhân và cho gia đình mình khi đứng trước những khổ đau phiền muộn vì bệnh tật, hay đối đầu trước những nguy cơ đe dọa mạng sống. Hình ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm trong Phật Giáo được thờ phượng, tôn kính, tán thán vì công hạnh lắng nghe cứu khổ cứu nạn chúng sinh của Ngài. Lắng nghe là pháp môn tu đặc biệt mà Đức Quán Thế Âm đã áp dụng. Đó là phương pháp *"phản văn văn tự tánh"* tức là không vướng mắc chạy theo âm thanh bên ngoài, mà quay ngược lại nghe tự tánh của mình. Nghe tự tánh là nghe đến tận cùng sâu thẳm của vô thanh. Đạt đến mức độ nghe này thuật ngữ trong nhà Phật gọi là *"Nhĩ Căn Viên Thông."* Trong cái tịch tịnh yên lặng mà như sấm sét đó tất cả lậu hoặc tiêu tan, phiền não rơi rụng, tuệ giác bừng sáng, thực tại phơi bày. Cái nghe vượt ra ngoài không gian, thời gian, không còn gì ngăn ngại, trên thì hợp với bản giác diệu tâm mười phương chư Phật, dưới cảm thông lòng cầu mong được cứu độ của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi.

TU HẠNH LẮNG NGHE

Muốn tu hạnh lắng nghe, chúng ta cần hiểu bài học **"lắng nghe"** có hai chiều hướng. Một chiều hướng tuy bề ngoài chúng ta im lặng nghe đối tượng nói, mà trong tâm chúng ta không hề im lặng, nghĩa là trong khi tai lắng nghe mà trong đầu thì đang *"dính mắc"* đang *"thầm phát biểu"* theo từng câu nói của người đối diện. Chẳng hạn như đang nghe mà tâm cố ý ghi nhận, phân tích ý nghĩa của câu chuyện, rồi thầm phê bình



đúng sai. Hoặc đang nghe mà khởi tâm ưa ghét, hoặc cao hơn, ý thức ghi nhận kinh nghiệm của người nói, làm thành kinh nghiệm mới bổ sung vào kho kiến thức của mình. Cách im lặng lắng nghe này có thể giúp con người phát huy thêm sự hiểu biết thế gian, nhưng đồng thời nó cũng gia tăng lòng ích kỷ tham lam, tô bồi bản ngã ngày một lớn mạnh. Đây không phải là cách nghe mà người tu muốn hướng đến.

Học theo hạnh lắng nghe của Bồ Tát Quán Thế Âm là chúng ta thực tập lắng nghe người khác để hiểu rõ hơn, sâu hơn nỗi đau thống thiết của người đó. Đương nhiên, chúng ta không thể là một Quán Thế Âm vì Bồ tát đã trải qua vô lượng kiếp tu tập chứng đạt *"Nhĩ Căn Viên Thông"*, Ngài có đầy đủ thần thông nghe thấu tiếng kêu thống khổ của muôn loài khắp chốn. Chúng ta không làm được như vậy, nhưng chúng ta có thể làm người *"biết lắng nghe"* với tâm lòng thông cảm, để người đối diện có thể an tâm bày tỏ nỗi niềm... Người *"biết lắng nghe"* ở đây không phải là nghe, rồi ôm hết nỗi khổ của người ta làm nỗi khổ của mình. Không phải lắng nghe người ta kể lể niềm *"đau thắt ruột"*, rồi mình cũng *"bầm gan tím mật"* đau theo người ta. Nghe như vậy là nghe bị *"dính mắc."* Muốn đạt được trạng thái nghe mà tâm không vướng mắc không phải tự dưng một sớm một chiều làm được, mà nó đòi hỏi hành giả phải tu tập một thời gian dài lâu.

TU TẬP TÁNH NGHE

Bình thường con người sống bằng tâm thế gian. Tâm thế gian là tâm luôn suy nghĩ đủ thứ chuyện. Lúc thì Ý căn mọi móc chuyện quá khứ để suy nghĩ. Khi thì Ý thức phân bua so sánh những chuyện xảy ra trong hiện tại. Lúc thì Trí năng về với phát họa những chuyện không thật ở tương lai, cho nên tâm

con người lúc nào cũng dao động. Ngoài ra, tâm này còn bị cảnh trần lõi cuốn tạo nghiệp khi sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tiếp xúc với sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Khi nào tâm thể gian yên lặng, thì tâm bậc thánh mới xuất hiện. Tâm bậc thánh gồm các tánh Nghe, tánh Thấy, tánh Xúc chạm và cao hơn sáu sắc hơn là tánh Nhận thức biết tạm gọi là tâm Phật.

Tu tập Tánh Nghe trước hết hành giả cần tu tập sao cho ba nghiệp được thanh tịnh. Ba nghiệp đó là: Ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp. Muốn ba nghiệp này thanh tịnh hành giả cần phải:

- **Về Ý:** Không tham, sân, si (tà kiến)

- **Về Thân:** Không nhân tâm đánh đập người vật, không âm mưu hay tự tay giết hại đoàn mạng sống của chúng sinh, không hành dâm phi pháp, không trộm cướp tài sản của người.

- **Về khẩu:** Không nói dối, không chưởi bới nguyên rủa người khác bằng những lời độc ác hung dữ, không nói hai chiều gây chia rẽ thù nghịch mất đoàn kết, không đặt điều tự đề cao mình hay nói những chuyện phù phiếm không ích lợi cho việc tu hành thoát khổ, giác ngộ.

Muốn tu tập thành công, hành giả phải có cố ý chí cương quyết, phải lập hạnh kiên nhẫn, phải tinh cần miên mật. Ngày xưa Đức Phật dạy các vị Tỷ-kheo sau khi thọ trai, mỗi người phải tự tìm nơi vắng vẻ trong khu rừng, dưới gốc cây để tọa thiền quán tưởng. Trong kinh dạy một trong những điều cần thiết cho người tu giác ngộ giải thoát là phải *"cắt đứt nhân duyên và tri kiến thế gian."* Chúng ta là cư sĩ vẫn còn phải sinh hoạt ngoài cộng đồng xã hội, vẫn phải đi làm kiếm tiền vì chúng ta còn nhiều trách nhiệm đối với những thành viên trong gia đình, vì thế chúng ta chưa thể thực hiện điều kiện này như người xuất gia.

Cho nên, vấn đề tu tập của người cư sĩ không phải hoàn toàn cắt đứt mọi liên hệ đối với thế gian. Nhưng để giúp tâm không bị huân tập những thói hư tật xấu ngoài đời khiến ba nghiệp thân, khẩu, ý không được trong sạch. Chúng ta không nên nghe nhiều các chuyện tạp nhạp của thế gian. Không nói qua nói lại những chuyện không cần thiết. Không xem phim hay đọc sách báo đồi trụy, bớt tập hợp tiệc tùng say sưa, bớt tranh luận hơn thua phải quấy. Ngược lại chúng ta cố gắng học hỏi lời Phật dạy, tìm đọc kinh sách, hay nghe các Sư Thầy thuyết giảng Chánh pháp về Tứ Diệu Đế, về Nhân duyên có mặt của hiện tượng thế gian, về Nhân quả nghiệp báo, về Vô thường, Khổ, Vô ngã, Niết Bàn, về Không, về Chân Như, về Huyền v.v... để có một sở vốn tuệ tri vững chắc về Phật pháp. Nhờ giữ giới, chúng ta không huân tập

những suy nghĩ bất thiện, đưa đến lời nói bất thiện, hành động bất thiện, cản trở con đường tu tập tâm linh của chúng ta.

Tu tập đạt giới đức và tuệ tri như trên chưa đủ, hành giả còn phải tu thiền định. Thiền định là phương pháp tu tập giúp cho tâm hành giả từng bước được lặng yên trong sạch. Trong sạch ở đây là không còn bị tham sân si, tức lậu hoặc chi phối. Tâm hành giả tuyệt đối thanh tịnh. Tâm tuyệt đối thanh tịnh là tâm bậc thánh. Ở đây, hành giả chọn tu tập Tánh Nghe để thể nhập vào tâm bậc thánh.

- Bước đầu thực tập nghe chỉ biết nghe (just listen): Tập chiêu thức đơn giản như tập nghe tiếng chuông, nghe tiếng chim kêu, nghe tiếng tích tắc của đồng hồ, nghe tiếng mưa rơi ngoài sân, hay nghe âm thanh tiếng sóng biển. Tập nghe âm thanh với chánh niệm (mindfulness) tức có chú ý. Vì có sự chú ý đến một đối tượng âm thanh, thí dụ như tiếng chuông ngân, nên tâm chỉ có một đơn niệm biết về tiếng chuông ngân, không bị những ý nghĩ khác chen vào giúp tâm được yên lặng. Tâm yên lặng bao lâu thì hành giả đạt định bấy lâu. Vì tâm có thói quen vọng động nên thỉnh thoảng cũng khởi lên vọng niệm, trong nhà Thiền gọi pháp này là Thiền Chỉ (samatha). Chỉ là dừng lại, dừng ở đây là ngưng không suy nghĩ những gì khác ngoài việc chú tâm đến chủ đề đang thực tập là tiếng chuông.

Tập Thiền Chỉ một thời gian, tâm hành giả dần dần có thói quen mới là khi nghe sẽ không bị những ý nghĩ khác xen vào. Hành giả làm chủ được tâm ngôn, tức làm chủ được tâm tứ. Không còn bị tham, sân, hôn trầm, trạo cử, nghi ngờ trở lên phá rối thời thiền của hành giả. Một trạng thái tâm hoàn toàn tịch yên vắng lặng, trống không, chỉ có một dòng nhận thức biết không lời của Chân tâm hay Tánh giác có mặt. Khiến nhân hành trì miên mật, hành giả sẽ kinh nghiệm một trạng thái tâm vi diệu mà kinh Kim Cang gọi là Kỳ Tâm, *"Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm."* Kỳ tâm là tâm quảng đại, bao la, trùm khắp, không sinh không diệt, tràn ngập ánh sáng trí tuệ. An trú trong Kỳ tâm, hành giả kinh nghiệm trực giác (nhận biết qua giác quan), cao hơn nữa là siêu trực giác (nhận biết ngoài giác quan), nhận ra mình có đầu óc sáng tạo, biết những điều trước kia chưa từng hiểu, chưa từng biết. Tâm từ, bi, hỷ, xả xuất hiện một cách tự nhiên không gò bó. Tài ăn nói, phát biểu lưu loát, trước công chúng không gặp khó khăn, thuật ngữ trong kinh gọi là *"biện tài vô ngại"*, v.v...

Tu tập chứng nghiệm được mức độ này, hành giả có thể mạnh dạn ra đời thực hiện hạnh Bồ Tát Đạo về phương diện *"lắng nghe"* giúp người *"xả stress"*, giúp người bớt khổ...

mà tâm hành giả không trụ vào “*tiếng trần*” vì hành giả đang làm người nhận chứng. Nhận chứng là người nghe, thấy, xúc chạm, hiểu biết rõ ràng đầy đủ về các sự việc xảy ra, mà tâm bình thản không vướng mắc, không khởi tâm xúc cảm để bị lôi kéo ngã nghiêng về một đối tượng nào. Và nếu lúc nào hành giả cũng sẵn sàng dành thời gian để “*lắng nghe*” tất cả những tiếng kêu đau thương của mọi loài mọi người với tâm hoan hỷ, thì hành giả đã thành tựu được pháp tu “*tính tấn ba-la-mật*” và “*nhân (nại) ba-la-mật*”.

KẾT LUẬN

Bất cứ pháp tu nào trong đạo Phật cũng đều đi kèm với trí huệ. Trong kinh thường nhắc nhở “*từ bi phải có trí tuệ*” hay tu thiền Định mà không phát huy được trí huệ thì cái Định này bị xem là Si định, phải mau mau điều chỉnh pháp tu. Trong Bát chi thánh đạo, mở đầu là Chánh Kiến, kể đến Chánh Tư Duy cũng là huệ dẫn đầu để hành giả biết chọn con đường tu tập đúng. Và mục đích tối hậu cũng là huệ, nhưng là huệ tự phát do công phu hành trì nhập định sanh ra. Huệ này là hòn ngọc trong ché áo của người cùng tử như trong kinh Pháp Hoa đề cập, là kho báu của chính mình bị vô minh che lấp từ bao nhiêu lượng kiếp giờ mới hiển lộ, là ánh sáng trí huệ đưa mình đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Cho nên khi thực hành “*hạnh lắng nghe*”, hành giả cần phải có tuệ tri về Phật pháp, phải hành trì tu tập để tự chứng nghiệm trên thân tâm mình. Hành giả phải tự trải nghiệm lắng nghe chính tâm hồn và thể xác của mình. Tu tập có huệ lực, định lực vững chắc, thì sau khi lắng nghe người ta giải bày tâm sự, mình mới có những lời khuyên chánh đạo xoa dịu được nỗi khổ của người ta.

Hạnh lắng nghe là phương pháp tu quan trọng có khả năng trị liệu và chuyển hóa. Chuyển hóa nhận thức của người và chuyển hóa chính tâm thức của chính chúng ta. Lắng nghe là nhịp cầu thông cảm giúp người tu định tĩnh, sáng suốt, tâm từ tâm bi rộng mở, trí huệ phát sinh, sẵn sàng lắng nghe, san sẻ nỗi khổ niềm đau để cùng mọi người vượt qua nghịch cảnh của cuộc đời.

Tóm lại, “*hạnh lắng nghe*” là một pháp môn tu tập trong đạo Phật. Tu tập hạnh lắng nghe để tự quán chiếu đo lường mức độ tu tập của chính mình. Lắng nghe những tiếng thị phi, những lời khen chê của mọi người, xem tâm mình có bị dao động phiền não hay không? Tập hạnh lắng nghe để tự mình có đủ định lực, có đủ kiên nhẫn, để khi cần sẵn sàng chịu thương chịu khó lắng nghe nhằm xoa dịu nỗi đau khổ của mọi người.



Dành thời gian lắng nghe, sau đó nhẹ nhàng an ủi vỗ về, chia sẻ đắng cay ngọt bùi với bạn, chính là đang thực hành “*hạnh bố thí*”, là một pháp tu ba-la-mật trong Lục Độ của hành giả trên đường tu Bồ Tát Đạo.

Tính cách quan trọng nổi bật của “*đạo Phật là Từ bi và Trí Tuệ*.” Từ bi là lòng thương xót giúp đỡ chúng sanh vô vụ lợi, bình đẳng, công bằng không phân biệt giai cấp chủng tộc. Trí tuệ là sự hiểu biết, là nền tảng đưa đến giác ngộ giải thoát. Do đó những ai đang thực hành pháp môn “*hạnh lắng nghe*” là đang đi trên con đường tu tập hạnh Bồ Tát để thành Phật. Ở bước căn bản, khi thực hành hạnh lắng nghe, chúng ta cần luôn tự nhắc nhở: “*Im lặng để nghe. Lắng nghe để hiểu. Có hiểu mới có thương.*” Hiểu là trí tuệ. Còn thương là lòng từ bi. Trí huệ và từ bi là hai vị hộ pháp trái và phải, đồng hỗ trợ việc thực hành Bồ Tát Đạo là “*hạnh lắng nghe*” của hành giả từ lúc khởi đầu đến nơi thành tựu một cách hoàn hảo.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền đường / August 01-2020)

MÙA ĐẠI DỊCH: HỘ TRÌ SÁU PHƯƠNG

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đại dịch coronavirus bùng phát lần nữa tại Việt Nam, Hoa Kỳ và hầu hết các nước trên thế giới. Tính tới tuần lễ đầu tháng 8/2020, thế giới có gần 700,000 người chết vì đại dịch, trong đó Việt Nam có ít nhất 6 người chết. Vụ Thống kê Dân số và Lao động cho biết VN có hàng chục triệu người mất việc, giảm giờ làm, giảm thu nhập... Kinh tế suy sụp mọi mặt, đặc biệt thâm là các ngành du lịch, khách sạn, tiệm ăn, chợ búa, giao thông. Toàn dân đều bị ảnh hưởng --- kể cả tầng ni trong và ngoài nước, khi các khóa tu và khóa lễ hủy bỏ vì giãn cách xã hội, Phật tử không thể tới chùa được. Trong hoàn cảnh này, hạnh nguyện hộ trì và bố thí cần được thực hiện theo lời Đức Phật dạy để bảo vệ sáu phương: Bố thí tài vật (giúp dân vượt khó, cúng dường chư tăng, ba mẹ, thầy cô giáo...), bố thí sinh mạng (liều thân vào nơi hiểm nạn để cứu người, như lính cứu hỏa thời bình, như nhân viên y tế thời đại dịch vì chăm sóc bệnh nhân cũng là chăm sóc Đức Phật), và rồi tận cùng của hạnh bố thí là giải thoát.

Bài này sẽ trích một số kinh luận nói về hạnh bố thí. Các chữ viết tắt cho Kinh: DN là Trường Bộ, MN là Trung Bộ, AN là Tăng Chi Bộ, SN là Tương Ưng Bộ, EA là Tăng Nhất A Hàm, SA là Tạp A Hàm, MA là Trung A Hàm.

Trong thời đại dịch, mỗi người đều phải tự ý thức tuân thủ lời khuyên của các cơ quan y tế để bảo vệ mình và người chung quanh, và trong vị trí nghề nghiệp liên hệ hãy giúp ngăn chặn dịch, xem việc chăm sóc bệnh nhân cũng chính là chăm sóc Đức Phật. Đức Phật dạy trong Kinh EA 12.4, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

"Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc Ta. Ai khản hộ bệnh nhân, là người ấy đã khản hộ Ta. Vì sao vậy? Ta nay muốn đích thân khản hộ người tật bệnh. Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư

thiên, thế gian, sa-môn, bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lồ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vậy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các người lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, hãy học điều này."

Đức Phật dạy rằng người Phật tử phải hộ trì sáu phương: ba mẹ, tăng ni, thầy/cô giáo, vợ con, bạn bè, tội tổ, lao công... Hộ trì (dịch theo HT Minh Châu) còn có nghĩa là che chở (dịch theo Sujato), là bảo vệ (dịch theo Kelly, Sawyer & Yareham). Tức là người Phật tử phải hộ trì, bảo vệ tất cả những người chung quanh mình.

Kinh DN 31, bản dịch HT Minh Châu, trích: *"Này Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Này Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau: Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ. Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng. Phương Tây cần được hiểu là vợ con. Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè. Phương Dưới*



cần được hiểu là tội tử, lao công. Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn."

Bản dịch Kelly, Sawyer & Yareham: "And how, young man, does the noble disciple **protect the six directions**? These six directions should be known: mother and father as the east, teachers as the south, spouse and family as the west, friends and colleagues as the north, workers and servants as the lower direction, and ascetics and Brahmans as the upper direction."

Bản dịch Sujato dịch nghĩa hộ trì là che chở: "And how, householder's son, does a noble disciple **cover the six quarters**?"

Đã gieo nhân lành, tất nhiên sẽ có quả lành. Do vậy, cúng dường Tăng bảo, tất nhiên sẽ có công đức. Kinh AN 6.59, bản dịch HT Minh Châu, trích: "...*này Gia chủ, hãy cúng dường chúng Tăng. Nếu Ông cúng dường chúng Tăng, tâm sẽ được định tín. Nếu Ông có tâm định tín, lúc thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.*"

Người bố thí phải có tịnh tín và tâm lành, với tâm không gượng ép, sẽ có **quả lành là thoát các nạn dữ**. Kinh AN 5.148, bản dịch HT Minh Châu, trích:

"—*Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí này xứng bậc Chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có lòng tin, bố thí có kính trọng, bố thí đúng thời, bố thí với tâm không gượng ép, bố thí không làm thương tổn mình và người. (...) Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí không làm thương tổn mình và người, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thực của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn; và không một tai nạn nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ các người thù địch hay từ các người thừa tự.*"

Người tu hạnh bố thí sẽ có nhan sắc xinh đẹp, sức mạnh hơn người, tuổi thọ lâu dài... Đức Phật dạy trong Kinh AN 4.59, bản dịch HT Minh Châu, trích:

"*Người bố thí đồ ăn, này các Tỷ-kheo, bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh. Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư Thiên hay loài Người. Sau khi cho dung sắc... cho an lạc... Sau khi cho sức mạnh, được chia phần sức mạnh, thuộc chư Thiên hay loài Người.*"

Bố thí sẽ được đại phước. Đức Phật dạy trong Kinh SA 914, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng:

"*Ta nhớ chín mươi một kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỷ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Nay thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyến thuộc đông đảo, tội tử đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu*



dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa, nên được phước lợi này."

Về thái độ trong khi tu hạnh bố thí, Đức Phật dạy cần giữ tâm từ bi, bình đẳng, luôn nghĩ tới các loài chúng sanh (chứ không nghĩ riêng cõi người). Kinh EA 10.5, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

"*Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huê thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Này Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sanh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Này Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi."*

Tự thân mình giữ giới còn gọi là đại bố thí. Đức Phật dạy trong Kinh AN 8.39, bản dịch HT Minh Châu:

"*Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm? (...) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh (...) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ hai, là đại bố thí (...) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ ba, là đại bố thí... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ tư, là đại bố thí... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày..."*

Đức Phật cũng dạy rằng trong khi trì

giới hãy hồi hướng công đức trì giới tới vô lượng chúng sanh. Làm thế nào để bố thí công đức? Một bài kinh Tăng Nhất A Hàm nói về pháp bát quan trai giới, rằng Phật tử hãy giữ tám giới này trong một ngày tất sẽ có vô lượng công đức, và hãy hồi hướng công đức này cho khắp chúng sinh. Kinh EA 43.2 bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

"Sao gọi là trai pháp tám quan? Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngồi trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh."

[...] Thế Tôn bảo: "Người ấy nguyện rằng: 'Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đoạ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác; con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia thành Đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước của thế nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thối lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này..."

Phật tử hãy suy nghĩ rằng, tuy rằng bản thân mình và người vẫn còn tham sân si, nhưng hạnh bố thí vẫn mang tới công đức vô lượng. Kinh MN 35 ghi lời Đức Phật nói với một giáo sĩ Ni Kiền Tử rằng cho dù người được bố thí vẫn còn tham sân si, nhưng hạnh bố thí vẫn mang tới công đức lớn cho người bố thí, theo bản dịch HT Minh Châu:

"Này Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Ag-

BẢN KHOẢN HIẾU NGHĨA VỆ TOÀN

Vu Lan về muốn bảo toàn Hiếu Nghĩa

Bao năm rồi vẫn mãi miết lo toan

Tạo cho Cha có cuộc sống huy hoàng

Đây uy tín quê hương cùng Tộc họ

Cố gắng tròn dầu vẫn còn gian khó

Nhìn Cha vui con cháu mới an lòng

Những trở trăn cần giải quyết cho xong

Phân mờ mả hiện còn đang lo nghĩ!

Hãy tiến hành, em, cháu, con, lập chí

Đạo làm người chữ Hiếu Hạnh vì tiên

Tiếp Cha, Ông, sống gương mẫu thiện hiền

Đây trí tuệ khiêm cung và chân thật

Điều trái xấu hãy cho vào lòng đất

Mạnh dạn lên xây dựng những điều hay

Giải oan khiên tiến bộ trong từng ngày

Anh em hoà phước thiện hăng tu tạo

Nhắc nhở nhau sửa chữa cùng thuận thảo

Thiên hạ khen chấp nhận tạm vương tròn

Kính bệ trên dạy Đạo Đức cháu con

Đây chính thực là người con có Hiếu

Đừng hung hân khiến mọi người chế giễu

Xấu bao che làm hôi thối thêm thối

Sống chân thật phước đức mãi tô bồi

Sám hối lỗi hoàn thiện mình mới tốt

Phận làm con Hiếu Hạnh là cao tốt

Cha Mẹ còn hãy phụng dưỡng thăng hoa

Hướng Tam Bảo sống lợi ích chan hoà

Được cao đẹp mới thật là Chí Hiếu

Trọng nghĩa nhân tôn ti không phiền nhiễu

Lỗi lầm sai mạnh dạn nhận sửa ngay

Đừng ngoan cố chạy chối xấu to dày

Cha Mẹ khổ con vô nghĩ thương hại!

Vu Lan về cầu âm siêu dương thái

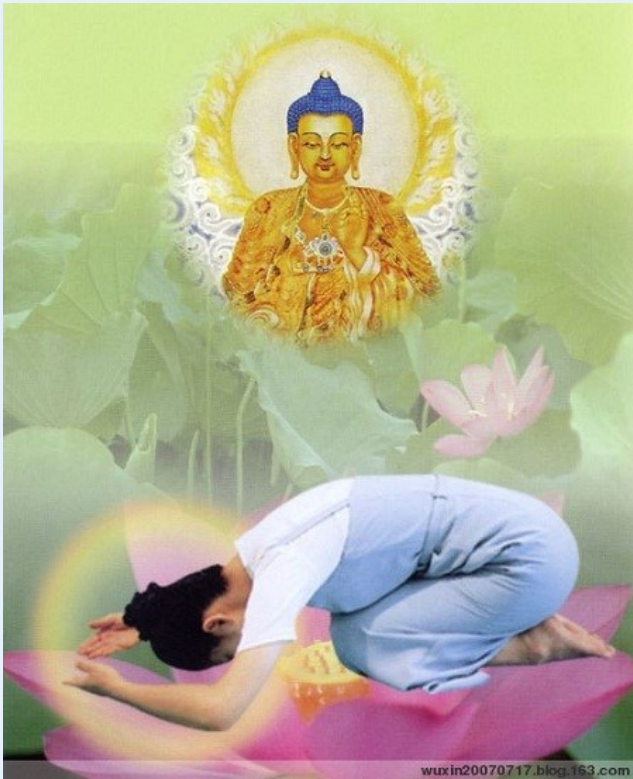
Tịnh tâm thành sống tốt với tha nhân

Chia sẻ nhau cùng tất cả xa gần

Tròn Hiếu Đạo, Cha hân hoan mãn nguyện!

thơ

THÍCH VIÊN THÀNH



giveness, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không có tham, không có sân, không có si."

Nhìn chung, trong tất cả các pháp bổ thí, pháp thí mới là tối thắng. Pháp thí là giúp người khác hiểu được Chánh pháp. Đức Phật dạy trong Kinh AN 2.141-150, bản dịch HT Minh Châu:

"Này các Tỷ-kheo, có hai loại bổ thí này. Thế nào là hai? Bổ thí tài vật và bổ thí pháp. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là các loại bổ thí. Tối thắng trong hai loại bổ thí này, này các Tỷ-kheo, tức là pháp thí."

Bổ thí cũng là một phương tiện, một trong bốn pháp có thể giúp đưa cả một cộng đồng chung quanh mình vào dòng pháp. Đức Phật dạy về Tứ nhiếp pháp trong Kinh AN 9.5, bản dịch HT Minh Châu, trích:

"Này các Tỷ-kheo, có bốn Nhiếp pháp này: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tối thượng trong các loại bổ thí, này các Tỷ-kheo, là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các Tỷ-kheo là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lắng tai nghe. Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin; đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham khích lệ, đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tối thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp."

Bổ thí như thế nào để có oai đức chói sáng như mặt trời? Đức Phật dạy Cư sĩ Ma-ha

-nam trong Kinh SA 929, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

"Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy."

"Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối."

Tuy nhiên, cho dù bố thí vô lượng vô biên, công đức vẫn không bằng người khởi tâm từ bi dù chỉ trong một thời gian rất ngắn, và trong tận cùng vô lượng vô biên công đức cũng không bằng trong một khoảnh khắc thể nhập được các pháp ấn vô thường, khổ, không và vô ngã.

Đức Phật dạy trong Kinh MA 155, bản dịch thầy Tuệ Sỹ:

"Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho Chúng Tỷ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỷ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm."

Bổ thí có thể đi tới giải thoát hay không? Đức Phật dạy rằng niệm Thí có thể thành tựu thần thông, loại bỏ loạn tưởng, đi tới giải thoát, tự thân đạt tới Niết bàn.

Kinh EA 2.5, bản dịch hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

"Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ



Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thí. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỷ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học điều này.”

Tại sao chỉ niệm một pháp lại có thể đạt tới Niết bàn? Đó là thuận theo pháp tánh. Trong bài viết nhan đề “Thuận Tánh Khởi Tu” nhà sư Nguyên Thế Đăng giải thích theo Luận Đại thừa Khởi Tín của Bồ-tát Mã Minh, rằng phải nhận ra pháp tánh vốn chẳng hề có tham, vốn chẳng hề ô nhiễm, vốn chẳng hề có khổ, vốn chẳng hề có tướng thân tâm, vốn là thường định, vốn là sáng tỏ và lìa hẳn vô minh:

“Chúng ta trích “thuận tánh khởi tu” chỉ trong sáu ba-la-mật: “Vì biết pháp tánh vốn không có tham lam bòn xén, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Bồ thí ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có ô nhiễm, thoát khỏi các lỗi năm dục, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trì giới ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có khổ, lìa hẳn giận dữ, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có tướng thân tâm, xa lìa hẳn giải đãi, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Tinh tấn ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn thường định, không có loạn động nên tùy thuận pháp tánh tu hành Thiền định ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn sáng tỏ, lìa hẳn vô minh, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trí huệ ba-la-mật”....” (1)

Như vậy là phải bỏ thí hết tất cả các pháp thế gian mới vào được pháp xuất thế gian. Thế nào là pháp thế gian?

Trong tác phẩm “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn,” bản dịch của HT Thích Thanh Từ, ghi lời Thiền sư Tuệ Hải, môn đệ của ngài Mã Tổ Đạo Nhất (thế kỷ thứ 8, Trung Hoa) nói về pháp bồ thí:

“Bồ thí là bỏ tánh thiện ác, bồ thí là bỏ tánh có không, tánh yêu ghét, tánh không chẳng không, tánh định chẳng định, tánh tịnh bất tịnh, tất cả đều cho bỏ hết thì được hai tánh không. Nếu khi được hai tánh không,

cũng chẳng được khởi tướng hai tánh không, cũng chẳng được khởi nghĩ tướng có bồ thí, tức là chân thật hành bồ thí ba-la-mật, cũng gọi là muôn duyên đều bất. Muôn duyên đều bất, tức là tất cả pháp tánh không ấy vậy. Pháp tánh không là tất cả chỗ không tâm. Nếu khi được tất cả chỗ không tâm là không có một tướng có thể được. Vì sao? Vì tự tánh không, nên không một tướng có thể được. Không một tướng có thể được là tướng thật. Tướng thật là tướng Như Lai diệu sắc thân. Kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật.” (2)

Tới đây, câu hỏi nêu lên là: Bồ thí cách nào để có thể lìa hết tất cả các tướng? Làm sao có thể nhận ra thực tướng chính là vô tướng?

Đức Phật dạy trong Kinh Kim Cang: ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm... Tức là, khi không vướng vào tất cả các pháp, khi không dính mắc vào bất kỳ một pháp nào trong sắc thọ tưởng hành thức thì Niết bàn diệu tâm sẽ hiển lộ.

Như thế, chỉ cần một chữ thôi, là không trụ, không dính mắc, không chấp trước. Khi một tỷ kheo thưa với Đức Phật rằng nhà sư chỉ xin dạy một câu ngắn gọn để lui về góc núi ngồi trọn đời tới khi giải thoát, Đức Phật nói rằng *hề không dính mắc, không chấp trước là sẽ giải thoát* (bản dịch Bhikkhu Bodhi: *By not clinging one is freed*; và bản dịch Bhikkhu Sujato: *Not grasping, you're free.*).

Kinh SN 22.63, bản dịch của HT Minh Châu, trích:

“—Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

—Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.”

Như thế, trong thời đại dịch, khi đồng bào và cả thế giới đang rơi vào hiểm nạn, không gì hơn là hãy thực hành lời Đức Phật dạy: giữ giới, hộ trì sáu phương, bồ thí, cúng dường, hoằng pháp, thuận theo pháp tánh để ngộ nhập Niết bàn vô tướng, và không để tâm dính mắc bất kỳ một pháp nào, tức là giải thoát. Do vậy, hãy làm vô lượng thiện pháp, nhưng không hề thấy có ai làm và không hề thấy có pháp nào được làm.

GHỊ CHÚ:

(1) Thuận Tánh Khởi Tu: <https://thuvienhoasen.org/a15885/thuan-tanh-khoi-tu>

(2) Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn: <https://thuvienhoasen.org/images/file/T-QYop1G0QgQAJ0b/donngonhapdaoyeumon.pdf>

TIẾNG VÔNG ĐƯA

Một mai phiêu lãng đường trần
Ngựa xe... rồi cũng ngại ngần ngựa xe
Con từ ngàn dặm sơn khê
Cuối trời gió cuốn, nẻo về còn mưa
Đâu rồi... tiếng vông mẹ đưa?

Lời ru mắt hút, sang mùa tịch liêu
Ấu ơ trong mái tranh nghèo
Ấu ơ... còn mãi những chiều gió xưa
Tiếng ru theo nhịp vông đưa
Tiếng ru vọng lại... buồn chưa đậm dài
Ngủ yên, cho mẹ ra ngoài
Ngủ yên cho mẹ đường dài chợ xa
Con say giấc ngủ hiền hòa
Là khi mẹ ném phong ba chợ đời
Mẹ còn kẻo kịt trên vai
Nặng nề đôi gánh... con say giấc nồng
Giọt mưa nào rót bên song
Giọt mưa nào rót vào lòng trẻ thơ?
Ngàn năm tiếng vông còn đưa
Ngàn năm mẹ ngủ bên bờ lau xanh
Giòng sông nước chảy vô tình
Bèo mây tan tác mộng mênh bụi mờ
Giờ đây trong lớp sương mù
Còn nghe tiếng vông thiên thu vọng về...

GIỌT NẮNG THIÊN THU

Mười năm mẹ nằm hiu quạnh
Ngàn lau gió thổi vì vu
Hoa cau đầu mùa rụng trắng
Bờ xa lớp lớp sương mù

Cây vông đầu làng tróc gốc
Đâu đàn sáo nhỏ tập bay
Cơm chiều còn đâu mẹ nấu
Hết rồi bếp lửa hơ tay?

Mười năm điêu tàn bãi mía
Đâu làn khói tỏa song thưa
Con đi chân trời góc núi
Chao ôi! Nhớ mây cho vừa?

Mười năm người đi không hẹn
Ngày về vắng bóng tin thư
Mười năm bèo trôi dạt bến
Giòng xa man mác đôi bờ

Cầu ao mẹ ngồi giặt áo
Gió về lay động cành tre
Tháng Tư lòng con chột mắt
Bát canh rau má trưa hè

Mười năm gió đùa ngọn cỏ
Nhấn từng nếp trán xanh xao
Mười năm mẹ về với đất
Quạnh hiu giòng nước qua cầu

Mười năm vườn xưa lộng gió
Trưa hè vắng bóng chim cu
Lớp rêu xanh rờn mộ chí
Nó đùa giọt nắng thiên thu.





ULLAMBANA (VU LAN)

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam Viên thân mến,
Hôm nay là ngày Rằm Vu Lan, xin thương kính chúc ACE một mùa Vu Lan an lạc và giải thoát: HAPPY ULLAMBANA!

Thưa ACE, chúng ta, từ Oanh Vũ đến Huỳnh trưởng đều đã thuộc lòng và áp dụng lời chư Phật dạy “Hiếu là hạnh đầu của Phật tử” qua điều luật của Oanh Vũ “Em kính mến Cha Mẹ và thuận thảo với ACE” nên không cần phải nhắc lại công ơn sinh thành dưỡng dục v.v... mà chỉ xin bổ sung thêm hạnh Hiếu của người PT; đặc biệt là người Huỳnh trưởng GDPT. Thật vậy, Hiếu nói chung là lòng biết ơn và đền ơn đối với ân nhân của chúng ta, đó là Tam Bảo, Ông Bà Cha Mẹ và Tổ chức GDPT VN. Có hiếu với tổ chức là tôn trọng và gìn giữ Truyền Thống Thương yêu, Kính trọng trong GDPT mà mỗi Đơn vị là một GIA ĐÌNH.

Gia Đình là một đơn vị nhỏ mà căn bản của cấu trúc xã hội đã có lâu đời từ Đông sang Tây, từ Á sang Âu... trong đó cách phân biệt vị trí, thứ lớp, bổn phận trách nhiệm... của mỗi thành viên đều hiển nhiên và rõ ràng. Tình thương là chất keo gắn bó các thành viên lại với nhau tạo nên không khí đầm ấm, hoà thuận, vui vẻ hài hoà. Từ nền tảng tổ chức đó kết hợp với 6 nguyên tắc sống chung hoà đồng (Lục Hoà) trong giáo lý Phật đà là những yếu tố để thành lập GDPT mà mục đích chính yếu là Phật hoá các thành viên, đó cũng là lý do mà lúc ban đầu sơ khai, GDPT có tên là GD Phật Hoá Phổ.

Gia đình huyết thống của chúng ta đôi khi không đủ điều kiện và phương tiện thích hợp cho việc giáo dục con em thành những Phật tử chân chánh sống đúng theo tinh thần Phật Pháp còn GDPT là một tổ chức đáp ứng được nhu cầu tinh thần của thanh thiếu đồng niên, giúp các em xa lìa nếp sống xô bồ, trụy lạc, vô trách nhiệm mà xã hội thường phơi bày, cảm dỗ...

Cơ cấu GDPT được thiết lập từ trên xuống dưới có Gia Trưởng, Liên Đoàn Trưởng Huỳnh Trưởng... là những người Chú, Bác, Anh, Chị,... những người lớn, có uy tín, có

đạo đức, có tu học... mà phụ huynh các em tín nhiệm... Mỗi Đơn vị Gia Đình như vậy sinh hoạt dưới một mái Chùa mà Thầy Trụ Trì được tôn xưng là Cố vấn giáo hạnh của Đơn vị GDPT đó. Như vậy một Gia Đình hoàn chỉnh là gồm có Thầy, có Bác Gia Trưởng, có các Anh Chị Liên Đoàn trưởng, Đoàn Trưởng, ... và các em Thanh Thiếu Nam Nữ và các em nam nữ Oanh Vũ (đồng niên).

Dưới mái chùa thân yêu dưới chân đức Phật tôn kính, từ thanh thị đến thôn quê, từ trong nước ra đến hải ngoại [phong trào GDPT đã theo làn sóng tỵ nạn lan rộng ra đến các đảo Galang, Bidong, Hồng Kông... từ năm 1975 và sau lan rộng ra Hải ngoại: Hoa Kỳ, Úc Châu, Âu Châu (Pháp, Đức, Hòa Lan, Na Uy...), Canada...] Huỳnh trưởng, Đoàn viên các Cấp, các Ngành và Ban Đoàn đã tạo được bầu không khí tương thân tương ái, hoà thuận, vui vẻ trong sinh hoạt tập thể, với châm ngôn Bi Trí Dũng—là những nguyên tắc chỉ đạo cho hành động và lý tưởng của người Huỳnh trưởng cũng như Đoàn sinh GDPT.

Đến với GDPT là tìm đến một Tổ chức giáo dục tuổi trẻ Phật Giáo, một đoàn thể





dạy cho đoàn sinh có trách nhiệm với bản thân, với gia đình huyết thống của mình, với Tôn giáo, với Tổ quốc... Qua các Hoạt động Xã hội, GDPT dạy Đoàn sinh của mình về lòng vị tha, tâm hồn hướng thượng, biết tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của tha nhân và của muôn loại chúng sanh. Trong hơn nửa thế kỷ sinh hoạt, GDPT đã xây dựng được truyền thống thương yêu, kính trên nhường dưới, không khác gì anh chị em ruột rịt trong cùng một nhà. Người Huynh trưởng GDPT dù ở vị trí nào cũng không hề nhận một đồng, một cắc hay một xu tiền lương, trái lại tự nguyện đóng góp để lập quỹ Gia Đình, quỹ Đoàn, ... để chi tiêu trong sinh hoạt tập thể Huynh trưởng ở Hải ngoại, còn đón đưa các em di sinh hoạt và về bằng xe của mình, mua đồ ăn cho các em khi các em đói, làm babysit nếu cha mẹ các em chưa đến đón các em... Khi Đơn vị đã đông thì có thể thành lập đội Lân và các việc khác như làm bông hồng, nấu cơm chay... kiếm tiền gây quỹ. Nói cách khác, người Huynh trưởng GDPT làm việc tự nguyện chăm sóc đàn em, không cần thù lao cũng như không cần báo đáp ... Vì vậy các HTR. được gọi là đang đi trên con đường bồ tát đạo, đem vui tươi và lợi ích đến cho đàn em một cách vô điều kiện.

Sau khi gửi con em đến với GDPT, phụ huynh các em nhận thấy rằng các em được giáo dục để trở thành con ngoan, học trò giỏi, người bạn tốt. Các em được rèn luyện qua các bộ môn Phật Pháp, Hoạt Động Thanh niên, Văn nghệ, Báo chí... theo tinh thần Phật Giáo nghĩa là chú trọng phát triển những hạnh lành của chư Phật và Bồ tát: Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn, Hỷ Xả và Thanh Tịnh.

Tóm lại, GDPT VN đúng theo danh xưng, là một Gia Đình, gồm những người cùng chí hướng, cùng truyền thống dân tộc Việt, hoan hỷ tuân theo những quy luật chung. GDPT

không phải là sự hợp thành của các hội đoàn, các công ty, hãng sở, hay liên hiệp quốc; trong đó các thành viên không được phân chia lợi nhuận vật chất nhưng được chia sẻ và truyền đạt về trí tuệ, đạo đức và sự nâng cao tâm hồn, được Phật hoá bản thân để có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ đàn em đi sau mình... Chu kỳ làm lợi mình lợi người được nối tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ xưa đến nay đã được 5, 6 thế hệ, đông hơn một đại gia đình có 5 đời sống chung với nhau dưới một mái nhà (ngũ đại đồng đường), có những Anh Chị Trưởng nay đã 91, 92 tuổi và những em Oanh vũ mới 6, 7 tuổi.

GDPT ngày càng đông thì càng có nhiều hệ thống hướng dẫn khác nhau; đoàn sinh và Huynh trưởng trẻ có thể nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (Việt, Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan...) nhưng châm ngôn, 5 điều luật của Thanh Thiếu và Huynh trưởng cũng như 3 điều luật của Oanh Vũ vẫn không thay đổi; tài liệu Phật Pháp ban đầu bằng tiếng Việt, nay cũng đã được Huynh trưởng chuyển ngữ ra tiếng của quốc gia nơi mình cư trú.

Ước mong Tình Gia Đình của ACE Áo Lam trên quả đất này bền vững và mãi tròn vành vạnh như Trăng Rằm Vu Lan.

*"Chuyển ta chuyển tình thương cho nhau
Chuyển hơi ấm con tim nhiệm mầu
Tình Gia Đình càng thêm thắm sâu
Tha thiết đây mình chuyển cho nhau"*

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam (NAL)





KHÔNG KỲ THỊ TÔN GIÁO

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Sống đạo, tu đạo, hành đạo, học đạo nghiêm chỉnh, đó là cách truyền giáo chân chánh.

Kỳ thị tôn giáo là trực tiếp hay gián tiếp xác nhận cùng mọi người là đạo lý của chính mình, đạo mình thua hoặc không bằng đạo lý, đạo giáo của kẻ khác.

Đứng về phương diện đạo đức con người, tôn giáo nào cũng có một hệ thống giáo dục con người hoàn thiện hơn, tốt đẹp hơn đạo lý xã hội, từ đó quần chúng đương thời mới kỷ thác đời mình, nương nhờ vào đó mà có cuộc sống tinh thần thoải mái, an lạc, hạnh phúc hơn.

Đứng về mặt nhận thức, đạo Phật cho rằng: Chân lý là tánh thường còn của vạn vật. Chúng sanh có tánh thường còn, đó gọi là Phật tánh.

Sở dĩ ta không trực ngộ được tánh Phật ấy vì vô minh, mê lầm từ nhiều đời kiếp che mờ khuất lấp. Ví như ta có một gia sản to lớn, tiền nghi lương thực, thực phẩm dư thừa, no đủ, nhưng chẳng may chúng ta bị mất ánh sáng, quờ quạng, lo lắng đói khát, nếu ánh sáng trở lại thì rõ thật không thiếu thứ gì.

Chúng sanh có đầy đủ khả năng để thành Phật, vì ai ai cũng có Phật tánh. Ăn ở thất đức, nói năng hành động thô bạo gây đau khổ tổn hại cho người là xúc phạm đến Phật, là tự chối bỏ Phật tánh của mình, là phản bội với chính ta. Đó là kẻ tà kiến.

Chúa bảo: Chúa đã sáng tạo ra con người, và chính Chúa đã hà hơi vào đó cho con người một sự sống. Nên tất cả con người đều có hơi hám của thượng đế, đều là con của đấng hằng có. Kẻ nào ăn ở bất nhân đánh đập gây đau khổ cho người anh em, là từ chối Chúa nhân từ trong trái tim mình, kẻ ấy có tội.

Đức Phạm Thiên thì cho rằng tất cả con người không đồng giai cấp, chính vì được sinh ra từ thân Phạm Thiên. Như vậy có nghĩa là con người có cùng một nguồn gốc, cùng là những cơ quan, bộ phận của một thân thể. Hòa thuận, tương thân, ái kính

nhau thì cơ thể khoẻ mạnh. Chống kích nhau, sự kiện ấy chưa từng có. Kẻ nào làm ngược lại như vậy là trái đạo.

Như vậy trong một tổng thể được suy diễn: Phật - Chúa - Phạm Thiên chính là lòng nhân ái trong mỗi cá nhân con người.

Tin Phật - Kính Chúa - Trọng Phạm Thiên, mà hạnh động sai quấy ác độc, ấy là kẻ dối đạo gạt đời, chắc chắn sẽ bị ác báo.

Trong bất cứ tôn giáo nào đức tin cũng là kim chỉ hướng cho thuyền đời ra khơi. Tin thì phải học, học xong thì phải thực hành. Nghĩa là hoàn thiện tư cách cá nhân, đó là cách góp phần để xây dựng xã hội.

Trong tôn giáo nào cũng có sự phân tông lập phái, lập dòng khác nhau. Đừng đem tâm địa phàm nhân xuyên tạc là họ đã chia rẽ, chống kích bất đồng, mà là tùy theo căn cơ trình độ và kiến thức thế gian mà tận dụng sở trường của mình để thực hiện sự học đạo, sống đạo, tu đạo, làm cho tôn giáo thêm phần phong phú.

Giá trị của tôn giáo cũng như các giáo phái, giáo hệ, tông dòng là ở chỗ giáo dân và sứ giả có nhất tâm quyết chí thực hiện đúng với bản hoài của vị giáo chủ cùng chư lịch đại tổ sư hay không.

Đời nay kẻ theo Phật mà không nghiêm giữ giới luật tịnh hạnh không phải là ít.

Kẻ theo Chúa mà bán linh hồn cho quỷ, đâu có thiếu gì.

Cho nên người Phật tử không nên xem những tệ trạng nếu có trong tôn giáo bạn mà có lỗi phạm đến thanh danh tôn giáo bạn. Ngược lại phải chân thành cởi mở góp phần chống các tệ trạng trong tôn giáo. Bằng không nên hằng xét lỗi mình, đừng nói lỗi người.

Nói dễ, làm khó, nhưng chỉ khó khi tư tưởng chưa thống nhất. Tuổi trẻ phải có ý chí bất khuất. Tâm hồn phải phóng khoáng. Tất cả vì lợi lạc quần sanh mà nhất tâm hành động. Thế nào Phật sự cũng viên thành.

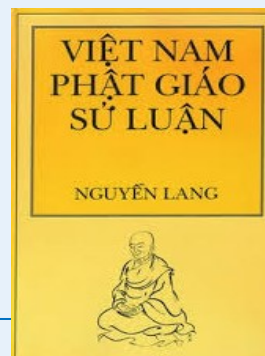
(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

XÂY DỰNG LẠI CÁC CƠ SỞ HÀNH ĐẠO

(Chương XXXI, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

KHUYNH HƯỚNG THÂN KHÁNG CHIẾN CỦA CÁC TỔ CHỨC PHẬT GIÁO

Mặt trận kháng chiến Sài Gòn rồi Hà Nội và Huế tan vỡ; tang tóc gieo trên quê hương càng lúc càng nhiều. Một số tăng sĩ và cư sĩ làm việc trong kháng chiến rút theo về các căn cứ chiến khu. Những tăng sĩ và cư sĩ khác tại các địa phương tản cư cũng cùng với đồng bào từ từ hồi cư tìm về nơi trú cũ.

Nhiều nơi nhà cửa tàn hoang và chùa chiền đổ nát. Quân đội viễn chinh Pháp lập đồn lũy khắp nơi. Đó là vào khoảng cuối 1947. Chùa chiền được quét dọn, mở cửa.



Chùa An Quang, Chợ Lớn

Những lễ cầu siêu và cầu an được tổ chức. Tâm hồn nặng trĩu đau thương và tang tóc, Phật tử đổ xô về chùa để tìm nguồn an ủi. Đau thương càng nhiều thì đức tin tôn giáo càng mạnh. Biến chuyển càng nhiều thì giáo lý vô thường càng được nhìn nhận rõ ràng. Phật giáo thời gian ấy là Phật giáo của niềm an ủi vỗ về, là giọt nước cam lộ từ bi trên hành trình dương liễu.

Tuy đã bắt đầu tổ chức guồng máy kiểm soát trong các thành phố nhưng thực dân và những người tay sai vẫn không có cách gì ngăn cản được sự liên hệ giữa quần chúng hồi cư và những căn cứ kháng chiến. Bề ngoài ai nấy đều có vẻ sống yên lặng, nhưng ý thức về cuộc kháng chiến thì rất tỏ rõ. Tại các chùa, nơi phòng khách, người ta thường đọc một bản yết thị nhỏ dán trên tường: "Đây là thiên môn, không nên luận bàn về chính trị." Những yết thị đó, ai cũng biết là chỉ để dành cho những người do thám cho guồng máy thực dân. Những tăng ni trẻ tuổi ở các chùa vẫn có liên lạc với các đồng liêu của họ trong vùng kháng chiến và nhiều vị vẫn lên về khu kháng chiến một cách đều đặn. Chính trong thời gian này mà nhiều tăng ni bị bắt giam hoặc bị sát hại. Ít có chùa nào ở những vùng núi non và thôn quê mà không có liên lạc để giúp đỡ công cuộc kháng chiến.

Những tổ chức Phật giáo cứu quốc được tiếp tục duy trì. Trụ sở của các tổ chức này có nơi đặt tại vùng kháng chiến, có nơi đặt tại vùng hồi cư. Tỉnh nào cũng duy trì một Ủy ban Phật Giáo Cứu Quốc. Không những chỉ có các tăng sĩ trẻ đứng ra đảm nhiệm công cuộc này mà những vị tôn túc nhiều khi cũng đã chịu đứng ra làm chủ tịch các ủy ban để các tăng sĩ trẻ tuổi dựa vào mà làm việc. Thiền sư Huệ Quang, một trong những cây cột chống của hội Lưỡng Xuyên Phật học, đã

đứng ra làm chủ tịch Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Trà Vinh, đồng thời cũng là ủy viên xã hội của Ủy Ban Hành Chính tỉnh bộ Trà Vinh. Hồi ấy ông đã gần 60 tuổi. Thiền sư Pháp Dũng đứng ra làm chủ tịch Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Gia Định. Thiền sư Pháp Trảng là chủ tịch Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Mỹ Tho. Thiền sư Pháp Long là chủ tịch Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Vĩnh Long. Chùa Ô Mồi ở xã Mỹ Quý trong chiến khu Đồng Tháp Mười là trụ sở của hội Phật Giáo Cứu Quốc Nam Bộ (106).

Tham dự vào ban chấp hành có các thiền sư Minh Nguyệt, Huệ Phương, Viên Minh và Không Không. Từ *Tịnh Tấn*, nguyệt san của tổ chức có khi được phổ biến về tận Sài Gòn. Tại Liên Khu V, nơi cư sĩ Lê Đình Thám làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Miền Nam Trung Bộ, tăng sĩ và cư sĩ hoạt động mạnh mẽ trong Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc ở trung ương cũng như tại các tỉnh hệ thuộc. Các tăng sĩ trẻ như Tâm Hoàn, Kế Châu, Huyền Quang v.v... được sự cộng tác đặc lực của một số đoàn viên đoàn Phật Học Đức Dục cũ như Nguyễn Hữu Quán, đã gây được những sắc thái đặc biệt cho hoạt động của tổ chức Phật giáo trong liên khu.

Tại khu cực miền Bắc Trung Phần gồm Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, sự có mặt của thiền sư Mật Thể đại biểu Quốc Hội và của những vị khác như Giác Phong, Trí Độ v.v... đã tạo được ít nhiều sinh lực.

Tại các chiến khu miền Bắc, tăng sĩ và cư sĩ tham dự đặc lực vào việc xây dựng vùng giải phóng, sản xuất kinh tế, chăm nom giáo dục và nuôi nấng thiếu nhi. Cư sĩ Thiệu Chử và hơn năm mươi em cô nhi của chùa Quán Sứ đã định cư luôn trên vùng giải phóng. Thiền sư Thế Long, trụ trì chùa Cổ Lễ ở Nam Định là người tiêu biểu nhất cho giới tăng sĩ tham dự cách mạng. Ông đã hoạt động hết lòng tại các vùng kháng chiến và đã kêu gọi thanh niên tăng tạm thời ngừng việc tu học để góp phần vào cách mạng. Gần ba mươi thanh niên tăng kể cả các vị sư trú tại chùa Cổ Lễ đã nghe theo lời gọi của ông đi vào vùng kháng chiến.

Phần lớn, tăng sĩ ở các khu vực giải phóng đều làm việc lao động khai phá đất đai, trồng mía, trỉa bắp, liên lạc, tiếp tế hoặc những công tác xã hội và giáo dục khác.

Tại các vùng hội cư, điều kiện đã có đủ cho sự tạo dựng lại cơ sở. Khắp nơi tăng sĩ và cư sĩ tìm về với nhau để tổ chức lại sự tu học. Một số Phật học đường được mở cửa và các tổ chức tăng già và cư sĩ được tái lập. Công việc Phật sự tiến hành rất mau chóng bởi vì quần chúng Phật tử đi chùa và tham dự Phật sự rất đông đảo.

Tại Trung Phần, thiền sư Trí Thủ vận động mở cửa lại Phật học đường Báo Quốc



Chùa Quán Sứ, Hà Nội, ngày nay

vào năm 1947. Hội Việt Nam Phật Học, hậu thân của hội An Nam Phật Học cũng được thành lập vào tháng Sáu năm 1948 đặt trụ sở tại số 1B đường Nguyễn Hoàng, Huế. Cư sĩ Chơn An Lê Văn Định đứng làm hội trưởng. Hội bắt đầu liên lạc và tái lập các tỉnh hội và chi hội ở miền Trung.

Các huynh trưởng Gia Đình Phật Hóa Phổ cũng quy tụ thanh thiếu niên Phật tử lại và đoàn ngũ hóa tổ chức. Chỉ trong vòng một năm thôi, hội Việt Nam Phật Học đã thiết lập được cơ sở hành đạo vững vàng tại miền Trung.

Tổ chức "Sơn Môn Tăng Già" cũng được thành lập tại chùa Thừa Thiên và dần dần tại các tỉnh. Thiền sư Tịnh Khiết được suy tôn làm Tùng Lâm Pháp Chủ của Sơn Môn Tăng Già Trung Việt. Vào năm 1947, trụ sở của Sơn Môn Tăng Già Trung Việt đặt tại chùa Linh Quang Huế.

Về phương diện báo chí, một tạp chí Phật học được xuất bản, lấy tên là *Giác Ngộ*, do một số thanh niên tăng sĩ và cư sĩ chủ trương, trong đó có Võ Đình Cường, Cao Khả Chính, Trương Tú, Trịnh Tiên, Phạm Đăng Trí và Trúc Diệp v.v... Sau đó, tờ *Viên Âm* được tục bản với sự chăm sóc của thiền sư Trí Quang, làm cơ quan ngôn luận chính thức của hội Việt Nam Phật Học.

Tại Bắc Phần, một số tăng sĩ triệu tập đại hội chư tăng tại chùa Quán Sứ vào ngày 20.8.1949 để thành lập hội Tăng Ni Chính Lý Bắc Việt và bầu thiền sư Tổ Liên làm hội trưởng. Một Phật học đường cho tăng sinh do thiền sư Tuệ Tạng đứng làm đốc giáo được khai giảng tại chùa Quán Sứ vào tháng Chín năm 1949 và một Phật học đường cho ni sinh cũng được khai giảng tại chùa Vân Hồ cũng vào tháng Chín, 1949. Đến ngày 9.9.1950, đại hội "Tăng Ni Chính Lý" họp tại chùa Quán Sứ và danh xưng được đổi lại là "Phật Giáo

Tăng Già Bắc Việt.” Tháng Tư năm 1951, thiền sư Mật Ứng được suy tôn làm Thiền gia pháp chủ. Bán nguyệt san *Phương Tiện* được xuất bản, do thiền sư Tổ Liên đảm nhiệm với sự cộng tác của các thiền sư Trí Hải, Vĩnh Trường, Quảng Hằng và Ngọc Bảo.

Đồng thời hội Việt Nam Phật Giáo cũng được thành lập tại chùa Quán Sứ, với cư sĩ Bùi Thiện Cơ làm hội trưởng. Một hội khác tên là hội Phật Tử Việt Nam được thành lập tại chùa Chân Tiên.

Tại Nam Phần, các thiền sư Trí Tịnh và Quảng Minh thành lập Phật học đường Liên Hải tại Chợ Lớn vào năm 1946. Tiếp đến, thiền sư Huyền Dung mở Phật học đường Mai Sơn. Phật học đường này sau được dời về chùa Sùng Đức Chợ lớn. Năm 1949, thiền sư Trí Hữu thành lập Phật học đường Ứng Quang, cũng ở Chợ Lớn. Tại Trà Vinh, thiền sư Thiện Hoa cũng mở cửa lại Phật học đường Trà Vinh, thiền sư Thiện Hoa cũng mở cửa lại Phật học đường Trà Vinh từ 1946 và thu nhận học tăng mới.

Năm 1950, các thiền sư Trí Hữu, Thiện Hòa, Nhật Liên, Huyền Dung, Trí Tịnh và Quảng Minh họp tại chùa Ứng Quang và quyết định thống nhất các Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn và Ứng Quang lại. Kết quả là Phật học đường Nam Việt được thành lập tại chùa Ứng Quang. Thuận theo ý thiền sư Nhật Liên, chư tăng đồng ý đổi danh xưng Ứng Quang thành Ấn Quang.

Năm 1953, Phật học đường Phật Quang cũng gia nhập Phật học đường Nam Việt và thiền sư Thiện Hoa được mời về chùa Ấn Quang để cộng tác.

Trong những vị cư sĩ ủng hộ việc thành lập Phật học đường Nam Việt, có vị tên là Mai Thọ Truyền, pháp danh là Chánh Trí. Thấy các miền Trung và miền Bắc đã có cơ sở tu học vững chãi cho người cư sĩ, ông Mai Thọ Truyền vận động với các thân hữu để thành lập hội Phật Học Nam Việt. Hội này ra đời ngày 25.2.1951 tại Sài Gòn, đặt trụ sở tại chùa Khánh Hưng ở Hòa Hưng, và sau đó ít lâu dời về chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ. Hội trưởng niên khóa đầu tiên là cư sĩ Nguyễn Văn Khỏe, một cư sĩ từng hoạt động đặc lực cho hội Lương Xuyên Phật Học. Sau nhiều năm hoạt động, hội Phật Học Nam Việt dựng chùa Xá Lợi để làm trụ sở.

Ngày 5.6.1951 một cuộc đại hội của chư tăng tại chùa Hưng Long đã đi đến sự thành lập Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang. Thiền sư Đạt Từ làm trụ sự trưởng của Giáo Hội và thiền sư Nhật Liên đảm nhận trách vụ tổng thư ký. Thiền sư Đạt Thanh (chùa Giác Ngộ) được suy tôn làm pháp chủ lâm thời. Đại hội ngày 8.3.1953 của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt bầu thiền sư Thiện Hòa làm trụ sự trưởng và suy tôn thiền

sư Huệ Quang làm pháp chủ.

Như vậy là Bắc Trung Nam đã có đủ các tập đoàn tăng sĩ và cư sĩ. Ba tập đoàn tăng sĩ và ba tập đoàn cư sĩ này năm 1951 đã họp hội đồng tại Huế và thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất lấy tên là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.

Đứng về phương diện hình thức, các tổ chức Phật giáo nói trên đều tuyên bố là không mang màu sắc chính trị, nghĩa là tránh không đá động tới vấn đề thời cuộc. Điều này có tính cách dễ hiểu, bởi vì những tổ chức này được thiết lập và hoạt động trong những vùng “quốc gia”, những vùng được cai trị và bảo vệ bởi một “chính quyền quốc gia” với sự kiểm soát của quân đội thực dân Pháp. Tuyên bố công khai rằng họ chống thực dân và chính quyền bù nhìn do thực dân đặt ra, đó là việc những tổ chức Phật giáo ấy không thể làm được, bởi vì nếu làm như thế thì bị đóng cửa và đàn áp ngay từ buổi đầu. Điều họ có thể làm được, do đó, là tuyên bố tính cách phi chính trị của họ và như vậy có thể từ chối những áp lực của thực dân và các chính quyền tay sai biến mình thành những yếu tố chống kháng chiến. Tuy nhiên, thực hiện được điều này cũng là một công trình vất vả. Áp lực của chính quyền thường xuyên đè nặng trên họ, và khi chống lại áp lực này, họ trở thành những tổ chức không được chính quyền tin cậy. Trái lại, họ còn bị nghi ngờ, nhất là khi một số tu sĩ và cư sĩ trong các tổ chức Phật giáo bị bắt vì lý do hoạt động bí mật cho kháng chiến. Lợi dụng những tổ chức này vào mục tiêu chính trị không được, chính quyền bèn xoay sang nâng đỡ những thành phần tăng sĩ và cư sĩ “thân hữu” để giúp họ thành lập những tổ chức Phật giáo có tính cách thân chính. Do đó, những tổ chức như Phật Giáo Thuyền Lữ (ở Trung) và Phật Giáo Cổ Sơn Môn (ở Nam) ra đời. Tuy vậy, những tổ chức này không hữu hiệu và không lớn mạnh được (107).

Đứng về phương diện nội dung, các tổ chức Phật giáo nói trên, ít nhất là trong giai đoạn 1948-1950, đều có khuynh hướng thân kháng chiến. Khuynh hướng này được trông rõ rệt trong giới trẻ tuổi của các tập đoàn Phật giáo, tăng sĩ cũng như cư sĩ. Từ 1949, tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ đã được thành lập và phát triển mạnh ở miền Bắc rồi và đạo Phật ở Việt Nam hồi đó không còn là đạo của riêng những người lớn tuổi nữa. Chùa chiền ở thành thị (và ở cả thôn quê nữa) đều thấp thoáng bóng người trẻ tuổi và vang vang tiếng hát của họ. Nhiều phần tử tăng sĩ và cư sĩ trẻ tuổi bí mật tham dự kháng chiến và bí mật liên lạc với bạn bè của họ trong vùng kháng chiến. Họ đồng nhất “chính nghĩa độc lập” với đạo Phật và họ gọi con đường tranh đấu cho độc lập quốc gia của những người

kháng chiến là “chính đạo”. Hãy nghe một thanh niên Phật tử ở Hà Nội cầu nguyện trong đêm giao thừa Canh dần, đêm 16 tháng Hai năm 1950:

“Đêm giao thừa Canh dần! Giờ phút thiêng liêng này đã đánh dấu một năm khối lửa mịt mù trên giang sơn nước Việt, một năm chiến tranh tàn khốc từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, trên bán đảo chữ S, một năm đầy dẫy những giết chóc, đàn áp, thiêu hủy, gây nên biết bao nỗi đau thương tang tóc!... nhưng cũng là một năm mà dân tộc Việt Nam đã trưởng thành, một năm mà dân tộc Việt Nam đã hy sinh xương máu để giành Độc Lập, Tự Do cho Tổ Quốc. Biết bao nhiều chiến sĩ và nạn nhân chiến tranh đã bỏ mình nơi chiến địa! Biết bao cơ nghiệp bị phá hủy! Sự hy sinh của cả một dân tộc thật là vô bờ bến.

“Trong giờ phút thiêng liêng của lễ giao thừa, tất cả hàng Phật tử lên khóa lễ tụng kinh niệm Phật để tâm hồn được yên tĩnh mà tưởng niệm đến những người thân yêu, giờ này đang còn tranh đấu, còn đang chịu cực khổ lắm than ở khắp nơi từ thành thị thôn quê đến tận bên trời góc bể, để tưởng niệm đến những bà con họ hàng thân thích đã bao thu biệt vô âm tín, hiện nay còn sống hay đã ngã quỵ trước mũi tên hòn đạn nơi sa trường!

“Ngoài trời tối đen như mực, gió bắc vi vút từng cơn, hạt mưa xuân lạnh buốt càng gợi cho ta nhớ đến các bà con, anh em, chú bác, cô dì, con cháu thân yêu của chúng ta giờ đây ở những nơi xa xăm mù mịt, đang lo lắng làm tròn phận sự của một đệ tử Phật chân chính đang nỗ lực hoạt động cho hòa bình chống trở lại với giang sơn đất nước...

“Chiến tranh tàn sát sẽ chấm dứt!

“Chính nghĩa, chính đạo phải được tôn trọng!

“Xa xa tiếng chuông chùa vọng trong không trung như nhắc nhở các hàng đệ tử Phật hãy kiểm điểm mình, kiểm điểm công việc mình làm trong năm vừa qua và hãy nương ánh hào quang chư Phật soi sáng cho con đường “chính đạo” để sang năm mới, các bạn mạnh dạn tiến bước, tăng trưởng đạo tâm và cương quyết giữ vững tinh thần” (108).

Trong một tạp chí xuất bản ở thành thị mà viết được như thế, tưởng cũng là rõ rệt và can đảm. Chúng ta hãy để ý đến danh từ hòa bình dùng trong bài. Danh từ này còn có nghĩa là “độc lập.”

Cũng như trong một ý niệm về “hòa bình” tương tự, một Phật tử ở Sài Gòn viết vào tháng Tám năm 1950 đề nghị một chương trình tám điểm, hai điểm đầu như sau:

“Điều thứ nhất: gấp gấp ngừng chiến tranh. Nên tôn kính chủ quyền của dân tộc.

Phải giải phóng các dân tộc thuộc địa, lập thành quốc gia mà chủng tộc của họ tự chủ lấy. Không được tham dự vào việc chính trị tự chủ của các quốc gia...”

“Điều thứ hai: Quân đội viễn chinh phải trở về bốn quốc, không được đình trú trên địa phận một quốc gia nào. Các giới tư nhân trung lập như thương gia, kỹ nghệ gia v.v... phải có điều kiện thỏa thuận mới có thể lưu trú được (109).

Tính cách “phi chính trị” có vẻ hình thức của các tập đoàn Phật giáo hồi đó, thực ra, chỉ là một hình thức tự vệ. Giới Phật tử tuổi trẻ, bằng hành động và phát biểu của họ, đã nói được khuynh hướng thân kháng chiến của các tổ chức trên.

ĐẠO PHẬT XOA DỊU ĐAU THƯƠNG

Nhưng không phải tất cả mọi người trong các tổ chức Phật giáo đều có hoạt động và tư tưởng thân kháng chiến. Rất đông những người tới chùa hồi đó là những người đã từng chịu đựng tai ách chiến tranh: thân nhân của họ từng bị sát hại hoặc tù đầy hoặc mất tích, cơ nghiệp của họ từng bị tan tành vì bom đạn. Họ đến chùa để tìm sự an tĩnh cho tâm hồn, để được an ủi, để được chở che.

Nữ sĩ Tâm Tấn viết năm 1949 tại chùa Báo Quốc trong dịp lễ Vu Lan:

*A Di Đà Phật, mõi rền chuông nổi
Tội đắm chìm trong thế giới trầm hương
Bỗng nghe vang lời cầu nguyện bi thương*

Chợt tỉnh, lặng ngẫm nhìn tin đồn nam nữ:

*Đây là vợ khóc chồng đầy xa xứ
Đây là chồng khóc vợ tử biệt ly
Cha có con khổ bệnh đến quy y
Cảnh quẩn quai trong vòng vô lượng khổ
Trí vang ngân lời kinh siêu độ
Từng nhịp lòng nhân ái gửi theo chuông
Trong phút giây, tôi sống giữa hai đường
Phật bất diệt và trần gian tiêu diệt...” (110)*

Có những người đến chùa để vừa tìm nguồn an ủi, vừa để cầu nguyện cho người thân đã mất hoặc đang chiến đấu gian khổ ở xa xôi. Những có những người đã quá đau khổ vì chiến tranh chỉ muốn đến chùa để được an ủi, và không muốn nghe chuyện chiến tranh và chính trị ở chốn thiền môn dù tình cảm của họ vẫn thiên về bên kháng chiến. Cũng có người nhất quyết bảo vệ tính cách “phi chính trị” của tổ chức Phật giáo: họ chống chuyện làm chính trị trong tổ chức Phật giáo dù trong thâm tâm, họ không có ác cảm gì với kháng chiến.

Trong số những người này, ta nhận diện được một số người có mặt trong guồng máy

quản trị của các hội Phật giáo: họ chống lại bất cứ hành động nào có thể gây nguy hại đến tổ chức họ về phương diện pháp lý, và cố nhiên là họ không đi đôi với giới thiên tả. Những người này thường thường là những cư sĩ có đôi chút địa vị trong xã hội. Họ có được thể xem là “cánh hữu” của các tổ chức Phật giáo. Những thành phần này có thể là những Phật tử thành thực và có đức tin nơi đạo Phật; tuy nhiên điều ấy đã không ngăn cấm được họ sử dụng địa vị của họ trong đoàn thể Phật giáo để củng cố địa vị của họ trong xã hội. Tính chất bảo thủ của họ đã làm trì trệ bước tiến của Phật giáo không phải là ít.

PHẬT TỬ ĐI TÌM MỘT CON ĐƯỜNG MỚI

Trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1950, giới Phật tử yêu nước không tìm thấy con đường nào có thể phục vụ được cho nền độc lập quốc gia ngoài con đường tham dự vào cuộc kháng chiến bạo động. Nhưng trong quá trình tham dự này, họ dần dần nhận thức được những điều sau đây:

1- Các đảng phái đối lập buổi đầu trong phong trào về sau thanh toán nhau không nương tay.

2- Phật tử bị bắt buộc phải chọn lựa giữa những đảng phái này và bị lôi cuốn vào guồng máy.

3- Trong các khu giải phóng, Phật tử không có điều kiện tổ chức sinh hoạt tôn giáo của mình.

4- Tuy mệnh lệnh chính thức của chính quyền cách mạng là tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng khuynh hướng hạn chế về Phật giáo đó đây vẫn còn bộc lộ.

5- Ám sát, đặt mìn, cầm súng không thích hợp với tinh thần bất bạo động của Phật tử.

Những nhận định này bắt đầu chín muồi vào khoảng cuối năm 1950. khi các tổ chức Phật giáo Bắc, Nam, Trung đã trở thành những lực lượng xã hội đáng kể và đã bắt đầu gây ảnh hưởng trực tiếp với thời cuộc. Ý niệm đi tìm một con đường tranh đấu thích hợp với tinh thần Phật giáo được hình thành trong mọi tổ chức Phật giáo thời đó, và đã thúc đẩy sáu tập đoàn Phật giáo đi tưới sự triệu tập đại hội vào năm 1951 để thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Bản Tuyên Ngôn của Tổng Hội công bố ngày Phật Đản năm 1951 tại Huế đã nói lên được ý nguyện này:

Hỡi toàn thể Phật tử Việt Nam! Chúng ta hãy san phẳng những hình thức sai biệt, cùng chung sức chung lòng để làm tròn sứ mạng kiến tạo hòa bình, gây mầm an lạc, và nêu cao ngọn đuốc trí tuệ của đức Thế Tôn (111).

Con đường mới tuy đã tìm thấy, nhưng

chưa phải là một con đường thênh thang. Những Phật tử còn chiến đấu trong hàng ngũ kháng chiến vẫn kiên trì trên con đường gian khổ của họ. Tại các vùng “quốc gia” kiểm soát, Phật tử nỗ lực củng cố và phát triển tổ chức mình. Ý niệm “đạo pháp gắn liền dân tộc” được hình thành và hoài vọng của một cuộc tranh đấu bất bạo động cho hòa bình và cho chủ quyền dân tộc được khơi mở. Sự thống nhất của Phật giáo Việt Nam năm 1951 đã làm phát sinh một niềm tin mới.

Những chương sau đây sẽ nói về những hoạt động chấn hưng và phát triển của các tập đoàn Phật giáo từ 1948 trở đi.

(106) Gọi là chùa Ô Môi vì trước chùa có một hàng cây ô môi dài. Hiện chưa tìm được tên chữ của chùa.

(107) Tổ chức Phật giáo Thuyền Lữ được thiền sư Trí Hưng đứng ra chủ xướng. Thiền sư Trí Hưng tên là Nguyễn Tăng người quận Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Là tăng cương chùa Từ Lâm, ông cũng kiêm nhiệm trách vụ kiểm tăng ở ba quận miền Nam tỉnh Quảng Ngãi là Tư Nghĩa, Mộ Đức và Đức Phổ. Ông là con thứ mười ba của một nhân sĩ thân Pháp tên là Nguyễn Thân vì vậy thường được gọi là “cậu mười ba”. Ông thường dựa thể quan tuần vũ Quảng Ngãi là Võ Chuẩn để gây thanh thế trong tỉnh. Sau Cách Mạng 1945 ông phải bỏ ra Huế, cùng với một số tăng sĩ chùa Hải Đức và chùa Phổ Thiên, ông đã lập hội Phật giáo thuyền lữ và cho ra tập san *Thuyền Lữ*. Tổ chức này sống không quá 4 năm. Ông bỏ vào Sài Gòn và cùng với thiền sư Trung Nghĩa lập tổ chức Phật giáo Cổ Sơn Môn đặt trụ sở tại chùa Giác Lâm ở Phú Thọ, sau đó lại dời về chùa Phụng Sơn.

(108) Trúc Đông, viết trong bán nguyệt san *Bồ Đề*, Hà Nội, số 11, ra ngày 17.2.1950.

(109) Cư sĩ Lục Hòa, viết trong bán nguyệt san *Bồ Đề* số 24, ra ngày 28.8.1950

(110) Tâm Tấn: *Hương Đạo Hạnh*, Liên Hoa Huế, 1956.

(111) Bản Tuyên Ngôn thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.



MÙA VU LAN TƯƠI

Hoa tươi

Cười cũng nụ tươi

Mặt tươi

Pháp tươi lòng vui đón mùa

Tươi khi nắng đốt gió lửa

Tươi khi còn Phật

Còn Chùa, còn Tăng...

Mẹ còn, còn cả Vàng Trắng

Nguồn Thơ bắt tận nhịp vắn thăng hoa

Mẹ yêu là Phật ở nhà

Cài lên ngực áo đoá hoa sắc hồng

Ta về ôm Mẹ mà hôn

Rưng rưng nước mắt mắt còn mong manh

"Con ho lòng Mẹ tan tành

Con sốt lòng Mẹ như bình nước sôi"

Câu ca học thuộc nhớ đời

Vu Lan còn Mẹ

Ta tươi trong ngoài

Vàng Trắng bắt tử sáng soi

Con quỳ dưới chỗ Mẹ ngồi đọc kinh

"Ba la... yết đế" chông chành

Thuyền qua bến giác

Bức tranh tuyệt phàm

Ta về bên Mẹ

Vu Lan

Tươi vui hạnh phúc

Hoa Vàng thiên thu.



thơ

TK VĨNH HỮU

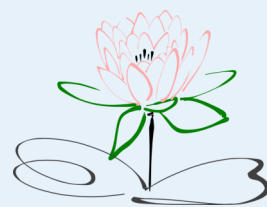
Nha Trang 14/7/2020

Con trai thứ 11



Hãy sống với những gì mình thật có

ĐÀO VĂN BÌNH



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Ngày xưa ngày xưa, dưới chân Hy Mã Lạp Sơn có một vương quốc trù phú tên gọi Thăng Man. Dù là một vương quốc giàu mạnh nhưng lòng người ở đây không thành thật, sống trên những giá trị giả dối, phù phiếm. Tại ngôi chợ bên ngoài hoàng thành có một người đàn ông sống bằng nghề bán mũ. Mũ của anh chàng này rất đẹp nhưng không hiểu sao hàng ế ẩm nên anh chàng toan tính bỏ nghề, tìm nghề khác sinh sống.

Trên đỉnh núi quanh năm tuyết phủ có một nhà tiên tri, theo lời đồn có lẽ tu hành cả trăm năm và đã thành tiên. Nhân vương quốc cho mở đại hội để người dân vui chơi, ăn uống thỏa thích, nhà tiên tri chống gậy xuống núi để quan sát nhân tình, nhân đó tiên đoán vận mệnh của vương quốc.

Trong dòng người hỗn độn, đủ thứ trò vui chơi vô cùng náo nhiệt, nhà tiên tri dừng lại bên cửa hàng bán mũ. Thấy một người đàn ông đang ngồi ủ rũ, nhà tiên tri hỏi:

- Con có chuyện gì không, sao trông buồn quá vậy?

Người đàn ông đáp:

- Thưa ngài, hàng bán ế thì làm sao vui được? Ngài thấy không, trong dòng người cuồng nhiệt kia, người ta bỏ tiền ra mua những thứ chỉ cầm trong tay trong chốc lát rồi quẳng bỏ. Họ tung tiền ra để tham dự những trò vui chơi lố lảng của trẻ con mà không thấy tiếc. Trong khi mũ của con là vật dụng hữu ích thì chẳng ai thèm ngó ngang tới.

Nhà tiên tri khẽ thở dài, nói:

- Thế con có muốn mũ của con bán được không?

- Thế thì còn gì bằng? Nếu bán được con xin hậu tạ ngài.

Nhà tiên tri nói:

- Ta chẳng quan tâm đến chuyện hậu tạ.

Rồi chỉ tay ra ngoài đường, nhà tiên tri hỏi:

- Con có thấy bộ quần áo mà cô gái kia đang mặc không? Có phải nó tầm thường không? Nhưng nếu bộ quần áo đó được cô công chúa mặc vào thì nó trở nên vô cùng quý giá và người ta sẽ đua nhau mua để mặc?

- Dạ đúng vậy.

Nhà tiên tri nói tiếp:

- Muốn cho chiếc mũ của con được người ta ưa chuộng, ngoài giá trị thật của nó con phải gán cho nó một giá trị giả tạo mà

người ta ưa thích.

Người đàn ông ngạc nhiên hỏi:

- Ngoài giá trị thực của chiếc mũ này là che mưa nắng, nó còn có giá trị nào khác nữa đâu? Mà làm thế nào con có thể gán cho nó một giá trị giả tạo?

Nhà tiên tri lấy gậy gõ nhẹ lên đầu người đàn ông ba cái rồi nói:

- Con hãy nghe ta nói. Ngày mai đây con đem chiếc mũ này biểu cho một người nổi tiếng đạo đức của kinh thành. Sau khi nhà đạo đức đã đội chiếc mũ của con. Con đứng ra quảng cáo ầm ĩ cho chiếc mũ. Rồi con sẽ trở nên giàu có.

Nói xong nhà tiên tri bước ra, thoát một cái đã biến mất. Khi nhà tiên tri đi rồi, người



đàn ông suy nghĩ miên man. Nhưng vô kế khả thi, nhất là hàng bán ế ẩm, không tiền nuôi vợ, nuôi con. Thôi thì thử một phen, bất quá chỉ mất một chiếc mũ, chẳng đáng bao nhiêu.

Theo lời chỉ dạy, người đàn ông tìm đến một nhà đạo đức nổi tiếng của kinh thành tên Nakaya, kính cẩn thưa:

- Thưa đức ông. Đã từ lâu con nghe đức ông là nhà đạo đức cao quý của kinh thành này nhưng không có gì để bày tỏ lòng ngưỡng mộ. Con chỉ là một anh chàng bán mũ nghèo, nay con xin biểu đức ông chiếc mũ đẹp nhất của con để bày tỏ lòng cung kính. Xin đức ông nhận cho lòng thành kính của con. Và xin đức ông đội nó và chỉ một lần thôi cũng được.

Nhà đạo đức vô cùng ngạc nhiên là tại sao lại có một gã ở giai cấp tầm thường như thế này mà cũng biết đến mình cho nên vui vẻ nhận chiếc mũ.

Mấy ngày sau, đợi cho chính mắt mình nhìn thấy nhà đạo đức đã đội chiếc mũ, người đàn ông mở cửa hàng, lớn tiếng rao:

- Mai vô! Mai vô! Thưa bà con cô bác. Chiếc mũ của chúng tôi không phải là chiếc mũ bình thường mà nó mang một giá trị đặc biệt. Những người đạo đức, những bậc trưởng thượng, những người cao quý trong xã hội mới đội mũ của chúng tôi. Quý vị hãy kiểm chứng xem có phải ngài Nakaya đã đội mũ của chúng tôi không? Thưa quý vị, khi đội chiếc mũ này, nó giống như một biểu hiện cho người khác thấy quý vị là con người cao quý. Xin quý vị hãy thử xem. Mai vô! Mai vô!

Nghe quảng cáo vậy, người hiếu kỳ tụ tập lại xem nhưng còn bán tin bán nghi không biết nhà đạo đức Nakaya đã có đội chiếc mũ này không. Nhưng chỉ vài ngày sau, có lẽ đã kiểm chứng đúng nhà đạo đức có đội chiếc mũ, người ta xúm lại hội mua.

Rồi khách hàng mỗi lúc mỗi đông khiến người đàn ông phải mượn thêm thợ để sản xuất. Chẳng mấy chốc kinh thành Thăng Man xuất hiện một phong trào đội mũ. Các quan chức triều đình cũng đua nhau đội mũ vì chiếc mũ là tiêu biểu cho đạo đức. Mà có đạo đức thì người dân tôn thờ và ngôi vị bền vững. Rồi các thương buôn cũng đua nhau đội mũ vì chiếc mũ biểu hiện cho sự tin cậy. Khi đã có lòng tin thì việc buôn bán trôi chảy, tiền vào như nước. Thậm chí những kẻ chuyên sống bằng nghề lường đảo cũng bảo nhau đội mũ và làm ăn khấm khá vì người ta tin tưởng những kẻ đội mũ là những người lương thiện. Chiếc mũ của người đàn ông đã trở thành một thời trang, một biểu hiện của giá trị trong đời sống của kinh thành Thăng Man. Và anh chàng bán mũ trở nên giàu có. Nghĩ tới nhà tiên tri, anh chàng đem mấy chục lạng vàng, lần mò lên Hy Mã Lạp Sơn để

hậu tạ. Thế nhưng nhà tiên tri nói:

- Con đem về đi. Ta đâu cần tiền bạc. Nhưng con hãy bán hết nhà cửa để dời sang một đô thị khác. Những giá trị vay mượn, giả dối không tồn tại lâu dài. Khi sự thực được phơi bày thì những kẻ sống với giá trị giả dối là kẻ đạo đức giả. Thế nhưng trong cái thế giới Ta Bà này, đạo đức giả là cần thiết. Cần thiết để che dấu sự thực ở bên trong.

Nghe lời nhà tiên tri, anh chàng bán mũ lấy cớ về thọ tang mẹ, dọn nhà và từ đó không ai biết tung tích của anh chàng nữa.

Lời người kể chuyện:

Là người con Phật chúng ta tuyệt đối không vay mượn giá trị, không ngụy tạo giá trị, không sống bằng giá trị giả dối và không che dấu con người thật của mình bằng những hành vi giả dối.

Hãy sống bằng sự giản dị và chân thật. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật dạy chân thật là Niết Bàn. Chân thật giống như viên ngọc trong suốt không tỳ vết. Chân thật giống như sữa mẹ mà không cần pha chế. Chân thật giống như sen cốm, tỏa hương thơm ngát, không cần thêm bất cứ một thứ hương thơm nào khác.

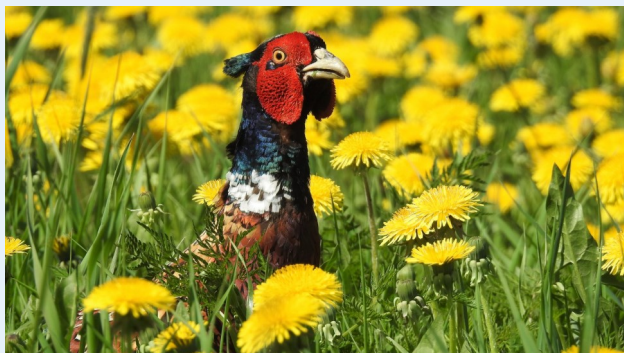
Ngoài ra người Phật tử cũng không nên khoe hay tự hào về phẩm hạnh và đạo đức của mình. Tuyệt đối không bao giờ nói mình đã đắc quả hay đắc pháp. Trong Kinh Kim Cang, đức Phật dạy ngài Tu Bồ Đề:

"Nếu Bồ Tát tự cho mình là Bồ Tát thì không phải Bồ Tát." Do đó chúng ta có thể nói, "Nếu nhà đạo đức cho mình là đạo đức thì không phải là đạo đức."

Thế gian này vì cuộc sống, vì tham-sân-si, vì muốn bảo vệ ngôi vị, tài sản, địa vị, sức mạnh, muốn được người ta kính trọng... con người có thể đóng bộ mặt đạo đức giả. Đạo đức giả giống như thuốc an thần, biết là độc hại nhưng người ta vẫn uống. Nó rất cần thiết cho thế giới đầy Tham-Sân-Si này.

Hãy sống với những gì mình thật có. Hãy sám hối và sửa chữa những lỗi lầm mình phạm phải. Đó chính là đạo đức cao nhất.

Đào Văn Bình
(California ngày 8/8/2020)



GẶP LẠI

Ngày ấy,
Cạn chén chơi vui niềm ảo vọng
Một thoáng trôi về tình khúc phiêu pha
Mùa xuân
Thanh âm sắc màu đi qua.

Đời mỗi phương
Nhìn nhau, chờ em ả!
Về đâu, dòng trôi mênh mông
Như con thuyền sóng vờn bên lạ
Mất đôi màu ngàn mây xa trông.

...Rời từ ấy
Quê mình
Củ khoai, củ sắn
Giọt mồ hôi, giọt lệ vui đầy
Bên miếng ruộng, miếng vườn
Bờ cau, liếp chuối
Thương đời mẹ,
Nghĩ bao đời em làm lũ
Gió sương năm tháng trĩu vai gầy!
Cố xír gặp nhau
Tình ta nhớ thuở...
Chạnh lòng bao mùa trăng quê hương

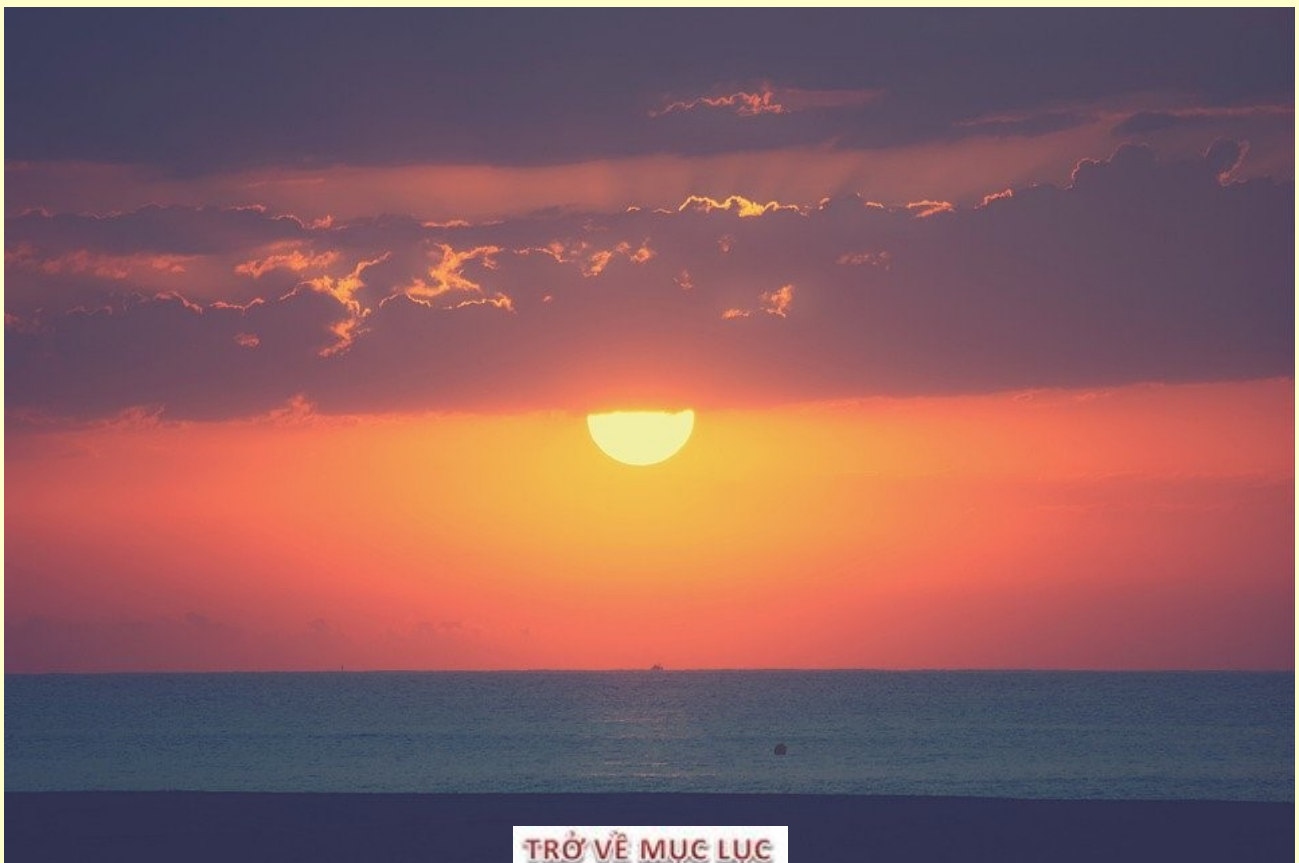
Trăng cũng ngậm ngùi
Như đời viễn mộng.
Cuộc lữ nào không rữ áo phong sương!

Màu xanh hôm nào
Vẫn xanh màu xứ sở
Những điệp khúc trường đời
Đã khuất vợi bóng hoàng hôn,
Cả lau sậy cũng vui mùa hội ngộ
Cát bụi bình yên về ngủ bến rêu cồn.

Nay gặp lại em
Thời gian chảy dòn lên mái tóc
Ba mươi năm trước, cuộc tình se tuổi mộng
Điều đàn mây nhịp trời cung xưa
Long đong thuyền cũ
Xuân về bến
Trời quê hương tình mây nước giao mùa.

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

(Nhớ về ngày ấy)



FACTS AND VIEWS

Letter from the Editor. No. 104, July-2020

By **Vinh Hao** | Translated by **Sung Nguyen, Ph.D.**

OPINION

People nowadays are becoming increasingly lazy and passive, especially since we entered the era of Information Technology (IT) and online communication. IT has connected people around the globe to be close to each other; however, in just a short period, it was abused by people to distort and deform the real facts for the unrighteous goals of individuals and factions.

The global industry of Information Technology in the 21st century has provided a fast and favorable means for people. On the negative side, people not only auto-trust, borrow others' speech, actions, and thoughts, but also easily let others speak for them, act for them, and even think for them. Indeed, they don't need to review the online information, do fact-checking, and validate if others' actions are real and trustworthy.

When they feel that information is not in accordance with their opinions or beliefs, they immediately reject and consider fake news without checking. When they feel that the information is in accordance with their thoughts and beliefs, they believe it immediately, without knowing if it is reasonable or not.

They are getting lazy in speaking or writing; when they feel good and legitimized when listening/reading to others, they then repeat the others unconsciously. All they do is move their mouse, use the index finger to click on the emoji symbol, and instantly share with hundreds or thousands of others the information that has just been posted by their friends or relatives. Sometimes they do not read, listen, or watch but still hit "like"

and share because they believe that their friends, organizations, and parties have read and thought things and then posted them online.

Therefore, the habit creates a "herd effect" and "sheep behavior" (1) in cyberspace, negatively impacting the actual life of the family and society.

Society becomes chaotic, divided, separated into sides, groups, automatically pulled together by the impulse and calls from so-

called appropriate voices. The "herd effect" personality and psychology have been abused in many forms, from crude to subtle, to entice masses for religious, political, social, and economic goals.

The wise do not let themselves be led by public opinions or the opinions of the crowd. They do not rush to believe information, rumors, and public opinions; they evaluate facts scien-

tifically and logically; they do assessments to determine if the topic is an urgent matter to learn the source of truth; know the difference between facts and views (2). They know what is true, accept the fact; do not try to assign it a fake personality to make it unrealistic.

As for the views, perspectives, or ideologies of the individuals and collectives, it is difficult to conclude whether something is true or false.

Whether our particular perspective, through practical experience, can prove to be relatively true; we cannot force others to accept and be in agreement with us. Because it is an idea, not all people who are from different cultural backgrounds and knowledge



think and act the same way. Indeed, people will argue and conflict with each other for life. It is unlikely that there is a common denominator to end the conflict. We may even pass on that conflict to generations to come.

In today's world, Buddhists, who practice the Eightfold Path (3) in their daily life:

Thanks to the Right Understanding, avoid falling into the wrong view, prejudice, and evil thoughts;

Thanks to the Right Thought, contemplate, search for the truth, are not drawn by rumors, fake news, and fabricated lying statements;

Thanks to the Right Speech, avoid saying lies, evil words, luring words, conflicting terms.

We practice living honestly, living with a conscience, and we do not accept or agree to untruthful matters and lies, and we especially do not support unorthodox individuals or groups.

No evil cause can lead to good outcomes.

No deceiving seed can sprout Truth and Happiness.

Live amid this chaotic life, do not rush to believe anyone, but understand that good seeds will grow good fruit. Tomorrow's world will become better because of the goodness each person is planting today: right thoughts, right actions, and right speech, starting from the heart of metta to all.

Translated by
Sung Nguyen, Ph.D.

References (suggested by the Translator):

- (1) <https://www.behavioraleconomics.com/resources/mini-encyclopedia-of-be/herd-behavior/>
- (2) <https://research.ewu.edu/journalism/factcheck>

<https://guides.lib.berkeley.edu/c.php?g=620677>

- 3) <https://www.britannica.com/topic/Eightfold-Path>

The Story of Bhikkhus Who Lived on the Bank of the Vaggumuda River *Dhammapada, Verse 308*

While residing at the Mahavana forest near Vesali, the Buddha uttered Verse (308) of this book, with reference to the bhikkhus who spent the vassa (rainy season 3 months) on the bank of the Vaggumuda River.

At that time, there was a famine in the country of the Vajjis. So, to enable them to have enough food, those bhikkhus made it appear to the people that they had attained Magga and Phala although they had not done so. The people from the village, believing them and respecting them, offered much food to them leaving very little for themselves.

At the end of the vasa, as was customary, bhikkhus from all parts of the country came to pay homage to the Buddha. The bhikkhus from the bank of the river Vaggumuda also came. They looked hale and hearty while the other bhikkhus looked pale and worn out. The Buddha talked to all the bhikkhus and enquired how they fared during the vassa(rainy season). To the bhikkhus from Vaggumuda River the Buddha specifically asked whether they had any difficulty in getting alms-food on account of the famine. They answered that they had no difficulty at all in getting alms-food.

The Buddha knew how those bhikkhus had managed to get enough alms-food. But he wanted to teach them on this point, so he asked, "How did you manage so well in getting alms-food throughout the vassa(rainy season 3 months)?" Then the bhikkhus told him how they discussed among themselves and decided that they should address one another in such a way that the villagers would think that they had really attained jhana, Magga and Phala. Then the Buddha asked them whether they had really attained jhana, Magga and Phala. When they answered in the negative, the Buddha reprimanded them.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 308: It is better for one to eat a red-hot lump of iron burning like a flame than to eat alms-food offered by the people, if one is without morality (sila) and unrestrained in thought, word and deed.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

CON SẼ TRỞ VỀ

Con ở nơi này xa thật xa
Hương về quê mẹ ở chốn xa
Mẹ già tóc bạc chờ con trẻ
Đã bao năm rồi vẫn biệt tăm.

Phương xa mẹ có khỏe hay không?
Chín mươi hôm sớm nhiều thay đổi
Nghe tin lòng con buồn chi lạ
Mẹ không khỏe rồi biết sao đây!

Giờ này mẹ có về theo Phật
Con không về được mẹ biết không
Cô-vít ngày đêm gieo mầm dữ
Thảm họa thế giới phải điêu linh

Bảy tháng ngang qua bao sầu khổ
Chết chóc cách ly thật hãi hùng
Xin nguyện mười phương Phật che chở
Đại dịch qua nhanh sống an bình

Con nhớ mỗi năm Rằm tháng Bảy
Theo mẹ lên chùa dâng hương lễ
Cúi đầu trước Phật tâm thành kính
Âm thầm khẩn nguyện mẹ bình an

Mấy mươi cách xa vòng tay mẹ
Hơi ấm chở che còn vương mãi
Nỗi buồn thấm đượm khi nghịch cảnh
Chẳng ai bên cạnh để tỏ bày

Một mình phương xa nhiều trần trở
Ôm đau buồn tủi giọt lệ sa
Thương mẹ cảnh già đang chờ đợi
Trời Tây đất Việt thật chia xa

Vu Lan đã đến Rằm tháng Bảy
Chuông chùa đồng vọng lại tích xưa
Hiếu hạnh nghìn năm còn nhắc mãi
Đại Hiếu Kiên Liên giải đảo huyền

Trăng rằm xuyên qua làn trúc biếc
Gió nhẹ nâng niu ánh trăng vàng
Tiếng kinh xa đưa thắm nhắc khẽ
Hiếu hạnh vi tiên đạo con người

Tâm hương vọng hướng về cố quận
Nguyện cầu mẹ hiền mãi bình an
Đại nạn qua đi con trở lại
Thăm mẹ chùa xưa bỏ nhớ mong.

thơ THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



Bài thơ trong viện dưỡng lão

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong một viện dưỡng lão ở nước Úc, cụ ông Mak Filise, 86 tuổi, không có thân nhân nào thăm viếng trong nhiều năm. Khi cụ qua đời cô y tá dọn dẹp căn phòng của cụ và bất ngờ khám phá ra một mảnh giấy nhàu nát với những dòng chữ viết nguệch ngoạc. Đó là một bài thơ của cụ và đó là tài sản duy nhất, là cái vốn liếng quý giá nhất cho tuổi già cô đơn của cụ. Trong bài thơ cụ ghi lại những kỷ niệm gia đình, những nỗi nhớ về quãng đời mình đã trải qua và nhắn nhủ với người ở lại. Bài thơ khiến bao người cảm động. Bài thơ có tiêu đề là "Cranky Old Man" (*It was a poem written by Filiser. The poem "Cranky Old Man" is the only thing that has survived the old man after he left this world*).

Khi các cô y tá phổ biến bài thơ lên mạng xã hội thời tác phẩm này đã lan truyền khắp nước Úc và sau đó nhanh chóng trở thành một hiện tượng toàn cầu. Không phải vì nghệ thuật ngôn từ của thơ mà chính yếu là vì trái tim của cụ già cao niên đã ký gửi trong từng con chữ, từng vần điệu của bài thơ, gửi gắm cả một 'kho báu' tâm hồn vô giá. Một trái tim đầy lửa, vẫn muốn sống hết mình với cuộc đời. Bài thơ đã làm thức tỉnh trái tim của hàng triệu người trên thế giới...

Bài thơ thoát tiên là những lời nhắn nhủ của cụ Mak đến những cô y tá phục vụ trong viện dưỡng lão. Đừng chỉ nhìn cụ như một cụ già ngớ ngẩn và lẩm cẩm, đừng chỉ mãi tất bật chăm lo và quên rằng thứ họ cần hơn là một người bạn để cùng chia sẻ những điều



tâm sự. Nếu hời hợt và thoáng qua ta sẽ chỉ thấy bề ngoài khắc khổ và già nua. Phải đến khi thẩm từng câu chữ ta mới thấy được kho báu tâm hồn vô giá nằm ẩn sâu bên trong cụ Mak.

Bài thơ cũng đánh động đến chữ "Hiếu," đến sự quan tâm của con cái đối với cha mẹ già lão. Có lẽ vấn đề

làm tròn trách nhiệm và bổn phận của người con không đơn giản chỉ là gửi song thân vào viện dưỡng lão mà thôi mà hãy cố gắng ở bên song thân và chăm sóc tận tình. Vì rất có thể một ngày nào đó chúng ta muốn nói lời yêu thương với cha mẹ mình thì than ôi đã quá muộn mất rồi...

CRANKY OLD MAN

What do you see nurses? What do you see?
What are you thinking... when you're looking at me?

A cranky old man... not very wise,
Uncertain of habit... with faraway eyes?
Who dribbles his food... and makes no reply.
When you say in a loud voice... 'I do wish you'd try!'

Who seems not to notice... the things that you do.

And forever is losing... A sock or shoe?

Who, resisting or not... lets you do as you will,

With bathing and feeding... The long day to fill?

Is that what you're thinking? Is that what you see?

Then open your eyes, nurse... you're not looking at me.
 I'll tell you who I am... As I sit here so still,
 As I do at your bidding... as I eat at your will.
 I'm a small child of Ten... with a father and mother,
 Brothers and sisters... who love one another
 A young boy of Sixteen... with wings on his feet
 Dreaming that soon now... a lover he'll meet.
 A groom soon at Twenty... my heart gives a leap.
 Remembering, the vows... that I promised to keep.
 At Twenty-Five, now... I have young of my own.
 Who need me to guide... And a secure happy home.
 A man of Thirty... My young now grown fast,
 Bound to each other... With ties that should last.
 At Forty, my young sons... have grown and are gone,
 But my woman is beside me... to see I don't mourn.
 At Fifty, once more,... Babies play 'round my knee,
 Again, we know children... My loved one and me.
 Dark days are upon me... My wife is now dead.
 I look at the future... I shudder with dread.

For my young are all rearing... young of their own.
 And I think of the years... And the love that I've known.
 I'm now an old man... and nature is cruel.
 It's jest to make old age... look like a fool.
 The body, it crumbles... grace and vigour, depart.
 There is now a stone... where I once had a heart.
 But inside this old carcass. A young man still dwells,
 And now and again... my battered heart swells
 I remember the joys... I remember the pain.
 And I'm loving and living... life over again.
 I think of the years, all too few... gone too fast.
 And accept the stark fact... that nothing can last.
 So open your eyes, people... open and see.
 Not a cranky old man .
 Look closer... see... ME!!



ÔNG GIÀ LẮM CẨM

*Các cô y tá thấy chi?
 Nhìn tôi cô có nghĩ gì hay không?
 Ông già lẩm cẩm, lạ lùng,
 Không còn minh mẫn, lừng kừng, lời thôi
 Mắt nhìn lơ đãng xa xôi?
 Ăn thời vụng vãi, miệng thời lặng câm.
 Khi cô lớn tiếng khuyên răn
 "Ông ơi hãy cố uống ăn đàng hoàng!"
 Dường như ông lão chẳng màng
 Chẳng lưu tâm tới cô đang làm gì.
 Ông luôn để thất lạc đi
 Vớ còn một chiếc, giày thì lẻ đôi?
 Khi ăn, khi tắm chao ôi
 Suốt ngày ông cự nự đời nào yên?
 Phải chăng cô nghĩ như trên?
 Qua hình ảnh đó cô nhìn thấy tôi?
 Này, này cô y tá ơi!
 Hãy giương to mắt nhìn tôi đây này
 Rồi cô nhận biết tôi ngay
 Khi tôi tĩnh lặng, nơi đây yên ngời
 Luôn làm theo ý cô thôi
 Cả khi ăn uống theo lời cô khuyên.*

*

*Tôi Mười tuổi, mới lớn lên
 Có cha có mẹ kề bên thăm tình
 Anh chị em cùng vây quanh
 Yêu thương trong mái gia đình bên nhau.
 Khi tôi Mười Sáu tuổi đầu
 Đôi chân bay nhảy, trước sau mơ màng
 Mơ mình sớm gặp được nàng
 Người yêu lý tưởng dịu dàng xinh tươi.
 Làm chú rể tuổi Hai Mươi
 Nhịp tim thổn thức tứ thời khôn nguôi
 Nhớ lời chung thủy thề bồi
 Lòng mình tự hứa chung đời bền lâu.*

Giờ Hai Mươi Lăm tuổi đầu
 Tôi sinh con, phải dạy sao nên người
 Dựng xây mái ấm vui tươi
 Gia đình hạnh phúc, sống đời bình yên.
 Tôi Ba Mươi tuổi già thêm
 Thời con tôi đã trở nên trưởng thành
 Sợi dây ràng buộc gia đình
 Mãi luôn vững chắc kết tình dài lâu.
 Khi tôi Bốn Chục tuổi đầu
 Các con đều lớn, theo nhau đi rồi
 Chỉ còn vợ quý cạnh tôi
 Dù sao cũng chẳng khiến tôi muộn sầu.
 Rồi Năm Mươi tuổi tới mau
 Quanh chân tôi trẻ cùng nhau vui vầy
 Nay con, nay cháu một bày
 Tôi cùng thân quyến nơi đây kết đoàn.

*

Thế rồi tới những ngày buồn
 Vợ tôi nay đã cõi trần lìa xa.
 Nhìn tương lai thấy nhạt nhòa
 Lòng tôi rung động thật là hoảng kinh
 Vì con tôi khi trưởng thành
 Phải lo nuôi nấng gia đình riêng tôi
 Mặc tôi lẻ bóng đơn côi
 Nhớ năm tháng cũ, nhớ người thương yêu.
 Giờ tôi già lão đi nhiều
 Hoá công tàn bạo, tiêu điều ra tay
 Bầy trò biến đổi già này
 Thành như một kẻ đêm ngày khủng khiếp.
 Tăm thân tàn tạ mãi thêm
 Còn đâu sinh lực, nét duyên hết rồi
 Trái tim nồng ấm một thời
 Giờ đây chai đá nhìn đời buồn thay.
 Nhưng trong thân xác già này
 Một trái tim vẫn nung nấu ẩn tàng
 Cõi lòng nay lại dâng tràn
 Con tim trời dậy nhịp nhàng xiết bao.
 Nhớ niềm vui một thuở nào
 Nhớ luôn những nỗi khổ đau đủ điều
 Và tôi đang sống, đang yêu
 Cuộc đời như chợt mỹ miều hồi sinh
 Nghĩ về năm tháng đời mình
 Thấy sao quá ít lại đành trôi mau
 Nhận chân thực tế từ lâu
 Vô thường sự vật có đâu mãi còn.
 Mọi người hãy mở mắt luôn
 Để nhìn cho thấu, để còn thấy ra.
 Tôi đâu lẩm cẩm tuổi già
 Tới gần... nhìn kỹ để mà thấy... TÔI!

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
 (chuyển dịch)

VU LAN NỖI NHỚ

Vu Lan đến bên song cửa sổ,
 Nhớ Mẹ hiền ngày tháng qua mau!
 Chiều nay nhìn áng mây sâu,
 Mây bay qua ngõ nhuộm màu nhớ thương!

Vu Lan đến rồi đi lặng lẽ,
 Như Mẹ hiền quá vắng thăm con,
 Thời gian như gió trên non,
 Mây tan trên núi, trăng tàn cuối sông

Nguyện cầu Bồ tát cao ân
 Mẹ Cha khuất bóng về miền an vui
 Vãng sanh nương bóng Phật Trời,
 Thông dong ngày tháng an vui cảnh nhàn

Chiều nay mây trắng lang thang
 Nhớ về quê Mẹ bàng hoàng lòng đau
 Hè sang phượng thắm đỏ màu,
 Bao giờ gặp lại Mẹ hiền ngày xưa?

Hôm nay vào trước cổng chùa,
 Nhận cành hoa trắng cài lên áo mình.
 Tâm hương một nén ân tình,
 Kính dâng lên Mẹ muôn phần nhớ thương!

thơ **THỰC UYÊN**
 Vu Lan 2020



VĂN HÓA VÀ PHẬT GIÁO TÂY TẠNG BỊ ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TIÊU DIỆT NHƯ THẾ NÀO?

Huỳnh Kim Quang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14, vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo Tây Tạng, đã sống lưu vong tại Ấn Độ kể từ năm 1959 khi chế độ Cộng Sản tại Trung Quốc xua quân xâm chiếm Tây Tạng, nhiều lần lên tiếng trước công luận thế giới về chính sách tiêu diệt văn hóa truyền thống Tây Tạng của Bắc Kinh.

Thật vậy, TQ đã và đang thực hiện việc tiêu diệt có hệ thống di sản văn hóa của Tây Tạng với sự phá hủy các truyền thống Phật Giáo và tôn giáo, hệ thống giáo dục, làm đổ vỡ xã hội, gây cảnh vô luật pháp, bất bạo dung xã hội, lòng tham không kiểm soát và sự gia tăng cao độ việc buôn bán tình dục và nạn nghiện rượu tại Tây Tạng, theo một phúc trình được đăng trên trang mạng toàn cầu www.thehindubusinessline.com cho biết.

Trong phúc trình có tên "Cultural Genocide in Tibet" [Tiêu Diệt Văn Hóa Tại Tây Tạng] đã được công bố bởi Viện Chính Sách Tây Tạng, Lobsang Sangay, Tổng Thống của Chính Phủ Tây Tạng Trung Ương, nói rằng các hành động diệt chủng đã và đang được thực hiện. Ông cho biết rằng TQ đang thực hiện việc tiêu diệt tôn giáo, ngôn ngữ, và



*Cung Điện Potala, tại Thủ Đô Lhasa của Tây Tạng.
(www.en.wikipedia.org)*

cũng đang loại bỏ bằng sức mạnh những người du mục Tây Tạng trong khi họ tiếp tục đưa dân TQ vào Cao Nguyên Tây Tạng.

Ông ấy đã nhấn mạnh rằng theo phúc trình năm 2017 của tổ chức Freedom House, Tây Tạng là một trong những quốc gia có ít tự do nhất trên thế giới.

"Các chính sách không ngừng được thực hiện tại 4 khu vực này đã cướp đi nền văn hóa và ngôn ngữ của người dân Tây Tạng và đã làm tổn hại lối sống truyền thống của họ. Việc đưa các công nhân di dân TQ vào, được tạo điều kiện bởi đường xe lửa mới và một chính phủ có lợi cho người di dân, đang biến người dân Tây Tạng ngày càng trở thành nhóm thiểu số bị mất quyền trong mảnh đất của chính họ," theo ông cho biết thêm.

Phúc trình của Chính Phủ Tây Tạng Lưu Vong

Theo phúc trình nói trên, sự thách thức nằm trong cách TQ phô bày chính họ ra trước mặt thế giới khác với những gì là các chính sách bên trong của họ. Phúc trình nói rằng trong khi TQ hành động như một Nhà Nước đa quốc gia trên trường quốc tế, họ lại hành động như một đế quốc khi họ đối đầu với các vấn đề nội bộ của chính họ.

"Sự trái ngược giữa việc tự phô diễn và những xung động mang tính đế quốc thực sự của họ [TQ] là ở trọng tâm của việc TQ tiêu diệt nền văn minh Phật Giáo Tây Tạng," theo phúc trình cho biết.

Phúc trình nói rằng TQ cũng đang cố gắng làm tràn ngập Tây Tạng với những người Hán TQ định cư và biến họ thành chủng tộc khổng lồ, tương tự như những gì họ đã làm tại Mãn Châu, Nội Mông và Tân Cương.

Phúc trình cũng cho biết thêm rằng TQ "đang chờ đợi sự viên tịch của Đức Đạt Lai Lạt Ma" để họ có thể chỉ định vị Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp tại đó.

“Trong việc gạt bỏ Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tại và chuẩn bị chỉ định một vị kế tiếp trong hy vọng rằng Bắc Kinh có thể nắm được người dân Tây Tạng, chính quyền TQ đang đi trên con đường dẫn tới việc làm mất ổn định của Tây Tạng,” theo phúc trình cho hay.

Hơn 149 người Tây Tạng đã tự thiêu bởi vì sự từ chối của TQ để cho phép Đức Đạt Lai Lạt Ma thăm viếng Tây Tạng. Nhưng nếu TQ dựng lên một Đức Đạt Lai Lạt Ma của chính họ thì phong trào này có thể không còn giữ được bất bạo động, theo phúc trình dự tri.

Mối quan hệ giữa Tây Tạng và TQ có một lịch sử sóng gió từ lâu như tài liệu từ www.en.wikipedia.org cho biết sau đây.

Xâm lăng thuộc địa

Sau khi triều đại nhà Thanh sụp đổ và trước năm 1950, khu vực tương ứng với Vùng Tự Trị Tây Tạng (TAR) ngày nay thực tế là một quốc gia độc lập. Đất nước này [Tây Tạng] lúc đó đã tự phát hành tiền tệ và tem, và duy trì các mối quan hệ quốc tế. Tây Tạng tuyên bố có 3 tỉnh (Amdo, Kham và U-Tsang), nhưng chỉ kiểm soát tỉnh Kham phía tây và U-Tsang. Kể từ năm 1950, TQ biến phía đông tỉnh Kham và một phần phía tây tỉnh Kham thành Vùng Tự Trị Tây Tạng, theo www.en.wikipedia.org.

Trong thời đại Cộng Hòa Trung Hoa vào đầu thế kỷ 20 theo sau triều đại nhà Thanh, tướng Hồi Giáo người TQ kiêm thống đốc Thanh Hải là Mã Bộ Phương đã bị người Tây Tạng tố cáo thực hiện chính sách Hán hóa và Hồi Giáo hóa tại các khu vực Tây Tạng. Ép buộc cải đạo và đóng thuế nặng được báo cáo dưới sự cai trị của ông.

Sau Khi Mao Trạch Đông chiến thắng cuộc nội chiến năm 1949, mục tiêu của ông là thống nhất “5 dân tộc” khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa nằm dưới sự cai trị của Đảng CSTQ. Chính phủ Tây Tạng tại thủ đô Lhasa đã cử Ngabo tới Chamdo tại tỉnh Kham, một thị trấn chiến lược gần biên giới, với lệnh giữ vững vị trí của ông trong khi quân tiếp viện đến từ Lhasa để đánh lại TQ. Vào ngày 16 tháng 10 năm 1950, tin đưa đến rằng Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân đang tới Chamdo và đã chiếm lấy thị trấn Riwoche mà có thể chặn đường tới Lhasa. Ngabo và người của ông đã rút về một tu viện nơi mà Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân đã bao vây và bắt họ. Ngabo đã viết thư về Lhasa đề nghị đầu hàng hòa bình thay vì chiến tranh. Ngabo đã chấp thuận Hiệp Ước Bảy Điểm của Mao, mà trong đó quy định rằng Tây Tạng trở thành một phần của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Tây Tạng sẽ được cho tự trị. Không được thể giới hậu thuẫn, vào tháng 8 năm 1951 Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đánh điện tín



Quân đội Trung Quốc trấn áp người Tây Tạng biểu tình tại Ngaba sau biến cố bất ổn tại Tây Tạng năm 2008. (www.en.wikipedia.org)

cho Mao để chấp nhận hiệp ước. Các phái đoàn đã ký hiệp ước theo nguyên tắc, và tương lai của chính phủ Tây Tạng đã bị niêm phong.

Dù sự sáp nhập của Tây Tạng vào TQ được biết trong sử ký TQ như là Sự Giải Phóng Hòa Bình Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma xem đó là sự xâm lăng thuộc địa và Đại Hội Thanh Niên Tây Tạng đồng ý rằng đó cũng là một sự xâm lăng.

Cách Mạng Văn Hóa, gồm học sinh và người lao động của Đảng CSTQ, được sáng kiến bởi Mao và được thực hiện bởi Đảng Đảng 4 Người từ năm 1966 tới 1976 để bảo vệ chủ nghĩa Mao như ý thức hệ dẫn đạo của TQ. Nó thực chất là cuộc đấu đá nội bộ trong đảng để loại bỏ thành phần chống lại Mao.

Các Mạng Văn Hóa đã ảnh hưởng toàn bộ TQ, và Tây Tạng cũng bị tổn hại. Hồng Vệ Binh đã tấn công thường dân, là những người bị buộc tội là kẻ phản bội chủ nghĩa cộng sản. Hơn 6,000 tu viện bị cướp bóc và tiêu diệt. Các Tăng, Ni bị buộc hoàn tục, với những người cố giữ lý tưởng tu hành thì bị bỏ tù. Tu nhân bị ép buộc lao động cực khổ, bị hành hạ và xử tử. Dù Cung Điện Potala bị đe dọa, Thủ Tướng Chu Ân Lai đã can thiệp và kềm chế Hồng Vệ Binh.

Hán hóa Tây Tạng

Dự Án Chiến Lược Quốc Gia Phát Triển Miền Tây của TQ, đã được đưa ra trong thập niên 1980s sau Cách Mạng Văn Hóa, khuyến khích việc di dân người TQ từ những vùng khác của TQ vào Tây Tạng với nhiều ưu đãi lương bổng và các điều kiện sống thoải mái. Người tự nguyện được đưa tới đó là các giáo viên, các bác sĩ và những nhà hành chánh để giúp phát triển Tây Tạng. Cho rằng lực lượng lao động không đủ phẩm chất và hạ tầng cơ sở còn nghèo nàn, chính quyền TQ đã khuyến khích di dân để kích thích cạnh tranh và thay đổi Tây Tạng từ truyền thống tới kinh tế thị trường với các cải tổ kinh tế do Đặng Tiểu Bình đặt ra.

Người Tây Tạng là nhóm chủng tộc đa số tại Khu Vực Tự Trị Tây Tạng, chiếm khoảng 93% dân số vào năm 2008. Các cuộc tấn công bởi người Tây Tạng vào tài sản được người Hán và người Hồi làm chủ được báo cáo là bởi vì có quá nhiều người Hán và người Hồi vào Tây Tạng.

Vào năm 1949, có khoảng từ 300 đến 400 cư dân người Hán tại thủ đô Lhasa, theo Rachel Lowry trong "Inside the Quiet Lives of China's Disappearing Tibetan Nomads" đăng trong báo Time vào ngày 3 tháng 9 năm 2015. Năm 1953, theo thống kê dân số lần đầu tiên, Lhasa có khoảng 30,000 cư dân gồm 4,000 người ăn xin, nhưng không tính 15,000 tu sĩ Phật Giáo.

Đến năm 1992, dân số thường trú tại Lhasa được ước tính gần 140,000, gồm 96,431 người Tây Tạng, 40,387 người Hán, và 2,998 người TQ theo Hồi Giáo và những người khác. Cộng thêm với số người sống tạm trú từ 60,000 tới 80,000, chủ yếu là những người hành hương và thương nhân. Đó là con số của năm 1992, nghĩa là cách nay (2020) 18 năm. Trên thực tế bây giờ còn khác nhiều.

Theo Giáo Sư về Tây Tạng và Hy Mã Lạp Sơn tại Đại Học Oxford George Fitzherbert cho biết rằng, "Người Tây Tạng khiếu nại rằng họ bị cướp mất phẩm giá trên quê hương của họ qua việc nhà lãnh đạo yêu thương chân thật của họ không ngừng bị tố cáo, và bị tràn ngập bởi di dân TQ tới mức mà người Tây Tạng trở thành thiểu số trong chính đất nước của họ. Nhưng TQ khẳng định lên án những khiếu nại đó như là chủ nghĩa ly khai, hành vi phạm tội "phá hoại đoàn kết dân tộc" tại TQ. Quốc tế nêu các vấn đề về nhân quyền và môi trường, nhưng TQ lại tố cáo điều này là can thiệp của ngoại quốc và việc nội bộ của quốc gia chủ quyền."

Chính quyền TQ tuyên bố rằng họ sẽ kiểm soát cách Đức Đạt Lai Lạt Ma Đời Thứ 15 sẽ được chọn, trái với truyền thống nhiều thế kỷ. Chính quyền TQ thường xuyên cảnh báo rằng "ngài phải tái sinh, và trong các điều kiện của họ."

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma xác nhận một đứa trẻ Tây Tạng vào năm 1995 là tái sinh của Đức Ban Thiền Lạt Ma, vị lãnh đạo đứng hàng thứ hai của trường phái Gelugpa, chính quyền TQ đã bắt đứa trẻ này và cha mẹ của đứa trẻ và đưa ra vị Lạt Ma trẻ của chính họ. Vị Lạt Ma được Đức Đạt Lai Lạt Ma chọn lựa, Gedhun Choekyi Nyima, tới giờ này vẫn không được biết ở đâu. Người được chính quyền TQ lựa chọn xuất hiện tại các sự kiện chính thức để ca ngợi chính sách của CS và bị người dân Tây Tạng xem là lừa đảo. Người lãnh đạo trường phái Kagyu, Karmapa Ogyen Trinley Dorje, cũng được các lãnh đạo TQ

chuẩn bị, nhưng tới 14 tuổi thì ngài đã trốn thoát sang Ấn Độ vào năm 1999.

Giáo dục và ngôn ngữ

Hiến Pháp TQ bảo đảm quyền tự trị tại các khu vực chủng tộc và nói rằng chính quyền địa phương nên sử dụng các ngôn ngữ thông dụng. Kể từ năm 1949 chính quyền TQ đã dùng hệ thống giáo dục thiểu số cho người Tây Tạng để học tiếng TQ, được xem như là phương tiện chính của áp lực Hán hóa, trái với chính sách của UNESCO về sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Bắt đầu vào đầu năm 2000, có tiến trình Tây Tạng hóa của giáo dục Tây Tạng tại khu vực người Tây Tạng ở tỉnh Thanh Hải. Qua các sáng kiến cơ sở bởi những nhà giáo dục Tây Tạng, tiếng Tây Tạng đã từng là ngôn ngữ chính của việc dạy dỗ trong giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Bây giờ không còn nữa, TQ đã nhanh chóng mở rộng các chính sách đồng hóa vào thập niên 2010s. Tiếng Tây Tạng thậm chí còn bị thiệt thòi hơn trong giáo dục và công việc làm chính phủ, với số nhỏ công việc chính quyền yêu cầu bằng cấp Tây Tạng hay năng khiếu về tiếng Tây Tạng.

Vào năm 1987, Khu Tự Trị Tây Tạng đã công bố các luật lệ nghiêm khắc hơn kêu gọi tiếng Tây Tạng là ngôn ngữ chính trong trường học, văn phòng chính phủ và khu thương mại. Những luật lệ đó đã bị loại bỏ vào năm 2002 và các chính sách và thực hiện ngôn ngữ nhà nước gây nguy hiểm cho sự tồn tại liên tục của nền văn minh Tây Tạng. Tại các khu vực người Tây Tạng, các công vụ chính thức được thực hiện chủ yếu bằng tiếng TQ. Rất bình thường để thấy các khẩu hiệu cổ vũ sử dụng tiếng TQ. Các tu viện và trường học thường mở các lớp học dạy viết chữ cho người dân thường, và các tu sĩ dạy học trong lúc đi du hóa, nhưng các viên chức đã ra lệnh tu viện và trường học chấm dứt các lớp học. Đảng CSTQ đã công bố lệnh vào tháng 12 năm 2018 cấm các lớp học chính thức được dạy bởi các tu sĩ Tây Tạng hay những nhóm khác chưa được chấp thuận, và ra lệnh các trường học phải ngưng dạy tất cả các môn học bằng tiếng Tây Tạng, ngoại trừ tiếng Tây Tạng trong các lớp một, vào tháng 5 năm 2019 tại Golog của TQ, Guoluo của Khu Vực Tự Trị Tây Tạng.

Thường gia và nhà cổ động giáo dục Tây Tạng Tashi Wangchuk đã bị bắt bỏ tù 2 năm và rồi bị truy tố trong năm 2017 bởi các viên chức tòa án sau khi nói chuyện với báo The New York Times cho cuốn video tài liệu và 2 bài báo về giáo dục và văn hóa Tây Tạng.

Các trường nội địa hay nội trú, hoạt động kể từ năm 1985, đã gia tăng nhanh chóng số học sinh ghi danh. Trẻ em Tây Tạng bị tách khỏi gia đình, và ảnh hưởng tôn giáo

và văn hóa Tây Tạng, và để chúng vào trong các trường nội trú Tây Tạng trên khắp TQ, cũng như bên ngoài Khu Tự Trị Tây Tạng. Các học sinh lớn hơn thì được phép rời trường với điều kiện có một giáo viên đi kèm. Tại Tây Tạng, nhiều trường đưa ra cảnh báo các phụ huynh rằng học sinh không nên vào học các lớp tại những tu viện, là nơi giữ gìn truyền thống lâu đời, hay tham gia vào bất cứ hoạt động tôn giáo nào. Các trừng phạt vì làm điều đó là rất nặng, gồm việc bị mất tài trợ của chính quyền.

Chính sách của chính quyền TQ đòi hỏi những ứng viên cho công việc chính quyền Tây Tạng phải bác bỏ bất cứ sự trung thành nào với Đức Đạt Lai Lạt Ma và ủng hộ các chính sách chủng tộc của chính quyền, khi tuyên bố vào tháng 10 năm 2019 về nền tảng giáo dục trên mạng của chính quyền Khu Vực Tự Trị Tây Tạng, "Ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng CS, thực hiện một cách tuyệt đối đường lối của Đảng CSTQ, đường lối tiếp cận, các chính sách, và ý thức hệ dẫn đạo của công tác Tây Tạng trong thời đại mới; đứng vào hàng ngũ một cách ý thức hệ và chính trị, và trong hành động với Ủy Viên Trung Ương Đảng; chống lại bất cứ khuynh hướng chia rẽ nào; vạch trần và chỉ trích Đức Đạt Lai Lạt Ma; bảo vệ sự thống nhất của đất mẹ và sự thống nhất chủng tộc và giữ vững lập trường đối với các vấn đề chính trị, có lập trường rõ ràng và khác biệt," theo ký giả Didi Kirsten Tatlow của Báo The New York Times trong bài viết "An Online Plea to China's Leader to Save Tibet's Culture By," được đăng ngày 14 tháng 12 năm 2012.

Vào tháng 4 năm 2020, việc dạy trong lớp học đã chuyển từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Quan Thoại của TQ tại Ngaba thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

Triệt tiêu người du mục

Chính quyền TQ đã đưa ra sáng kiến buộc những người du mục rời bỏ nhà cửa trong thành thị để đến các ngôi làng mới được xây dựng vào năm 2003. Tới cuối năm 2015, chính quyền TQ đã định cư nhiều triệu người du mục. Chính quyền TQ cũng cho biết họ sẽ dời 1.2 triệu người du mục còn lại vào các thị trấn cung cấp trường học, điện nước và chăm sóc sức khỏe. Nhưng các nghiên cứu nhân chủng học đối với các trung tâm tái định cư được chính quyền xây dựng đã cho thấy thất nghiệp kinh niên, nghiện rượu và việc làm rách nát các truyền thống đã tồn tại nhiều thiên niên kỷ. Các tổ chức đấu tranh nhân quyền nói rằng nhiều cuộc biểu tình bởi những người du mục đã bị bóp rập cay nghiệt bởi các lực lượng an ninh.

Trong báo cáo năm 2011, Báo Cáo Viên Đặc Biệt của Liên Hiệp Quốc về Quyền Có

Thực Phẩm đã chỉ trích các chính sách tái định cư người du mục của TQ như là ép buộc quá mức và nói rằng họ đưa tới "việc nghèo đói gia tăng, suy thoái môi trường và phá vỡ xã hội."

Trong năm 2017 những người du mục Tây Tạng trước đó bị ép buộc rời từ những đồng cỏ chăn nuôi truyền thống vào trong kế hoạch tái định cư do chính quyền chỉ đạo tại tỉnh Thanh Hải được báo phải trở lại vì chính sách mới đã công bố năm 2016, để chính quyền có thể dùng những căn nhà hiện tại cho sự phát triển các trung tâm du lịch và nhà ở cho công chức. "Sau 2 năm sống tại những thị trấn mới, cư dân bây giờ bị buộc dời về lại đồng cỏ cũ mà không mang theo súc vật, là nguồn lợi chính của cuộc sống trong các cộng đồng du mục Tây Tạng."

Tóm lại, Tây Tạng có vị thế địa lý đặc biệt bởi vì đất nước này nằm trên mái nhà của thế giới. Vì vậy, môi trường thiên nhiên đối với Tây Tạng rất quan trọng. Một sự phát triển ào ạt của văn minh cơ khí không quan tâm đến môi trường sinh thái sẽ là cơ nguy hủy diệt di sản môi trường thiên nhiên mà đất nước này vốn có. Hơn nữa, Tây Tạng còn là lãnh địa bảo trì được truyền thống Phật Giáo lâu đời từ thế kỷ thứ 7 với biết bao di sản tinh thần và tâm linh vô giá. Một chế độ duy vật và vô thần như cộng sản TQ cai trị đất nước này rõ ràng là sự tàn phá mà hệ lụy sẽ là không thể cứu vãn được.



Ngày 17 tháng 3 năm 1959, hàng ngàn phụ nữ Tây Tạng tập trung tại Điện Potala, nơi ở chính của Đức Đạt Lai Lạt Ma, để chống sự cai trị và đàn áp của Trung Quốc tại Thủ Đô Lhasa, Tây Tạng. Vài giờ sau đó, cuộc chiến nổ ra và Đức Đạt Lai Lạt Ma bị buộc phải chạy thoát an toàn tới Ấn Độ. (ảnh của hãng thông tấn Mỹ AP trên www.en.wikipedia.org)

MUÔN LÒNG XAO XUYẾN THAY

Tháng Bảy mưa ngâu chuyện hợp tan
Tình yêu, thân phận những mang mang
Chia cách trọn năm lòng khắc khoải
Một ngày gặp mặt nỗi hân hoan

Tháng Bảy về đây lễ Vu Lan
Tạ thâm ân Phật đã khai quang
Chánh pháp độ sanh đường giác ngộ
Người mê thoát cảnh khổ nhân gian

Tháng Bảy tròn trăng sáng ánh vàng
Còn nhiều uẩn khúc vẫn chưa tan
Siêu sanh tịnh độ nhân mùa lễ
Chú, nguyện, kinh cầu với khói nhang

Tháng Bảy ơn sâu nhớ tổ tiên
Mẹ cha quá vãng với hiện tiền
Thân an tâm lạc thường nghe pháp
Tình thương trải rộng khắp bao miền

Tháng Bảy em ơi mùa hiếu hội
Nghĩ ơn cha mẹ dạ bồi hồi
Báo đáp cho tròn đâu phải dễ
Suốt đời ghi nhớ chớ hề thôi

Tháng Bảy niệm tâm từ trọng ân
Pháp hành pháp học hãy chuyên cần
Dấn thân tinh tấn làm như thế
Nào chỉ hôm Rằm tế vong nhân

Tháng Bảy muôn lòng xao xuyến thay
Lên chùa lễ Phật khói trầm bay
Phật tử lòng thành không giới hạn
Đề đầu đánh lễ sáng hôm nay.

RẼM VU LAN NHỚ MẸ

Con lên chùa lễ hôm Rằm
Thì thâm khấn nguyện khói trầm phất phơ
Trọn năm qua đến bây giờ
Ngày ơn cha mẹ lại về hôm nay

Thương mẹ khóe mắt cay cay
Đề đau mạng nặng người hay chẳng người
Lo toan vất vả một đời
Nuôi con khôn lớn biển trời công lao

Thân này từ giọt máu đào
Hình hài nên dáng mẹ hao hót mòn
Làm sao báo đáp cho tròn
Lên chùa lễ Phật lòng con hướng về

Tấc lòng con trẻ đơn sơ
Cầu cho cha mẹ mọi bề lạc an
Mẹ ơi mong mẹ vững vàng
Tháng ngày gần gũi trần gian lụy phiền

Hôm rằm mẹ tế tổ tiên
Mẹ cha là Phật đầu tiên ở nhà
Con quỳ lạy tạ Phật đà
Nhớ người vạn dặm đường xa không cùng

Đêm rằm trăng sáng mộng lung
Mùa Vu Lan lại muôn trùng nhớ thương
Mẹ ơi trong cõi vô thường
Học lời Phật dạy dựa nương bồ đề

Trăm năm này cuộc đi về
Trọn đời ơn mẹ không hề lãng quên.

thơ ĐỒNG THIÊN
Ất Lăng thành, 08/2020



Người Thầy đầu tiên

(Lời nói đầu cho tập truyện "Về Với Mẹ")

BÙI THANH XUÂN

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Suốt đời mình, trong thời nào, kể cả lúc đã già đi, trở thành một lão bạc tóc, gã nghĩ rằng mình vẫn còn cần có những người Thầy, học hỏi để biết thêm kiến thức, mình không thể không có những người chỉ bày một điều gì đó.

Mặc dù điều gã biết được thêm nhỏ nhoi thôi, cũng cần phải tôn trọng, cảm ơn người chỉ bày cho mình

Khó có thể nhớ hết những người Thầy bắt vắn cho mình qua cầu, nhưng có những người Thầy gã không được phép quên

Vậy mà có một người Thầy có thể vì quá gần gũi, yêu thương gã, lại không để tâm Cho đến khi già đi, qua bao năm tháng làm cha rồi làm ông nội, day dỗ, chăm sóc con rồi đến cháu, gã mới nhận ra được người Thầy đầu tiên của mình

Người Thầy đầu tiên cho gã nhận ra ánh sáng, chào thế gian tiếng oe oe Người Thầy đầu tiên dạy gã biết dang tay nắm bắt bình minh, nhìn lên bầu trời, cảm nhận màu xanh thanh bình, dìu gã đi, dạy gã biết hát ca dao

Người Thầy đầu tiên không bày cho gã đánh vần "mờ e Me" Người tập cho gã ê a "bê a Ba." Tay cầm tay, những nét chì thẳng đứng, những vòng tròn và hai cái miệng cùng tròn xoe

Người Thầy đầu tiên dạy cho gã biết phân biệt ngày và đêm, đen và trắng, trắng và sao, biết nhìn ra biển khơi, lên núi cao. Màu xanh nào của biển, màu xanh nào của cỏ cây, dạy cho gã biết lắng nghe tiếng chim hót sáng mai, tiếng côn trùng kêu khi đêm về

Người Thầy đầu tiên dìu gã đi trong vườn cổ tích để một ngày gã biết làm chàng hoàng tử, dìu cô bé hàng xóm cùng mộng mơ trong vườn hoa cài vàng, biết lấy trắng làm chiếc độc bình và hoa là những vì sao

Người Thầy đầu tiên dạy cho gã đạo lý làm người, lòng hiếu thảo và nghĩa vợ chồng, lòng độ lượng, làm người tử tế, biết sẻ chia

Người Thầy đầu tiên trải hoa trên con đường gã đi, vui mừng khi ngoan và khóc khi gã lầm đường lạc lối,

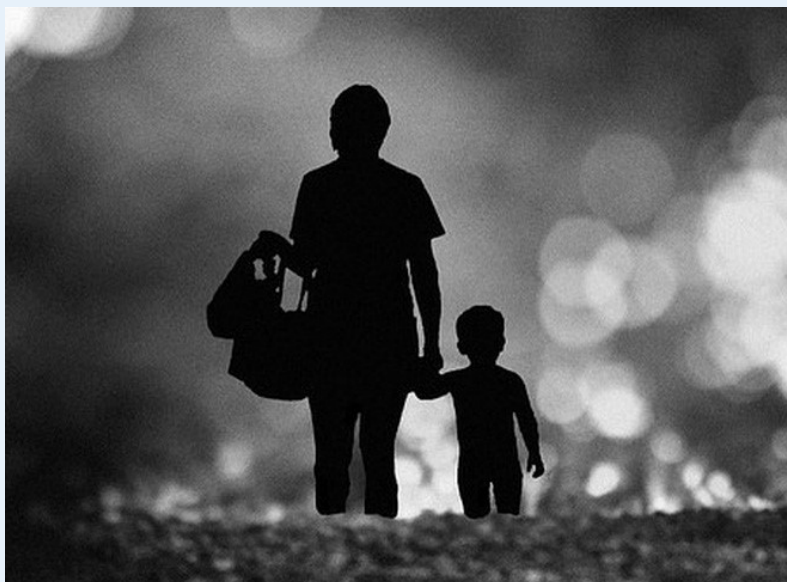
Người tiền gã đi xa và đợi gã về

Sáu mươi năm trôi qua, người Thầy đầu tiên của gã yếu dần, không còn đi lại được nhiều, quanh quẩn trong không gian đầy bóng tối, mò mẫm từng bước đi, ngày ngày, sáng chiều Người lại trông ngóng bước chân, đợi gã về, lo lắng cho sức khỏe, sờ nắn trên da thịt gã và Người lại thở dài

Chiều nay về tắm rửa rồi ngồi cạnh Người, mớm cho Người ăn, sờ mái tóc nửa bạc của gã, Người gọi đứa học trò yêu quý là thằng khi khọt, dạy hoài vẫn cứ lơn tơn, không chịu lớn. Người chạm tìm cái ly, pha nước cho gã uống. Nhận ly nước, gã mang tội bất hiếu, không nhận, mang tội bất nhân

Người Thầy đầu tiên và cũng là người dạy cho gã điều tốt đẹp cuối cùng:

Lòng vị tha



Đi qua ngày nắng, ngày mưa, đi qua ngày khốn khó cho đến khi đủ đầy, lúc ốm đau hay khỏe mạnh, đi gần hết cuộc đời, hài lòng vì những việc đã làm được hay lo âu những việc chưa làm, thì cũng chẳng còn nhiều thời gian để mà tiếc, mà nhớ. Đến lúc bạc đầu mới nhận ra công ơn to lớn của người Thầy đầu tiên đã luôn theo bước chân gã, từ ấu thơ cho đến tận bây giờ

Mẹ gã ! Người Thầy vĩ đại

Gã ghi lại những câu chuyện ngắn, những lần hai mẹ con ngồi gần nhau buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều trong suốt những năm tháng đã qua, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm. Có thể nhiều hơn, từ khi mắt mẹ gã còn nhìn rõ bầu trời, nhìn những đứa con yêu quý của mình phải vật lộn với cơn áo, gạo tiền cho đến khi đủ đầy, từ thời khốn khó cho đến lúc mỗi đứa có một mái ấm riêng của mình

Mắt mẹ gã mờ dần đi, rồi mù hẳn, nhưng tình yêu bà dành cho con cái vẫn không thay đổi. Sự lo lắng rất là "Mẹ" mặc dù con mình đã lớn khôn, đã già đi, có đứa trên đầu hai thứ tóc cũng phải cần dạy dỗ

Trong tập truyện này, phần "Về Với Mẹ" là những mẩu chuyện có thật, những mẩu đời thoại ngắn rất đáng yêu.

Một người mẹ lắm chuyện nhưng đầy lòng trắc ẩn, vị tha, bao dung. Một người mẹ xem gã, thằng con trai hơn sáu mươi tuổi như một đứa trẻ

Gã, ngày ngày về với mẹ, dù có mưa gió bão bùng, dù có nắng cháy da, có bận rộn với cơn áo gạo tiền cũng luôn dành thời gian vài tiếng đồng hồ cho mẹ. Khi trời chưa sáng tỏ đã xuất hiện bên cạnh mẹ, ngồi với mẹ, thủ thỉ, rù rì, cãi nhau, giận hờn nhau

Hai người già, hai mẹ con như hai đứa bé

Một ngày buồn, mẹ bỏ gã mà đi, đi mãi

(Một năm qua, có quá nhiều biến động với gã, hai tập truyện ngắn vẫn chưa hoàn thành. Tập truyện "Về Với Mẹ" sẽ in khi lao xao lắng xuống, anh chị đọc, xin một chút góp ý cho phần mở đầu)

BÙI THANH XUÂN



khúc ngắn đêm dài

1.
mẹ dạy làm người
(— giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng
tha)
con vẫn chưa thông
(— giữa đường thấy chuyện bất bình
cúi đầu ngoảnh mặt đi qua.)

2.
thuở mẹ chiêm bao thấy con sơ sinh hóa
thân
làm con rồng nhỏ ngậm hột cau khô
thuở mẹ mắng yêu con thẳng lười như quý
thuở mẹ đánh yêu con bằng ổ bánh mì
baguette
thuở ấy. thuở nào.

3.
trong đêm dài bằng bạc
dọc ngang lấp lánh ngàn sao
không thấy mắt người
đi vội
về đâu?

4.
ngày lại ngày
khập khênh lần mò
đếm từng bước trong mù sương vô tận
chưa ăn cháo lú
mà đã lần thân quên đời.

5.
mẹ mất
một ngày sau rằm tháng bảy
một đời lận đận ngược xuôi
tả tơi sau cơn đột quỵ
đám ngực van trời.
thuở ấy. thuở nào.

mẹ về

tôi đun nước pha trà
lắng nghe âm vọng giao hưởng
mưa ngập ngừng trên mái ngói và
gió rít từng cơn xuyên khóm cây đầu ngõ
ngọn lửa xanh biếc chập chờn trên bếp gas
trong cội tranh tôi tranh sáng nghỉ ngơi
những đốm huỳnh quang nhập nhòa
đôi khi linh hoạt
hơi ẩm vỗ về trí nhớ tịch lặng bỏ ngõ
đâu đây mùi khoai nướng ngọt ngào
mẹ về, mẹ về
tiếng guốc mộc khẽ khàng
mẹ về, mẹ về
hương sen thanh thoát
hòa quyện trong hơi thở dịu dàng
mẹ về, mẹ về
con reo vui —
mẹ về, mẹ đã về.

thơ

QUẢNG TÁNH
TRẦN CẨM



SỰ TIÊU HÓA THỨC ĂN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Thực phẩm mà con người tiêu thụ đều là những hợp chất phức tạp. Chúng cần được cơ thể phân hóa thành những chất đơn giản hơn để ruột có thể hấp thụ rồi đưa vào máu chuyển tới các tế bào. Ở tế bào, chúng sẽ cung cấp năng lượng và vật liệu thích hợp để duy trì sự sống.

Tiến trình này bao gồm sự tiêu hóa, sự hấp thụ và sự chuyển hóa thực phẩm.

Sự tiêu hóa là quá trình phân hóa thực phẩm thành dạng mà tế bào có thể hấp thụ và đồng hóa được.

Sự hấp thụ là quá trình đưa chất dinh dưỡng từ bộ máy tiêu hóa sang hệ tuần hoàn, để rồi từ đó được phân phối tới các tế bào hoặc dự trữ trong cơ thể.

Sự chuyển hóa là quá trình chuyển các chất dinh dưỡng đã được tiêu hóa thành năng lượng và vật liệu để cấu tạo tế bào.

Sự tiêu hóa thức ăn chấm dứt khi những chất bã của thực phẩm sau tiến trình tiêu hóa được đưa ra khỏi cơ thể.

Bộ máy tiêu hóa

Nói một cách tổng quát, bộ máy tiêu hóa có nhiệm vụ tiếp nhận thực phẩm và làm thay đổi cấu trúc thực phẩm về cả hai mặt vật lý và hóa học, sao cho thực phẩm trở thành những dạng mà cơ thể sử dụng được.

Sự thay đổi cấu trúc vật lý được thực hiện chủ yếu ở miệng nhờ vào hoạt động phối hợp của răng, miệng và lưỡi. Trong khi

đó, sự thay đổi cấu trúc hóa học được thực hiện nhờ vào tác dụng của các điều tố (enzym), môi trường acid, mật và nhiều chất hóa học khác.

Điều tố là những hợp chất đậm có khả năng làm thay đổi tính chất hóa học của một chất khác trong khi bản thân nó không thay đổi. Có nhiều loại điều tố, mỗi loại có tác dụng với một chất dinh dưỡng nhất định. Chẳng hạn, loại điều tố chuyển hóa chất đạm thì không có tác dụng gì với tinh bột, đường. Điều tố được tiết ra từ 4 cơ quan chủ yếu là các tuyến nước miếng trong miệng, dạ dày, tụy tạng và ruột non.

Bộ máy tiêu hóa là một ống chạy dài từ miệng xuống hậu môn, dài khoảng 8 mét. Khởi đầu từ miệng, tiếp đến là thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, trực tràng và hậu môn. Dọc theo ống là các bộ phận hỗ trợ tiết ra dịch tiêu hóa như tuyến nước bọt, túi mật, gan, tụy tạng.

Như vậy, lần lượt, thực phẩm sẽ đi qua các bộ phận sau đây:

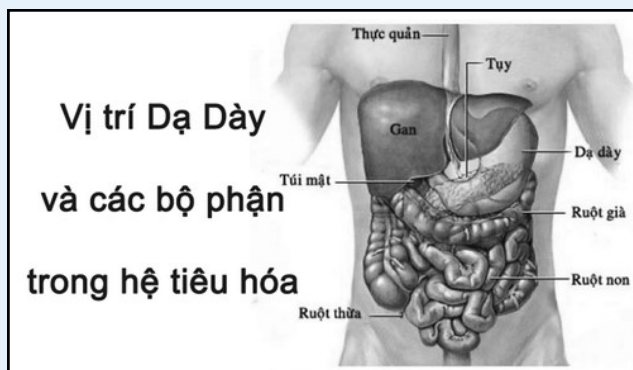
1-Miệng

Miệng có ba chức năng chính: tiếp nhận thực phẩm, nhai thực phẩm cho nhuyễn nhỏ và khởi sự việc tiêu hóa tinh bột.

Nước miếng giữ vai trò quan trọng trong các chức năng của miệng. Nước miếng được tiết ra từ ba đôi tuyến nước miếng trong miệng, tổng cộng mỗi ngày khoảng 1,5 lít.

Trong nước miếng có điều tố amylase có tác dụng phân hóa carbohydrat. Nước miếng còn chứa mucin tạo thành độ nhớt của nước miếng, làm các phần tử thực phẩm sau khi nhai sẽ quyện lại với nhau thành cục và trơn, dễ nuốt. Ngoài ra nước miếng còn có khả năng bảo vệ niêm mạc miệng và tiêu diệt một số vi khuẩn có thể gây nhiễm độc cho răng, miệng.

Răng và lưỡi có vai trò rất quan trọng ở giai đoạn này. Răng giúp nhai nghiền thực phẩm. Lưỡi đưa đẩy, nhào trộn thức ăn để giúp răng nhai nghiền tốt. Các nụ vị giác của lưỡi giúp phân biệt vị thức ăn và góp phần tạo ra sự kích thích quá trình tiêu hóa.



Chuyển động của lưỡi cũng tạo thành phản xạ nuốt thức ăn xuống thực quản sau khi đã được nhai nhuyễn.

2. Thực quản

Thực quản là một ống có chức năng chuyển thực phẩm và nước uống xuống bao tử mà không tham dự vào sự tiêu hóa. Trong thực quản, thực phẩm được di chuyển nhờ các sóng nhu động (peristalsis) tạo ra bởi sự co bóp luân phiên nhịp nhàng của các cơ thành thực quản từ trên xuống dưới. Thực quản có chiều dài khoảng 25 cm.

3-Bao tử

Bao tử là nơi tiêu hóa thức ăn nhưng cũng là nơi dự trữ thức ăn tạm thời. Nhờ có vai trò dự trữ này nên chúng ta chỉ cần ăn mỗi ngày ba lần, cho dù cơ thể liên tục cần được cung cấp dinh dưỡng.

Các tế bào riêng biệt trong bao tử tiết ra nhiều hóa chất khác nhau nhưng hòa lẫn với nhau gọi là dịch vị bao tử.

Thành phần chính của dịch vị bao tử là:

- Acid hydrochloric, một acid rất mạnh có thể làm mềm các mô liên kết của thức ăn và để tiêu diệt vi sinh vật có hại;

- Diều tố pepsin, một loại men có tác dụng phân hóa chất đạm;

- Yếu tố nội tại glycoprotein cần thiết cho sự hấp thụ sinh tố B₁₂;

- Ngoài ra còn có lipase giúp phân hóa chất béo thành acid béo và glycerol; gastrin giúp nhồi thức ăn thành khối chất nhão; chất nhớt mucous để bảo vệ niêm mạc dạ dày. Nếu không có chất nhớt, acid sẽ ăn mòn niêm mạc, đưa đến loét bao tử.

Mỗi ngày có chừng 2000 tới 2500 phân khối dịch vị bao tử được tiết ra.

Thời gian lưu lại trong bao tử của mỗi loại thực phẩm không giống nhau, thường là từ 1 đến 4 giờ. Các thực phẩm thuộc nhóm carbohydrates (tinh bột, đường) có thời gian lưu lại bao tử ngắn nhất, tiếp đến là nhóm các protei (chất đạm) và lâu nhất là nhóm lipid (chất béo). Ngoài ra, thức ăn lỏng cũng tiêu hóa mau hơn thức ăn đặc. Nước uống hầu như chỉ lướt qua bao tử để xuống ruột.

Ở đoạn nối thực quản với bao tử có cơ vòng tâm vị để ngăn thực phẩm đã vào bao tử không đi ngược lên thực quản. Ở đoạn nối giữa bao tử với tá tràng có cơ vòng môn vị để ngăn thực phẩm đã chuyển vào tá tràng (duodenum) không đi ngược vào bao tử.

4-Ruột non

Ruột non có chiều dài kéo thẳng ra đến khoảng 6 mét. là bộ phận dài nhất của bộ máy tiêu hóa. Tuy nhiên, do các nếp gấp của ruột nên ruột một người còn sống chỉ đo được khoảng 3 mét. Đoạn đầu của ruột non là tá tràng, dài 25 cm, là nơi mà từ 90 - 95 % thực phẩm được hấp thụ.

Ruột non tiếp nhận thực phẩm ở dạng

đang được chuyển biến. Tế bào ruột non tiết ra nhiều diều tố để phân hóa chất đạm và tinh bột. Riêng các chất béo được chuyển hóa nhờ có mật từ gan đưa vào. Các diều tố khác như trypsin, chymotrypsin, lipase, amylase, nuclease từ tụy tạng cũng được đưa vào ruột non để hỗ trợ sự chuyển hóa và hấp thụ chất dinh dưỡng. Trung bình, quá trình sự tiêu hóa ở ruột non kéo dài khoảng từ 3 tới 10 giờ.

5- Ruột già

Ruột già dài khoảng 1,5 mét, là nơi hấp thụ nước, muối khoáng và một số sinh tố. các sinh tố được vi sinh vật sản xuất tại ruột già gồm có sinh tố K, sinh tố B₁₂, sinh tố B₁ (thiamine), sinh tố B₂ (riboflavine).

Ruột già và trực tràng không tiết ra diều tố, không tham dự trực tiếp vào việc phân hóa thực phẩm mà chỉ hút giữ nước và các chất điện phân. Đây cũng là nơi lưu giữ chất bã trước khi thải ra khỏi cơ thể.

Thành phần của phân có khoảng 75% nước, 25% chất đặc. Trong chất đặc có khoảng 35% là xác của vi sinh vật; 20 tới 40% là chất vô cơ và mỡ, 2% đến 3% là chất đạm. Phần còn lại là chất xơ, tế bào chết, mật...

6-Gan

Gan là cơ quan hỗ trợ cho sự tiêu hóa thức ăn và có nhiều vai trò rất quan trọng.

Gan chuyển hóa các chất dinh dưỡng, làm thay đổi cấu trúc hóa học của chúng thành những chất thích hợp hơn để tế bào có thể sử dụng. Một số chất dinh dưỡng sau khi được chuyển hóa được chính gan sử dụng, một số khác được dự trữ ở gan để chuyển sang máu khi cơ thể có nhu cầu.

Một cách cụ thể, gan có các nhiệm vụ sau đây:

- a-Dự trữ đường đơn glucose dưới dạng glycogen. Khi mức độ đường trong máu xuống thấp hơn mức bình thường thì tế bào gan chuyển glycogen trở lại thành glucose và đưa vào máu.

- b- Tổng hợp lượng đạm thừa mà cơ thể không hấp thụ được thành dạng ure. Ure sẽ được chuyển sang máu và thận sẽ bài tiết ra ngoài theo nước tiểu.

- c- Tổng hợp các protein huyết tương như albumin, globulin và các yếu tố làm đông máu.

- d- Chuyển hóa chất đạm, carbohydrates và chất béo, khiến chúng được các tế bào sử dụng hữu hiệu hơn.

- e- Sản xuất mật, rất cần thiết cho sự chuyển hóa chất béo. Mật được chứa trong túi mật và được chuyển sang ruột tá khi cần, như để tiêu hóa chất béo.

- g-Tham gia quá trình tạo hồng cầu mới qua việc sản xuất globin, một trong hai yếu tố tạo thành huyết cầu tố (hemoglobin).

- g- Hủy hoại các hồng huyết cầu già nua,

chuyển hòa hemoglobin thành bilirubin rồi thải ra trong phân.

h- Giải độc cho cơ thể bằng cách phân hủy, vô hiệu hóa một số chất có hại, chẳng hạn như lượng cồn trong máu (alcohol) và một số chất độc có trong các loại thuốc trị bệnh.

i- Dự trữ một số sinh tố và khoáng chất (sắt...)

7-Tụy Tạng

Tụy tạng tiết ra một số điều tố như lipase để tiêu hóa chất béo; amylase để chuyển hóa tinh bột thành đường; trypsin để phân hóa protein thành những phân tử amino acid có cấu trúc đơn giản hơn.

Trong điều kiện bình thường thì từ 92 tới 97% thực phẩm ăn vào được tiêu hóa và hấp thụ. Nước, sinh tố, khoáng đường đơn (monosaccharides), rượu được hấp thụ trong tình trạng nguyên thủy. Đường đa, chất béo, đạm đều được chuyển sang dạng giản dị hơn để dễ hấp thụ.

Diễn tiến sự tiêu hóa các chất dinh dưỡng

1-Carbohydrates

Sự tiêu hóa bắt đầu từ miệng, với điều tố amylase của nước miếng. Tinh bột được chuyển hóa thành dextrine và maltose.

Ở bao tử, điều tố amylase tiếp tục chuyển tinh bột thành phân tử đơn giản hơn, nhưng sự tiêu hóa ở trong ruột non mới đáng kể.

Ở tá tràng, dưới tác dụng của amylase từ tụy tạng, tinh bột chuyển thành dextrin, maltose, rồi điều tố maltase ở ruột chuyển maltose ra glucose.

Glucose và các đường fructose, lactose theo các mạch máu nhỏ ở ruột vào động mạch rồi được đưa đến gan. Một số glucose từ gan được chuyển tới tế bào, một số được dự trữ trong gan và cơ dưới dạng glycogen. Các đường fructose và lactose cuối cùng cũng chuyển hóa thành đường glucose.

Một số carbohydrates như chất xơ, cellulose không được tiêu hóa và được thải ra theo phân. Động vật nhai lại có thể tiêu hóa cellulose, chất xơ nhờ tác dụng của vi khuẩn trong bộ máy tiêu hóa của chúng.

2-Chất đạm

Bao tử là chặng đầu tiên tiêu hóa chất đạm, nhưng chỉ tiêu hóa được một phần rất ít. Đa số chất đạm được tiêu hóa ở tá tràng. Dưới tác dụng của điều tố trypsin từ tụy tạng, chất đạm được biến đổi thành các phân tử amino acids rồi theo đường máu đến gan và được dự trữ trong gan. Hầu hết chất đạm tiêu thụ đều được hấp thụ ở ruột non, chỉ có khoảng 1 % thất thoát ra ngoài trong phân.

3-Chất béo

Cũng như chất đạm, hầu hết chất béo

đều được tiêu hóa ở ruột non, nhất là trực tràng dưới tác dụng của điều tố lipase từ bao tử và tụy tạng. Sau khi tiêu hóa, chất béo được chuyển sang máu dưới dạng acid béo và cholesterol. Dịch mật từ gan cũng góp phần quan trọng trong quá trình tiêu hóa chất béo.

4-Các chất dinh dưỡng khác

Sinh tố, khoáng và nước được hấp thụ ở ruột. Mỗi ngày có khoảng 8 lít nước được thẩm thấu qua lại từ ruột để giữ cho chất dinh dưỡng ở trong tình trạng dung dịch loãng. Sinh tố cũng được hấp thụ nguyên dạng từ ruột. Sự hấp thụ của khoáng phức tạp hơn qua sự chuyển tchở chọn lọc của các protein và albumin.

Sự Hấp thụ

Sự hấp thụ là quá trình trong đó các chất dinh dưỡng đã tiêu hóa được ruột non hấp thụ và chuyển sang máu để đưa vào tế bào. Chất dinh dưỡng gồm có: glucose từ carbohydrates, amino acid từ chất đạm, acid béo và glycerols từ chất béo.

Sự chuyển hóa

Chuyển hóa là quá trình hóa học trong đó chất dinh dưỡng được biến đổi sang các vật liệu để cấu tạo, nuôi dưỡng tế bào và sản xuất năng lượng cho các nhu cầu của cơ thể.

Thành phần dinh dưỡng chủ yếu trong thức ăn gồm có các nhóm chất đạm, chất béo và carbohydrat. Mỗi nhóm có chức năng khác nhau trong việc nuôi dưỡng cơ thể nhưng tất cả đều cho năng lượng. Sinh tố, muối khoáng và nước không cho năng lượng nhưng lại cần thiết cho sự chuyển hóa.

Ngoài năng lượng, sự chuyển hóa cũng tạo những cặn bã không tốt cho cơ thể và cần được thải ra ngoài.

Sự chuyển hóa diễn ra cùng một lúc dưới hai hình thức:

a- Dị hóa (catabolism): chất dinh dưỡng hữu cơ được đốt cháy để cho năng lượng.

b- Đồng hóa (anabolism): các phản ứng hóa học chuyển đổi chất dinh dưỡng thành các vật liệu nuôi dưỡng, cấu tạo tế bào và các chất hóa học khác như kích thích tố, điều tố, máu...

Những yếu tố ảnh hưởng tới sự tiêu hóa

1-Yếu tố tâm lý

Chỉ với sự nhìn thấy món ăn, ngửi thấy mùi thơm hoặc nghĩ tới một món ăn hấp dẫn cũng đủ làm cho dịch vị bao tử và nước miếng tiết ra rất nhiều để sẵn sàng cho sự tiêu hóa. Đồng thời các cơ ở bao tử và ruột cũng co bóp liên hồi để sẵn sàng nhào bóp nhuyễn nát thực phẩm.

Ngược lại những cảm giác lo sợ, buồn rầu lại khiến hypothalamus trên não bộ bị

kích thích và làm giảm tiết dịch vị tiêu hóa cũng như giảm sự co bóp ruột, bao tử. Khả năng tiêu hóa do đó bị giảm sút.

2- Ảnh hưởng của hệ thần kinh

Khi kích thần kinh giao cảm, thì sự tiêu hóa chậm lại vì giãn mạch ngoại vi làm cho lượng máu được đưa đến nhiều hơn. Thí dụ như sau khi ăn mà lao động cơ thể ngay thì máu sẽ được chuyển ra cơ bắp nhiều hơn là cho bao tử. Ngược lại, khi kích thích thần kinh phó giao cảm thì hoạt động tiêu hóa gia tăng.

3- Ảnh hưởng của kích thích tố

Ngoài các hóa chất do hệ tiêu hóa, một số hóa chất khác cũng ảnh hưởng tới việc biến hóa thực phẩm thành năng lượng. Kích thích tố từ tuyến giáp tăng sự chuyển động của ruột; glucocorticoid của tuyến thượng thận làm tăng dịch vị bao tử, trong khi epinephrine của tuyến này lại làm giảm dịch vị bao tử.

4-Tác dụng của vi sinh vật

Trong bộ máy tiêu hóa, nhất là ở ruột non và ruột già, có cả trăm loại vi sinh vật khác nhau. Ở trẻ sơ sinh, các vi sinh vật này chưa có, nhưng khi lớn lên, trong quá trình ăn uống, vi sinh vật bắt đầu xuất hiện. Nhiều nhất là loại *Lactobaccillus*, rồi đến *Escherichia coli*, *Bacteroides*. Bao tử ít có vi sinh vật vì nơi đây có nhiều acid hydrochloric.

Các vi sinh vật ở ruột có ảnh hưởng tới sự tiêu hóa và tạo ra một số chất khí như hydrogen, oxygen, carbon dioxide, amonium, methane và một số chất có hại như indole, phenol và làm cho phân có mùi hôi.

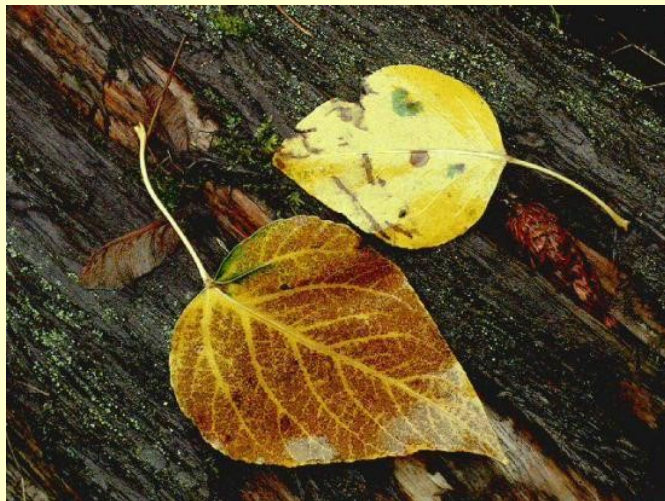
5-Tác dụng của nấu nướng, chế biến thực phẩm

Nói chung, thực phẩm được nấu kỹ thì dễ được tiêu hóa hơn thực phẩm sống hay chưa chín. Vì khi nấu, độ nóng làm cho các mô liên kết của thực phẩm tách rời nhau, khiến việc nhai thực phẩm dễ dàng và các dịch vị cũng dễ tác dụng.

6-Các yếu tố khác

Thực phẩm nhiều chất béo và đạm cần thời gian lâu để tiêu hóa. Thức ăn lỏng cũng dễ tiêu hóa hơn đặc. Ăn làm nhiều bữa nhỏ cũng dễ tiêu hơn là cùng lúc ăn một bữa quá đầy bụng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas- Hoa Kỳ.
www.bsnguyenyduc.com



GIÁ CÒN CÓ THỂ

*Trần thân lao nhọc với đời
Áo com nặng nợ dăm cười cợt ai
Xu hào một bờ hơi tai
Quanh qua quần lại lão lai lực tàn*

*May còn một chút mộng vàng
Hoa dương tháng hạ rờ ràng biết bao
Dòng đời nhiều nổi lao đao
Chuyện đời quá đổi tào lao không cùng*

*Tình mình ấy mới sâu chung
Trước sau gì cũng chỉ từng ấy thôi
Xa nhau thì đã lỡ rồi
Thương nhau để đó gọi lời gió bay*

*Quên nhau đo độ tháng ngày
Một mai hoá kiếp còn say tình người
Khổ kham cũng tạ tiếng đời
Mai kia lú lẩn thôi thời rảnh rang*

*Bao nhiêu kỷ ức buộc ràng
Chợt tan biến tựa như làn hơi bay
Bồng bềnh lòng lại cay cay
Giá còn có thể được say một lần.*

thơ **HIỀN NGUYỄN**

NHỮNG NGƯỜI CON GÁI PHẬT

Tiểu Lục Thần Phong

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thế là hơn hai mươi lăm thế kỷ đồng hành cùng nhân loại, đạo Phật đem lại lợi lạc cho con người trên khắp thế gian: Cổ vũ lòng từ bi, yêu thương; cổ vũ hoà bình, vị tha, khoan dung; soi sáng cho mọi người nhận ra chân lý thật của cuộc đời, chỉ ra con đường thoát khổ và giác ngộ... Ngày xưa đạo Phật chỉ có mặt ở châu Á, ngày nay thì có lẽ có mặt ở khắp năm châu.

Những năm đầu của thế kỷ hai mươi, có những học giả và tu sĩ người da trắng từ châu Âu đã khám phá ra đạo Phật – một tôn giáo cổ truyền của phương Đông và họ đã ngạc nhiên đến độ sẵn sàng từ bỏ cuộc sống sung túc ở châu Âu để đến các nước Đông Nam Á: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan... để tu học. Trong số họ có nhiều người từ bỏ cả đức tin truyền thống của mình để đi theo đạo Phật. Họ đã hiến dâng cả đời mình cho đạo Phật: dịch kinh điển Pali sang tiếng Anh, thành lập những hội truyền bá đạo Phật, hội Phật học và tổ chức từ thiện để đến trợ giúp các quốc gia Phật giáo... Trong số ấy có những vị vô cùng uyên bác như: tì kheo Nanamoli Thera (tên thế tục Osbert Moore), Franis Stony, Ven. Sangharakshita...

Ở Bắc Mỹ, đại tá hải quân Henry Steel Olcott có lẽ là người Mỹ đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo. Ông là người phác thảo ra lá cờ Phật giáo. Ông cũng là người có công to lớn trong việc chấn hưng Phật giáo ở Tích Lan, Miến Điện... cũng trong những năm tháng đó, dòng người châu Á sang làm đường sắt hay di cư cũng mang theo đạo Phật vào nước Mỹ, tuy nhiên đạo Phật cũng chỉ ở trong cộng đồng châu Á chứ chưa có sức lan tỏa ra. Mãi sau này từ khi Đức Dalai Lama tị nạn và hoằng pháp thì Phật giáo lan truyền và ảnh hưởng lớn sâu rộng đến người Mỹ bản địa. Ngoài đức Dalai Lama ra thì phải kể đến thiền sư Thích Nhất Hạnh. Uy tín, tài đức của các vị cao tăng này đã thuyết phục được vô số người Âu-Mỹ đi theo đạo Phật. Người Âu-Mỹ biết đạo Phật và tu học Phật pháp theo hai dòng chính là: Thiền tông và Mật tông, trong Thiền tông thì bao gồm cả Thiền Nguyên thủy, Nam tông và Bắc tông, riêng Tịnh độ tông thì ít người

biết đến và cũng ít người tu học. Có lẽ căn cơ người Âu-Mỹ hợp với Thiền tông và Mật tông. Ngoài hai ngài Dalai Lama và Thích Nhất Hạnh ra còn có thể kể thêm Hoà thượng Tuyên Hoá, tuy nhiên sức ảnh hưởng của ngài chỉ trong cộng đồng Hoa kiều là chính, tuy cũng có một số người Mỹ quy y và tu học.

Đạo Phật và giáo pháp tự thân có một sức hút mạnh mẽ đối với những người tìm hiểu về tâm linh, về con đường giác ngộ, về bản chất thật sự của cuộc đời này. Có những người sinh ra và lớn lên trong một môi trường tín ngưỡng khác biệt nhưng đôi khi chỉ tình cờ biết đến Phật pháp ấy vậy mà lại đem lòng say mê và quy ngưỡng. Nếu dùng dùng ngữ nhà Phật thì có lẽ là cái duyên thuận tiện đã khơi dậy chúng từ Phật pháp tiềm ẩn trong tâm thức họ vậy. Hiện nay có bốn vị ni sư rất uyên bác và tinh tấn đang hoằng dương Phật pháp ở California. Các vị này đến với Phật pháp cũng rất tình cờ, ấy vậy mà giờ trở thành những người con gái ưu tú của đức Phật.

Ni sư ANADABIDHI BHIKKHUNI. Bà vốn là người Anh, khi lên mười, tình cờ biết đến đạo Phật. Bà đem lòng say mê, ngưỡng mộ và tìm đọc các tài liệu về Phật giáo. Phật pháp đã kích thích mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu đậm trong tâm hồn bà. Những năm tháng sau đó bà đã quyết định tu học theo Phật pháp, khi đủ tuổi trưởng thành thì bà đã sống và tu tập như một nữ tu sĩ Phật giáo. Từ 1992 – 2009 thì bà tu ở tu viện Amaravati và Chithurst. Bà đã tu tập theo truyền thống tu trong rừng của dòng thiền nguyên thủy Thái Lan, với sự hướng dẫn của các thiền sư Thái Lan. Bà đã đọc tụng và nghiên cứu những bộ kinh sơ kỳ của Phật giáo. Sau đó bà được giới thiệu sang Mỹ và đã thành lập tu viện Aloka Vihara. Nơi này là tu viện dành riêng cho nữ giới, ở đây mọi người sống rất đơn giản, gần gũi với tự nhiên và hành trì nghiêm nhặt. Năm 2011 bà thọ nhận đầy đủ các giới của một tì kheo ni, được ấn chứng như là một người con gái Phật đã trưởng thành và đi theo con đường

mà Thế Tôn đã khai phá.

Ni sư SANTACITTA BHIKKHUNI. Bà sinh ra và lớn lên ở Austria. Bà đã lấy bằng cử nhân ngành văn hoá nhân chủng học (Cultural Anthropology), chuyên môn chính: múa, nghệ thuật sân khấu trong nghi lễ. Bà làm việc tạo mẫu quần áo cũng như trang phục biểu diễn... Năm 1988 bà đi Thái Lan, tình cờ tiếp xúc với vị sư Ajahn Buddhadasa. Qua trao đổi và tìm hiểu đời sống của tu sĩ Phật giáo trong tu viện. Việc này đã kích động mạnh mẽ đến tâm tư bà. Sau đó bà đã tìm tòi, nghiên cứu về Phật giáo. Năm 1993 bà đã là nữ tu sĩ Phật giáo. Bà tu theo cả hai truyền thống Đông và Tây nhưng chính yếu vẫn tuân thủ theo dòng thiền của Thiền sư Ajahn Chah. Đến năm 2002 bà cũng được công nhận bởi dòng thiền Dilgo Khyentse Rinpoche. Bà cũng là người đồng sáng lập tu viện AloKa Vihara ở California. Năm 2009 bà thọ cụ túc giới của một tỳ kheo ni, từ khi chuyển đến Mỹ, được sự hướng dẫn của Khenmo Drolma và Bhikkhu Analayo. Bà nhận được lợi ích lớn lao của Phật pháp. Bà đặc biệt hứng thú trong việc tu tập một nơi linh thiêng gần với tự nhiên.

Ni sư AHIMSA BHIKKHUNI, sinh ra ở Vancouver. Trước năm 1959 bà là một tay kèn clarinet của một dàn nhạc. Bà có năng khiếu âm nhạc bẩm sinh nhưng từ khi sanh con thì bà ở nhà. Sau khi con vào tiểu học thì bà trở lại đại học và lấy được bằng cử nhân Ngôn ngữ Bệnh lý học. Điều này giúp bà làm việc với trẻ em có những bước phát triển khác nhau. Năm 2006 bà bắt đầu thực hành thiền, bà dành hết cuộc đời cho việc điều phục ý và thanh tịnh tâm. Năm 2008, bà được giới thiệu với thiền sư Ajahn Sona ở tu viện Briken Forest Monastery. Năm 2012 bà thọ giới Anagarika từ thầy Ayya Ahinsa. Năm 2013 thì thọ giới Samaneri từ thầy Ayya Medhanandi ở tu viện Satisaraniya Hermitage gần Perth (Ontario). Tháng 6/2016 bà gia nhập cộng đồng tu nữ ở tu viện Aloka Vihara và thọ đầy đủ giới của một tỳ kheo ni, thầy truyền giới là Ayya Guanasari.

Ni sư DHAMMADIPA SAMANERI, bà thực hành Phật pháp từ năm 1987, trở thành thành viên của Aloka Vihara từ 2017 và bắt đầu tu thiền theo truyền thống trong rừng. Năm 2018 bà thực hành Metta và nghiên cứu Suttas. Trong suốt thời gian dài bà cũng là người hướng dẫn tu thiền cho các học viên trên Net cũng như trên toàn thế giới. Thực hành thiền theo nguyên thủy là ưu tiên hàng đầu. Bà được thọ phong hoà thượng ở Soto Zen tradition. Năm 2007, sau hai mươi năm hành thiền. Bà được nối pháp dòng thiền Suzuki Roshi. Ngoài việc dạy và hướng dẫn bằng tiếng Anh, bà còn dạy bằng tiếng Tây Ban Nha, điều ấy biểu lộ sự quan tâm đến

truyền thống La tinh của bà. Bà còn trợ giúp tâm lý ở bệnh viện, nhà chờ chết (hospice)... Bà gia nhập Aloka Vihara năm 2018.

Bốn vị tỳ kheo ni này là trụ cột chính ở tu viện Aloka Vihara, ngoài ra còn có những vị tỳ kheo ni khác cũng đến tu tập nhưng không thường trực. Thời gian tu tập và thọ giới khác nhau, người có thâm niên hành thiền lâu nhất là ba mươi năm, nhưng tất cả cùng chung lý tưởng và sống với tinh thần lạc hoà mà Phật pháp đã nêu cao.

Bốn vị tỳ kheo ni này ở tu viện Aloha Vihara đã lập nên cộng đồng nữ tu sĩ Phật giáo (Aloka Vihara sisters). Là một ni viện, mọi người chung sống và tu học theo truyền thống Nam truyền (nguyên thủy), nhấn mạnh sự đơn giản, buông bỏ theo truyền thống phương Đông, học tiến về trước, gần gũi với môi trường tự nhiên. Họ tu học và gìn giữ văn ngôn chỉ dạy của đức Phật, tinh thần từ - mui của những người con gái Phật. Họ giữ lấy truyền thống nhưng hoà hợp với thứ thách của xã hội đương đại. Họ giữ giới luật nghiêm ngặt, đúng thời khoá, ngày ăn một bữa... Các vị ni sư ở Aloka Vihara đang giữ gìn một đạo Phật nguyên chất và gần với đạo Phật thời sơ kỳ. Họ là người da trắng từ Anh, Áo, Canada... có trình độ, địa vị và có cùng chung một lý tưởng giác ngộ. Họ đã buông xuống tất cả để đi theo con đường giác ngộ mà năm xưa Thế Tôn đã khai phá.

Tu viện Aloka Vihara có chương trình ở lại cho những người tại gia muốn thực hành thiền, ngoài khu nhà cho nữ giới còn có một trailer cho người nam. Tất cả đến với Aloka Vihara đều phải tuân thủ nghiêm ngặt giờ giấc, thọ tám giới... Thời gian tối thiểu để ở lại tu tập tại tu viện phải là một tuần, phải tuân theo nội quy của tu viện, ví như lên chánh điện hay rời đi đều phải cung kính chắp tay xá ba lần, ra ngoài sân vườn phải luôn luôn ăn mặc quần dài và áo dài tay, không dùng điện thoại cá nhân, có điện thoại của tu viện để liên lạc việc cần thiết. Mọi người phải cẩn thận và theo hướng dẫn của tu viện vì rừng ở khu vực này có nhiều rắn, deer ticks, sư tử núi và gấu...

Đất California mệnh mông, núi đồi cũng chập cùng, kinh tế phồn vinh, cư dân đông đúc. Người bốn phương tụ về với bao nhiêu truyền thống văn hoá khác nhau. Ngày hôm nay có một ngôi chùa nữ, đang hằng ngày tu tập theo truyền thống trúc lâm Thái Lan, ngày ngày đang hoằng pháp, nói pháp, dạy pháp... cho những ai hữu duyên. Những người con gái Phật đã và đang âm thầm làm cho trời đất California ngày càng phong quang và rộng đường giải thoát.

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

TÁNH TƯỚNG

Lễ thọ bát diễn ra trang nghiêm, thành kính. Mọi người đều cảm nhận an lạc, cõi lòng hoan hỷ. Thầy giảng về tánh tướng, bất chợt bảo:

- Các con đem lại cho ít vàng cho ta xem.

Mọi người lui cui tìm nhưng hồng thấy vàng, lục lợi trong cái hộp giữ nữ trang chỉ thấy xuyên, nhẫn, chuyền, lắc... nên thưa:

- Hồng thấy vàng, chỉ có nữ trang thôi.

Thầy hốt cả năm lên và cười:

- Vàng đây nè! Xuyên, nhẫn, chuyền... là tướng, tánh tướng nhất như, tùy cái dụng mà chế ra.

Mọi người ồ lên:

- Vậy mà chúng con chẳng nhìn ra.

LÝ SỰ VIÊN DUNG

Khoá tu Phật thất trì danh hiệu A Di Đà kết thúc viên mãn, Phật tử hoan hỷ và niềm tin như tăng trưởng thấy rõ. Thầy dành ra hai giờ để vấn đáp những thắc mắc. Một Phật tử thưa:

- Mình niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng có những vị khác lại bảo Tây Phương là phương tiện chứ không thật, vậy có uống công chăng?

Thầy giải thích:

- Thập pháp giới không ngoài một tâm niệm, Sa Bà có, Tây phương không, vậy

Sa Bà ở đâu? Tây Phương ở đâu? tâm niệm ở chỗ nào?

Người ấy lại hỏi:

- Đã là tự tánh Di Đà rồi, vậy cần chỉ niệm Phật?

Thầy cười nhưng giọng nghiêm và rõ ràng rành mạch:

- Đúng thế, đúng thế!

Anh muốn lên thành đô mà ngồi yên không chịu đi, cứ bảo thành đô có trong tim tôi thì làm sao đến được? Tự tánh Di Đà nhưng phải niệm Phật, phải có Phật thất thì mới là thật có Di Đà.

Phật tử bên dưới vỗ tay vang cả điện đường.



CHƯA TƯƠNG ƯNG

Có anh Phật tử khá giỏi, ngoài việc mưu sinh anh ta còn tham gia việc đạo và viết bài cho vài tờ báo địa

phương. Ban đầu cũng tinh tấn nhưng về sau thì lười biếng và lơ là việc tu tập, bài anh ta viết thì hay nhưng chỉ là ngôn ngữ chữ hành chẳng được như vậy, đã thế còn thường xem phim bạo lực, ái tình, sắc dục bởi vậy đêm ngủ tâm không an, nhiều mộng mị. Anh ta thưa với thầy, thầy bảo:

- Anh phải xem lại chính mình, liệu pháp học và pháp hành tương ứng chưa?

Anh ta về, tự kiểm thảo bản thân. Anh ta viết rằng:

Sống viết chẳng nhất quán ngày xem chuyện hư tình

Nói làm chưa tương ứng đêm nằm mơ huyền mộng.

GIỐNG VÀ KHÁC

Cuộc thi hoa hậu kết thúc, mọi người trầm trồ khen nhan sắc cô hoa hậu mới, bình phẩm nào là trắng da, dài tóc, má đỏ, môi hồng, vóc dáng uyển chuyển... Thăng tài xuýt xoa:

- Người đâu mà đẹp như tiên nga, đúng là thiên kiều bá mị, thiên hạ mê mệt luôn.

Thăng Lộc cười:

- Chả bù có người xấu ma chê quỷ hờn, xấu hơn cả Chung Vô Diễm, Thị Nở... Sao mà khác biệt kinh khủng thế?

Thăng Minh ra vẻ hiền triết:

- Chất bài tiết của người đẹp nhất và người xấu nhất đều hôi thối như nhau, chẳng có gì khác, cái khác làm cho

họ đẹp hay xấu là do thọ nghiệp báo của quá khứ.

Cả bàn nhậu gật gù khen:

- Không ngờ mê gái như thế mà lại nói rất chí lý!

MÊ

Chuyện xứ nọ vào thời quá độ, mấy ông lớn đấu đá nhau từng bùng, mấy mợ xồn xồn cũng xuống tay hạ thủ tàn độc không kém. Phe thủ cựu coi mỗi thắng thế nên tuyên bố:

- Bọn suy thoái, biến chất, tham nhũng phải cho hết vào lò.

Tuy cùng phò một chủ nhưng phe đối lập bị thiệt hại nhiều, một số đàn em phải xô khảm. Tay đầu lĩnh điên tiết:

- Lò với củi cũng một bè thôi! "Thắng làm vua thua làm giặc", ép quá coi chừng củi cháy lụn thì lò cũng tan.

Dân mạng bàn tán xôn xao, ai đó đăng:

*Tranh giành danh phận
ngôi cao*

*Phùng phùng đấu đá hại
nhau đến cùng*

*Thông minh quá độ hoá
khùng*

*Một ngày trở gió vào
chung một lò.*

CON CHÁU CỰU TRÀO

Mồ có người bạn đồng môn từ thuở thiếu thời, nhà y nghèo lắm, nhờ có cha anh làm việc cho cựu trào nên được bảo lãnh sang xứ phong nhiêu mà sống. Đất mới việc nhiều, lương lậu khá, chẳng mấy chốc y khấm khá hẳn lên, từ đấy năm nào cũng làm chuyến "y cấm hồi hương". Về bến tha hồ nổ sảng về bản thân, chẳng biết có liên hệ với hắc ám hay không mà y mở miệng ra là chê bai, chửi đắt mới: kỳ thị, phân biệt, bất công, bạo lực, thực dụng... đủ cả. Bạn học cũ nhiều người bất bình nhưng ngại nói gì trước mặt y, sau lưng xì xầm với nhau:

- Con bà nó, thiếu điều đói ăn, nhờ qua bến mới phát lên, giờ dờ giọng vô ơn!

Một anh nhà thơ là bạn học cũ của y ngâm:

*Ăn cơm nhà chửi cha đứa
nẫu*

*Mặt dầu dày cũng xấu
anh em*

*Sao không nghĩ lại mà
xem*

*Ngày xưa vất vưởng giờ
dèm pha ai.*

CHUYỆN GÌ CŨNG CÓ THỂ

Anh Bảy đi mua xe, người ta xem xét hồ sơ thấy hồng có nợ (không có điểm credit), lại còn muốn trả dứt một lần nên họ từ chối. Anh ta cảm râm:

- Không nợ nần, mua đứt bán đoạn, tốt vậy mà sao họ không chịu nhỉ?

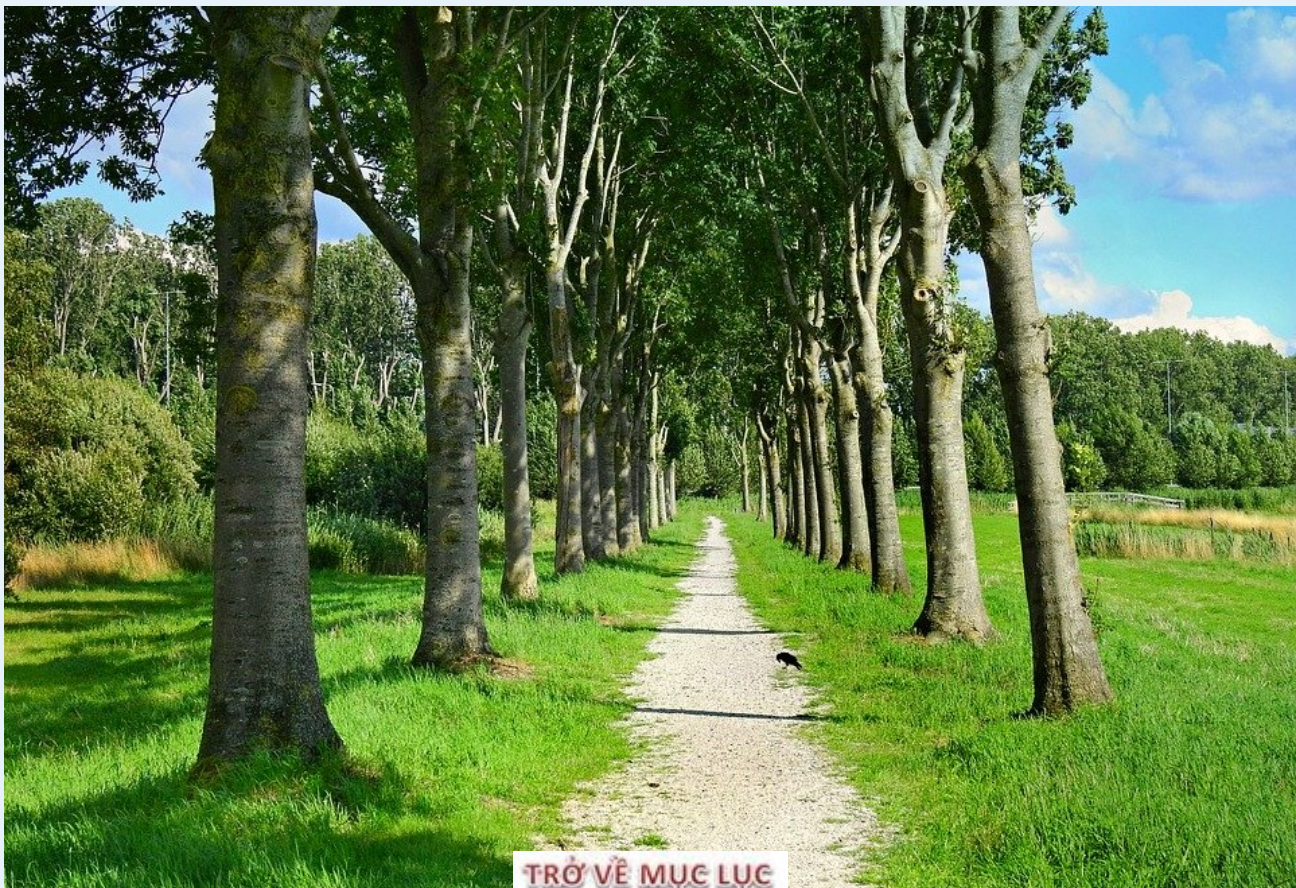
Bạn bè cười:

- Xứ này không nợ hay nợ mà trả đúng thời hạn cũng chưa hẳn tốt, bọn họ sống bằng phân lời cho vay kia mà, càng nợ, hay càng trễ thì họ mới có ăn. Anh mua xe trả dứt một lần thì lấy đâu lời, phải trả góp nhiều năm họ mới kiếm được bọn tiền.

Anh Bảy năm gác tay lên trán ngẫm nghĩ:

- Xứ này cũng ngộ thiệt! Nợ mới tốt, trễ hạn mới vui, xem ra chuyện gì cũng có thể xảy ra ở thế gian này.

Georgia, 082020



TÁM ĐIỀU KHẮC CỐT GHI TÂM

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Xin mời quý vị đọc bài văn vần dưới đây, chúng tôi đã lấy ý từ đề tài: “**8 chữ khắc cốt ghi tâm để tu dưỡng bản thân mỗi ngày**”

TÁM ĐIỀU KHẮC CỐT GHI TÂM
Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Tám điều khắc cốt ghi tâm,
Để lo tu dưỡng bản thân hằng ngày.
***NHẪN** điều khó nhẩn thật hay! (a-1)
Nếu không, việc ác xảy ngay tức thời.
*Người **LƯƠNG THIỆN**, đạo đức tuyệt vời! (b-2)
Nội tâm an định, chẳng mấy hồi âu lo.
*Người **CÂN MẪN**, chẳng so đo, (c-7)
Giúp đỡ, Trời sẵn dành cho người này.
*Cười, **VUI**, hoan **HỖ** thường ngày, (d-3)
Trẻ trung, trường thọ lộ ngay hiện đời.
*Người **HIỀN HẬU**, (từ bi) tướng xinh tươi, (đ-4)
Vì tâm sinh tướng, nhớ đời: chẳng sai.
*Người **KHOAN DUNG**, lòng rộng thay! (e-8)
Ai có lỗi, liền tỏ bày thứ tha.
*Người **THÀNH THẬT** dễ giao hòa. (g-6)
Đoạn trang khí chất, là quả trời ban.
***YÊU THƯƠNG** là biết quan tâm,
Sẻ chia,... giúp đỡ khách quan mọi người. (h-5)

*Ai ơi ghi nhớ từng lời,
Cố thực hành tốt, đời mai sau:
Tâm lúc ấy, tốt biết bao!
Chuyện gì ta gặp, lòng sao nhẹ nhàng!
Tâm tính tiến bộ rõ ràng!
Đó là kết quả vạn ngàn người mong.*

Xin mời quý vị **đọc kỹ** bài đầy đủ vừa nêu trên và xin **chú ý phần được in đậm**. Chúng tôi đã lấy ý từ những đoạn này để ghi lại thành **bài văn vần ngắn gọn hầu giúp chính mình và mọi người mong muốn tu tập để nhớ để thực hành:**

8 chữ khắc cốt ghi tâm để tu dưỡng bản thân mỗi ngày.

Thân người là khó được, vì vậy sống trên đời nhất định phải có tu dưỡng. Bạn hãy đọc 8 chữ nên gói đầu giường để tu dưỡng bản thân dưới đây và hành động

theo. Khi ấy, bạn đã là người có tu dưỡng rồi. Đừng buông lỏng bản thân giống như “nước chảy bèo trôi”, phó mặc cho hoàn cảnh để rồi phải hối tiếc!

1. NHẪN (NHẪN NAI, NHẪN NHIN)

Nhẫn có thể dưỡng phúc!

Đời người ai cũng sẽ **gặp phải những sự tình không thuận lợi, không hài lòng, khi ấy con người nhất định cần phải “Nhẫn”**.

Bởi vì, từ xưa đến nay, người làm được việc lớn tất phải là người có đại khí. Người có đại khí tất có đại nhẫn. Nhẫn không phải là trốn tránh, chạy trốn mà là một loại tích lũy của năng lượng. Người có Nhẫn sẽ thường không **phạm sai lầm do nhất thời gây ra**.

2. THIỆN (LƯƠNG THIỆN) Thiện có thể sinh ra đức! Thông minh là một loại thiên phú. Còn lương thiện là một loại lựa chọn. **Lương thiện là loại đạo đức tốt đẹp nhất** của con người thế gian. Lương thiện có lẽ không thể khiến con người đạt được tất cả mọi thứ bản thân mong muốn nhưng sẽ giúp bạn luôn có **nội tâm an định**.

3. HỖ (VUI, MỪNG) Hỷ có thể dưỡng nhan! (Nhan là nhan sắc, vẻ mặt, nét mặt) Tâm thái **vui vẻ**, khoái hoạt là bí quyết **trường thọ** của con người. Phương pháp tốt nhất để bảo trì sự thanh xuân **trẻ trung** của con người chính là luôn giữ cho mình một nội tâm vui vẻ, thoải mái. Con người không phải là vì già mà dừng lại sự vui đùa. Mà là vì sự vui đùa mà không già! **Mỉm cười** là một cách tạo nên vẻ đẹp nhất của con người, là cách đơn giản và nhanh nhất để kết nối mọi người lại với nhau.

4. TỪ (TỪ BI, HIỀN HẬU) Từ có thể dưỡng tâm! Vì sao sau tuổi trung niên có người có khuôn mặt hiền lành phúc hậu có người lại có khuôn mặt hung dữ, tràn đầy oán khí? Đó là bởi vì họ luôn từ bi, bảo trì một trái tim hòa ái đối với tất cả mọi người thế gian. Bởi vì **“tướng do tâm sinh,” “tướng tùy tâm mà thay đổi”** cho nên khi tâm đẹp thì **tướng mạo cũng đẹp**.

5. ÁI (YÊU THƯƠNG) Ái có thể dưỡng hành! Người mà trong lòng tràn đầy tình yêu

thương thì “nhất cử nhất động” của người ấy cũng **trần ngập tình yêu thương**. Một người mà trong lòng luôn so đo tính toán thì cho dù ở thời điểm nào cũng thường bị “khó dễ” đi cùng!

6. THÀNH (CHÂN THÀNH, THÀNH THẬT) Thành có thể dưỡng tính! Chân thành là nguyên tắc quan trọng nhất trong **kết giao**. Chúng ta, ai ai cũng mong muốn được người khác đối xử chân thành với mình vì vậy hãy đối xử chân thành với người khác trước, bạn sẽ nhận được điều tương tự. Một người thành thật trong sáng thì **khí chất** cũng là **đoan trang** đẹp đẽ, ánh mắt của họ đều tỏa ra ánh sáng!

7. CẦN (CẦN MÃN, CHĂM CHỈ) Cần có thể phát tài! Người xưa có câu: “Ông trời sẽ đền bù cho người cần cù!” là có ý nói rằng, một người siêng năng, cần cù sẽ được **ông trời giúp**, bù đắp cho! Có người sau khi kiếm được tiền thì gần như tiêu cũng hết nhưng có người vẫn duy trì được khả năng tài chính của mình.

8. KHOAN (KHOAN DUNG, ĐỘ LƯỢNG) Khoan dung có thể tụ khí! Một người hiểu được **khoan dung**, thì **lòng dạ** cũng nhất định **rộng lớn**. Những người này luôn không so đo tính toán chi li, cũng sẽ không vì chiếm được chút lợi nhỏ mà vui mừng khôn xiết.

Người luôn tính toán chi li thì nhất định sẽ sống rất mệt. Đôi khi lùi một bước lại chính là tiến lên một bước! Lùi một bước, biển rộng trời cao! Nhường nhịn một bước sẽ có nhiều bạn bè hơn!

Và hãy nhớ khắc ghi 8 chữ nên gối đầu giường để tu dưỡng bản thân này để hoàn thiện mình mỗi ngày!



Phần ghi thêm:

(a-1): **NHÂN: (NHẪN NAI, NHẪN NHIN):** “**NHÂN** điều khó nhân thật hay! **Nếu không, việc ác xảy ngay tức thời.**” Câu này thực hành rất khó. Nhất là khi chúng ta phải đối diện với những việc quá xấu như có người chửi mắng, bôi nhọ,... ta một cách thâm tẻ. Chắc chắn, lúc ấy ta sẽ phản ứng bằng cách “ăn miếng trả miếng”. Rồi hậu quả sẽ xảy đến ra sao, thật khó lường!

Để “Nhẫn” trước những điều xấu đến với ta, có hai cách áp dụng: (1): dùng luật Nhân Quả. (2): dùng lòng khoan dung, độ lượng để tha thứ. Xin mời quý vị đọc phần này ở (c-7): “Lòng Khoan Dung, Độ Lượng”.

Đề nghị tu tập: (1): Dùng luật Nhân Quả: Theo quan niệm về luật Nhân Quả thì mọi việc xảy ra cho ta, chẳng hạn như việc rất xấu vừa nêu, đều từ cái “nhân xấu” do ta tạo ra trong kiếp quá khứ. Nay đủ duyên thì “quả” trổ. Nói tóm lại: **Gieo “Nhân nào”, gặt “Quả đó”**. Nếu quý vị tin vào lý giải về “luật nhân quả” như trên, xin hãy cố nhớ mấy câu văn vần dưới đây và **tự nhủ phải “NHÂN” bất cứ lúc nào** rồi cùng chúng tôi luôn thực hành khi gặp dịp:

**Có người bôi nhọ, mắng chửi ta,...
Hoặc chướng duyên đến, tự nhủ là:
Do ta tạo nghiệp nhiều kiếp trước
Đủ duyên “quả” trổ, chẳng kêu ca.**

hay:

**Việc xấu đến, lỗi ở ta
Mình làm, mình chịu kêu ca nổi gì!**

Xin lấy ví dụ ở trên để thực tập. Lúc đầu, vì tâm chưa thấm sâu luật Nhân Quả nên khi thực hành xong, lòng ta vẫn còn hậm hực, bất an vì cứ đổ lỗi cho người kia gây ra sự việc. Xin dừng nản lòng. **Cứ tự nhắc nhở: chuyện xấu đến với mình là do nhân xấu mình đã tạo ra ở quá khứ.** Rồi thực tập nữa.

**Lâu ngày, làm mãi, lòng tự mở
Sung sướng, một khi bớt giận, phiền.**

Người viết rất mong: quý vị đã đọc tới bài này nên cố gắng hết sức thực hành làm sao để không còn uất ức, phiền muộn khi có điều xấu đến với mình. Làm được vậy, chắc chắn quý vị có được hai điều lợi. **Thứ nhất:** tâm sẽ rất an ổn, bình thản khi có điều xấu đến với mình. **Thứ hai:** quý vị đã nhận lỗi về mình thì không hành xử theo cách trả đũa. **Coi như từ nay ân oán với người kia đã xong. Tức là ta đã chấp nhận trả “nghiệp”**.

Còn quý vị nào không tin luật nhân quả, chắc hẳn quý vị sẽ phải nhận hai điều xấu. **Thứ nhất:** tâm tư day dứt khổ sở khôn nguôi vì cứ cho là lỗi do người kia tạo cho mình rồi nghĩ cách trả thù, báo oán. Hậu quả, có khi lâm vào vòng tù tội. **Thứ hai:** sự hận thù kéo dài lâu ngày sẽ mang lại cho bản thân nhiều chứng bệnh. Khoa học đã chứng minh khi những cảm giác tiêu cực hiện ra, chúng sẽ phát sinh ra những độc tố. **“Nếu buồn phiền sân hận thường xuyên thì lâu dài sẽ dẫn đến nhiều bệnh tật như loét bao tử, rối loạn tiêu hóa, táo bón, cao huyết áp, rối loạn tim mạch, thậm chí ung thư”** (Trích từ sách: **Hạn Chế Sân Hận-Trải Rộng Tình Thương**).

(b-2): Lương Thiện:

Xin mời quý vị đọc thêm **những câu dưới đây** để thực tập, trích từ đề tài: **“Người thiện lương học cách chịu thiệt bởi chịu thiệt là một loại phúc báo”**

(1): Xưa nay tôi chưa bao giờ thích đeo mặt nạ đối xử với người, cũng **không ẩn chứa tâm địa xấu** đối phó với người.

(2): Tôi vẫn luôn cho rằng, **thiện lương là sức mạnh mềm** lớn nhất ẩn chứa trong bản tính con người.

(3): Dầu có gian nan như thế nào thì chúng ta cũng nên **kiên trì thiện lương**.

(4): **Thiện lương** còn khó hơn thông minh, bởi vì thông minh chỉ là một loại thiên phú, còn **thiện lương lại là một sự lựa chọn**.

(c-7): Cần Mẫn:

Người cần mẫn phải sống rộng rãi thì Trời mới “giúp” cho. Xin mời đọc: “Cũng như ông bà ta có câu **“Xởi lởi trời cho, so đo trời lấy”**, nó là một hiện tượng xảy ra thường xuyên trong đời sống hàng ngày nhưng khối người vẫn cứ cố chấp không thừa nhận. Ăn ở rộng rãi, cởi mở với mọi người thì sẽ gặp nhiều may mắn; ăn ở keo kiệt, ích kỷ, hẹp hòi thì sẽ gặp nhiều trắc trở, khó khăn.”

(d-3): VUI, hoan hỷ:

Xin mời đọc thêm: Hoan hỷ là vui vẻ, sự đẹp lòng với tâm trạng hân hoan mà an tĩnh, thoải mái, nhẹ nhàng và thanh thoát. Niềm vui trong cuộc sống thì có nhiều nhưng không phải niềm vui nào cũng được gọi là hoan hỷ.

(đ-4): Hiền hậu:

Xin mời đọc thêm: Người có tính **hiền dịu** thì **tướng mạo** sẽ đẹp một cách nhu **hòa** thánh thiện...

(e-8): Lòng Khoan Dung, Độ Lượng: **Để “Nhẫn” trước những điều xấu đến**

với ta, hãy cố gắng dùng **lòng khoan dung, độ lượng** để tha thứ. Xin đọc kỹ **những lời thật hay** dưới đây để thực hành:

1) Sai lầm lớn nhất đời người là không biết cách khoan dung tha thứ.

2) Hãy học cách khoan dung, bởi tình yêu bao giờ cũng vĩ đại hơn thù hận, khoan dung bao giờ cũng có sức mạnh hơn trừng phạt.

3) Tha thứ không phải là ban phát ân huệ cho kẻ khác mà là tự cởi trói cho chính mình.

4) Khoan dung độ lượng với người chính là tạo phước báo cho mình.

Và xin đọc câu chuyện dưới đây để **học hỏi cách lý luận thế nào** để khoan dung, tha thứ cho người đã gây điều không tốt cho mình.

“Lòng Khoan Dung, Độ Lượng:

Hàn Kỳ là tể tướng triều Bắc Tống, tính tình nồng hậu chất phác, khoan dung rộng lượng. Ông từng nói: **“Muốn thành việc lớn, phải nhẫn việc nhỏ”**.

Khi Hàn Kỳ đóng quân ở Định Châu, có lần ông ngồi viết thơ vào buổi tối, nên đã gọi một binh sĩ cầm nến đứng bên cạnh để chiếu sáng. Binh sĩ này mãi nhìn đi chỗ khác, sơ suất làm cây nến bị nghiêng và cháy vào tóc của Hàn Kỳ. Hàn Kỳ lấy tay áo dập lửa rồi lại tiếp tục viết. Một lát sau, ông quay lại nhìn thì phát hiện người cầm nến bên cạnh đã được đổi thành người khác. Sợ binh sĩ kia sẽ bị trách phạt, ông vội vàng gọi viên chủ quản đến và bảo: “Không cần đổi người, anh ta đã biết cách cầm nến rồi”. Từ đó về sau, quan binh trong quân đội ai nấy đều bội phục tấm lòng khoan dung độ lượng của Hàn Kỳ.

Lúc Hàn Kỳ lưu lại ở phủ Đại Danh, có người tặng ông hai chiếc chén ngọc vô cùng quý giá. Hàn Kỳ liền dùng bạch kim để cảm ơn người tặng chén ngọc. Hàn Kỳ vô cùng yêu thích đôi chén ngọc, mỗi khi có tiệc đãi khách, ông đều sai người sửa soạn một chiếc bàn phủ gấm vóc rồi đặt đôi chén ngọc lên trên để mọi người cùng chiêm ngưỡng.

Một hôm, Hàn Kỳ mở tiệc thiết đãi các quan lại quản lý thủy vận. Khi đang chuẩn bị mang đôi chén ngọc ra để rót rượu mời khách thì một người đầy tớ không cẩn thận xô vào chiếc bàn, khiến đôi chén ngọc rơi xuống đất vỡ tan. Khách khứa trong nhà thấy đều kinh hãi, còn người đầy tớ kia thì run rẩy phủ phục dưới đất chờ chịu phạt. Hàn Kỳ sắc mặt không đổi, cười bảo các vị quan khách: “Bất luận là vật gì cũng đều có quy luật tồn vong”. Ông lại quay sang nói với người đầy tớ: “Người là do sơ xuất mà gây ra, cũng không phải cố ý, đâu phải là tội lỗi gì?” Quan khách đều bội phục.



(g-6): Thành thật:

Chúng tôi chỉ ghi ra "12 thói quen của người chân thật" để người đọc dễ nhớ và thực hành, chứ không trích toàn bộ bài viết:

1. Người chân thật không cố gắng làm mọi việc để lấy lòng người khác.
2. Tôn trọng và tiếp thu ý kiến của người khác.
3. Người chân thật tạo ra đường hướng của riêng họ.
4. Người chân thật luôn rộng lượng.
5. Họ tôn trọng mọi người.
6. Không bị vật chất dụ hoặc
7. Họ là người đáng tin cậy.
8. Họ có bản lĩnh.
9. Tập trung hoàn toàn vào cuộc đời thoại
10. Họ không bị cái tôi dẫn động.
11. Họ không sống đạo đức giả.
12. Khiêm tốn, không khoe khoang.

(h-5): Lòng Yêu thương:

Xin trích đoạn dưới đây từ nghi-luan-y-nghia-cua-tinh-yeu...

"Vì vậy lòng yêu thương con người là một trong những tố chất làm nên ý nghĩa cuộc sống của mỗi chúng ta. Lòng yêu thương là sự đồng cảm, chia sẻ, gần gũi, thấu hiểu... giữa con người với con người. Đó là một trong những phẩm chất cao đẹp của con người."

Cầu mong những bạn đọc hữu duyên cùng chúng tôi cố thực tập tốt hàng ngày " **8 Điều Khắc Cốt Ghi Tâm**" này. Được vậy, chúng tôi xin đem tất cả công đức có được hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

NIỆM KHÚC TIỀN NGƯỜI ĐI

*Tháng hạ về không gian vàng hanh nắng
Trước hiên chùa hồ điệp tím trầm ngâm
Chắp đôi tay dâng đóa hoa khiết hạnh
Quy kính Ngài Đức Địa Tạng quán tâm*

*Tháng hạ về lặng lẽ tiễn Người đi
Trong lời kinh dòng suối Pháp diệu huyền
Người đã đi đã ra đi miên viễn
Xuôi cõi lành nơi cảnh giới bình yên*

*Tháng hạ về một mình trong tịch niệm
Tiếp trang kinh chưa khép lại bao giờ
Giọt buồn đau buồn trên từng nhịp mơ
Nổi u hoài thả theo tiếng chuông mơ*

*Tháng hạ về không gian thôi cách trở
Vẫn đâu đây đau đau tiếng cội nguồn
Bài Sám Nguyên muôn đời hằng ghi nhớ
Lời Kinh Vàng vọng mãi tiếng nam mô*

*Tháng hạ về khói hương bay theo gió
Cánh áo lam khuất dấu lối bụi hồng
Vẫn muôn đời Bát-Nhã Sắc Không Không
Bước trong đại mộng vẫn dài thông dong...*

XUẤT GIA GIEO DUYÊN

(Mùa an cư kiết hạ PL 2564
Đề tặng Từ Hoa Khai và các vị đã xuất gia gieo duyên)

*Được tin bạn xuất gia gieo duyên
Nhánh tóc rơi đi những ưu phiền
Hương sen thanh khiết lan trong gió
Hoa đàm duyên khởi nắng hạ yên
Hân hoan chống gậy lên Yên Tử
Tĩnh tâm cầu Đạo chốn cửa Thiền
Đêm nay có một vàng trăng mới
Chung trà pháp lữ kính bạn hiền.*

thơ TUỆ NHA

Thầy vẫn thiền mọi đêm

DU TÂM LĂNG TỬ

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Tiếng chuông bong bong ngân dài theo con nước chảy của dòng Hà Thanh, lại vang lên xuyên qua tán lá xanh um của những tàng nhãn, xoài, vú sữa cổ thụ. Chùa Châu Liên nằm nép mình dưới những tàng cây quanh vườn. Mỗi chiều tiếng chuông lại lay động không gian trước khi mặt trời dần xuống thấp. Dân các tổng An, Phước, Lộc, Thọ... cũng như muôn loài chim đã quen với tiếng chuông, mỗi khi chùa chuông vang lên thì người thu xếp việc đồng áng, chim bay về quanh vườn ríu rít trên cây.

Chẳng biết chùa dựng lên từ bao giờ, tuy nhỏ nhưng đáng vẻ cổ kính rất đẹp, hài hoà với cảnh vật ở đây. Có những mùa lụt lớn dâng lên, những cơn bão dữ thổi qua nhưng cũng chẳng làm hư hao gì mấy. Hồi còn chiến

tranh, năm ấy hai bên đánh nhau dữ dội, máy bay Mỹ thả bom xuống căn cứ, những quả bom to và dài như trái bí đao, đặc biệt có một quả to bằng cái lu nước. Những quả bom ấy làm sập cầu Quán Cát, một tổ họ Nguyễn cách xa ba cây số, to như ngọn đồi, xây bằng đá ong, ô dước bị chấn động nứt toác ra và sụp đổ một phần, vậy mà chùa Châu Liên gần bên chẳng hề hấn gì. Dấn quanh vùng xì xào bàn tán nhiều lắm, ai cũng cho là chùa linh, có long thần, thổ địa hộ vệ nên không bị sập.

Chùa nằm trên đồi Gò Đu, trước mặt là cánh đồng lúa xanh bắt ngát, những cánh cò trắng chao lượn đẹp làm sao. Sau khi chiến tranh kết thúc, người lại phát động đập phá chùa chiền, đình, miếu, đình... Miếu kè,

đình Ngọc Thanh, đình Luật Lễ, Đình Văn Hội... đều tan tành, đồ tế khí bị lấy đi sạch trơn. Ấy vậy mà chùa Châu Liên một lần nữa thoát nạn, không một mảy may bị hại, duy có lá cờ Phật giáo thường treo giữa sân chùa là phải hạ xuống mà thôi. Nhiều năm về sau lại có một phong trào khác, cơn lốc chùa to Phật lớn càn quét từ thành thị tới thôn quê, từ miền xuôi lên miền ngược... những ngôi chùa cổ dù còn tốt vẫn bị triệt hạ để xây mới, những pho tượng cổ thì quét sơn loè loet. Nhiều người lên chùa xúi thầy xây lại chùa cho hợp với thời đại mới.

Một ngày kia sau khi khoá lễ xong, đại gia Thạch ghé chùa:

- Thưa thầy, con xin cúng dường mười tỷ để thầy xây lại ngôi chùa cho to lớn, khang trang hơn.

Những Phật tử ở đây nghe thế thì mừng ra mặt, bà Bảy Hưng cười:

- Quý hoá quá, đại gia Thạch có tấm lòng Bồ tát.

Ông Hai Quá cũng khen

- Đại gia Thạch có tâm tu, còn trẻ mà hiến mười tỷ để xây chùa là hiếm lắm!

Bà con Phật tử quanh vùng ai cũng xuýt xoa ca ngợi đại gia Thạch không tiếc lời. Thầy trầm ngâm một lát rồi nhỏ nhẹ:

- Thầy cảm niệm tấm lòng của anh nhưng thầy không dám nhận số tiền này, mong anh thông cảm!

Đại gia Thạch hỏi:

- Tại sao?

Thầy bảo:



- Bây giờ thầy chưa thể nói được, nhưng từ từ rồi anh sẽ biết thôi.

Đại gia Thạch ra về với vẻ bất mãn, bà con thì cũng tiếng bắc tiếng chì, nhiều người tiếc nuối món tiền lớn:

- Ông thầy già cả nên an phận thủ thường, không chịu khuếch trương phát triển như các chùa khác.

Thượng tọa Quý Tài từ chùa Thọ Lộc đến chơi hỏi:

- Nghe nói có đại gia hiến mười tỷ xây chùa mà huynh không nhận?

Thầy khẳng định:

- Ủ, ông ấy hiến tiền nhưng tôi không nhận.

- Tại sao?

- Mình xuất gia tu học là để ngộ đạo và giải thoát, chùa to Phật lớn chỉ là cái mả bề ngoài, không dính dáng gì đến con đường giải thoát cả! Mặt khác, nó còn là sự dính mắc đấy, và lại chùa này còn rất tốt, tuy chưa phải là danh lam cổ tự nhưng cũng là chứng tích trăm năm của vùng đất này. Tôi không nỡ đập đi để xây mới,

Thượng tọa Quý Tài lại nói:

- Thời thế hôm nay khác, phải chùa to Phật lớn mới độ chúng được.

- Không, thượng tọa nhầm rồi! Chùa to Phật lớn là để du lịch, người ta đến chụp hình đăng mạng xã hội, để tô vẽ mặt mày đấy thôi! Có mấy ai đến để mà ngồi xuống tịnh tâm đâu? Càng to, càng hào nhoáng thì càng lằng xằng rộn ràng. Ngày xưa Phật bỏ cả cung vàng điện ngọc, hà cớ gì giờ lại cố xây cho đồ sộ, sơn phết vàng son rồi nguy ngôn bảo là vì Phật pháp.

Thượng tọa vẫn cố biện giải:

- Người ta hiến mười tỷ, huynh không nhận, hoá ra làm thối thất tâm bồ đề của họ.

- Nay huynh đệ, hãy nhìn nhận cho rõ ràng một tí! Nếu là tịnh tài thì tôi đâu nỡ từ chối. Thượng tọa cũng biết

đấy, đại gia Thạch giàu kinh khủng, là tay có máu mặt của địa phương, kết thân toàn tai to mặt lớn. Y khai thác đá xuất khẩu, những ngọn núi quanh vùng như: Hòn Vồ, Hòn Thơm, Hòn Bé, Hòn Chài... bị phá tan hoang, thảm thực vật bị hủy diệt, thú hoang tuyệt chủng, những sườn núi lở loét, mỗi khi mưa xuống nước cuốn đất đỏ chảy thành dòng như dòng máu từ thân núi chảy ra, những dòng nước đầy đất, sỏi, đá lấp cạn ruộng vườn, đường xá. Những xe tải hạng nặng chở đá cày nát hết đường sá hương thôn, môi trường ô nhiễm kinh khủng... dân kêu trời như bọng, khiếu kiện không ăn thua gì, quan quyền ngậm miệng ăn tiền nên không ai dám đụng đến y. Những đồng tiền từ máu của núi rừng ấy, từ nỗi thống khổ của dân lành... Làm sao ta có thể nhận những đồng tiền ấy để xây chùa? Và lại tôi cũng quán xét mà biết, việc này không phải phát xuất từ tâm thành của anh ta, chẳng qua là lòng anh ta có nỗi bất an, lo sợ quỷ thần trách phạt nên mới làm vậy hòng kiếm phước hoặc sự che chở.

Thượng tọa Quý Tài vẫn không chịu, vót vát thêm:

- Dù sao anh ta cũng làm một việc tốt, xây chùa to sẽ ảnh hưởng tích cực đến xã hội.

Thượng tọa cáo lui nhưng lòng không vui, về đến chùa còn nói với các huynh đệ khác:

- Tôi quyền giáo muốn gây lưới mà chỉ được một tỷ bạc, thầy Châu Liên khơi khơi có người hiến mười tỷ mà không chịu nhận. Ông ấy già nua, gàn dở và không thức thời.

Các vị tăng bàn tán kẻ bảo uống, người nói bỏ lỡ cơ hội quý... Riêng có một ông tăng còn rất trẻ, không nói một lời nào, vẻ mặt thoáng một nét cười nhẹ mà bỏ đi.

Chuyện đến tại giáo hội, các vị chức sắc cử thầy Đặc Danh về thuyết phục:

- Thầy nên vì giáo hội mà nhận khoản tiền ấy để xây chùa, xây chùa to có lợi cho bá tánh mà giáo hội ta cũng thơm lây, Phật giáo nước nhà vẻ vang, xã hội an định...

Thầy Châu Liên cười:

- Chùa Châu Liên này còn vững chãi lắm, hà cớ gì phải xây lại?

- Xây chùa to là để tạo khí thế cho quần chúng tu học, tăng ni phấn khởi, xây chùa dựng tháp để tiền đồ Phật giáo vững mạnh và phát triển.

- Thầy nhầm rồi! Tiền đồ Phật giáo hưng thịnh hay không, không phải ở nơi chùa to Phật lớn mà là do có tinh tấn tu học, giới luật tinh nghiêm hay không mà thôi! Thầy có biết không? Đời Trần, Phật giáo nước ta cực kỳ hưng thịnh, tăng lữ gắn kết chặt chẽ với quý tộc triều đình, cúng dường tiền bạc đất đai quá nhiều, tiêu biểu như chùa Quỳnh lâm, có đến ngàn mẫu ruộng. Khi triều Trần sụp đổ, Phật giáo nước mình cũng suy vì suốt mấy trăm năm sau. Đấy là thời mà có nhiều bậc long tượng trụ thế, nhiều tông lâm thạch trụ xuất sắc, nhiều hành giả kiệt xuất mà còn thế huống chỉ là đời bây giờ.

Thầy Đặc Danh vẫn không chịu:

- Phật giáo các nước có Angko Wat, Angko Thom, Borobudu, Thiệu Lâm Tự... thì ta cũng phải có cái gì tương tự để mà hãnh diện chứ.

Thầy Châu Liên lắc đầu:

- Người học Phật tối kỵ việc so sánh, đua đòi, dính mắc danh sắc. Quốc độ mỗi nơi mỗi khác, và lại đời vô thường, các pháp hữu vi sanh diệt liên miên, thành trụ hoại không không có hạn kỳ. Thầy là người xuất gia, lẽ nào quên hay sao?

Không thuyết phục được thầy Châu Liên, thầy Đặc Danh quày quả bỏ về.

Chuyện tưởng thế thì thôi, nào ngờ chức sắc tử quận xuống:

- Tại sao có người hiền tiền xây chùa mà thầy từ chối? Xây chùa to cho đẹp địa phương ta, thu hút khách du lịch, chùa cũng có lợi mà địa phương cũng có thêm thu nhập. Chúng tôi sẽ hỗ trợ thầy!

Thầy từ tốn:

- Các anh thấy đây, chùa Châu Liên gần bó với địa phương cũng non trăm năm rồi, đem lại bình an cho dân các tổng trong bao nhiêu năm, dù thiên tai, dù chiến tranh... Chùa cũng là dấu ấn mở đất, lập cõi của cha ông, là nơi người sống nương tựa tinh thần, người chết gửi nắm tro tàn để nghe kinh, hưởng hương hoa. Người xuất gia hay tại gia cũng đều biết câu "An cư lạc nghiệp." Chùa Châu Liên vốn đang an, đang tốt, khi không đập bỏ để xây lại thì tổn hại đến tài lực dân, động đến long thần thổ địa và bao nhiêu chúng sanh khác.

Người của quận vẫn khẳng khái:

- Các địa phương khác đều có chùa to Phật lớn cả, lẽ nào địa phương ta chịu thua?

Thầy Châu Liên khuyên:

- Đừng làm con gà mà tức nhau tiếng gáy, quan trọng là đất thanh dân an, xã hội thái hoà!

O ép năm lần bảy lượt không xong, họ bỏ về với vẻ mặt cáu kỉnh dọa:

- Để xem ông ấy cứng cựa được bao lâu!

Tối hôm ấy thầy ngồi thiền, bất chợt nghe thoảng mùi tanh, hé mắt nhìn thì thấy một cặp Ma Hầu La Già đập đầu quỳ sau lưng:

- Tạ ơn hoà thượng, nhờ bản lãnh của thầy mà chùa này không bị triệt hạ. Chúng con nhờ thế mà không bị mất nơi nương tựa. Chúng con ở đây đã gần trăm năm, ngày đêm nghe kinh kệ, hưởng khói nhang...Ơn này khắc sâu tim óc không bao giờ quên.

Thầy vẫn ngồi yên bất động, nghe rõ mồn một nhưng giữ vững chánh niệm, lát sau thì có một người phục sức như võ tướng, tay cầm kim cang xử bước vào và sụp lạy:

- Tạ ơn thầy, nhờ thầy mà chùa Châu Liên không bị phá bỏ, các chùa khác đều bị đập đi xây mới. Hộ pháp chúng con dù hết lòng yêu mến những ngôi cổ tự nhưng không làm gì được hơn trong thời pháp nhược ma cường này! Châu Liên có thể nói là một hiện tượng lạ, vẫn tồn tại vững chãi, dù trải qua lũ lụt, giông tố, chiến tranh và cơn lốc đập cũ xây mới, đất lành cũng nhờ người đức lớn. Con nguyện đời đời hộ pháp, hộ tăng, hộ tất cả những ai có lòng với đạo pháp.

Thầy vẫn ngồi yên lặng, trông vững chãi như sơn, mùi hương trầm phảng phất, ngọn đèn bạch lạp leo lét lung linh. Tượng Thế Tôn trên toà như thoảng mím cười, nụ cười nhẹ như gió thoảng mây bay, nụ cười không phải ai cũng nhìn thấy, nụ cười như hư không mà lại mệnh mông và hùng tráng. Trời, người trông thấy đều sanh lòng cung kính năm vóc gieo sát đất. Khung cảnh điện đường như đang ở cung trời cổ độ nào chứ

chẳng phải của quốc độ này. Thổ địa bước vào lạy Phật xong quỳ thưa:

- Bạch thầy, con là thổ địa coi sóc cuộc đất này. Chùa Châu Liên ở đây cũng non trăm năm, thế đất tốt, cư dân hiền hoà, từ khi thầy về trụ thì càng ngày càng hưng vượng hơn. Đạo hạnh thầy cảm hoá được nhân gian và bao loại phi nhơn. Những loại phi nhơn về đây nương tựa tam bảo, nghe kinh, thính pháp ngày càng nhiều. Bọn họ đều phát nguyện hộ pháp, hộ tự, hộ nhân... Cũng có những kẻ có tâm sân hận, ích kỷ, quấy phá nhiều chúng nhưng con đều khắc chế nhiếp phục. Chúng con tạ ơn Phật, ơn thầy!

Bên ngoài Phật điện lúc ấy có vô số hoa trắng từ trời rơi xuống như mưa. Các vị thiên xuất hiện đầy sân chùa đồng thanh xưng tán cúng dường:

Thế Tôn, Thế Tôn

Đấng đạo sư của muôn đời

Ánh sáng trí huệ soi sáng ba ngàn thế giới

Lòng từ ban rải khắp mười phương

Chúng con trời, người

Quy y đảnh lễ

Hôm nay rải hoa cúng dường

Bắc khí phách kim cương

Thời mật pháp

Thầy vững chãi giữ gìn chánh pháp.

Hôm sau, phiên chính chợ Bà Bâu, dân các tổng cứ đồn đại chuyện chùa Châu Liên không ngớt. Sau phiên chợ, có người lên chùa hỏi thầy:

- Đêm qua chùa có lễ gì mà dân các tổng không ai hay biết? Người các tổng thấy cả ngôi chùa và khu vườn sáng lung linh như hội hoa đăng, sáng nay ngoài chợ người ta bàn tán râm ran.

Thầy cười:

- Có lễ gì đâu, thầy vẫn thiền như mọi đêm thôi!

DU TÂM LÃNG TỬ



Bốn con rỗi

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa có hai vợ chồng người thợ chuyên làm các con rối có được một cậu con trai đặt tên là Aung. Đến ngày trưởng thành, Aung quyết định lên đường đi làm ăn xa.

Để giúp đỡ con, ông bố mới làm cho con 4 con rối đặc biệt: Con thứ nhất mang hình dáng một thiên thần, con thứ hai thì lại bộ dạng của một con yêu tinh, con thứ ba là một ông thiên lôi, riêng con thứ tư thì làm theo kiểu một thầy Tăng, một tay cầm thiền杖 và một tay cầm bát đi khất thực.

Trên đường đi phiêu lưu, lần lượt cả ba con rối đầu tiên đều hóa thành người thật theo mẫu của người sẵn có để giúp đỡ Aung. Con rối thiên thần giúp Aung thoát khỏi nanh vuốt của loài thú dữ gặp phải trên đường đi. Con rối yêu tinh giúp chàng chiếm đoạt của cải một đoàn thương nhân và con rối thiên lôi thì giúp biến những của cải đó sanh sôi nảy nở thêm. Thế là cả mấy thầy trò trở nên giàu có, mua một lâu đài lớn để cư ngụ.

Nhưng dù đã thành công trên đường đời, Aung lại vướng một món nợ tình không nguôi. Nguyên do là: Trong vụ chiếm đoạt của cải của đoàn thương nhân nọ chàng đã bắt được cô con gái của chủ đoàn thương nhân. Aung đem lòng yêu thương cô ta nhưng cô gái thì căm thù, nhất quyết cự tuyệt. Cuối cùng cô gái bỏ ra đi.

Thất tình, Aung trở nên

vô cùng buồn khổ dù đang sống trong cảnh giàu sang tốt độ. Lúc đó, con rối thầy Tăng mới cho Aung một lời khuyên:

- Hãy thử sống như tôi: Tôi không có ham muốn xấu nên tôi không biết đến đau khổ, tôi ăn ở hoàn thuận với mọi người nên lúc nào tâm hồn cảm thấy bình yên.



Thế là Aung quyết định bắt đầu sống cuộc sống như con rối thầy Tăng là rời bỏ lâu đài và cuộc sống giàu sang, một mình đi khất thực trên khắp các nẻo đường. Tuy chưa hẳn trở thành một tu sĩ xuất gia nhưng kỳ lạ thay từ cách sống đó, tự nhiên lần hồi chàng cảm thấy tâm hồn yên ổn, thanh thản hơn.

Thế rồi, một ngày nọ trên đường đi khất thực, Aung đã tình cờ gặp lại hai cha con cô gái chàng từng yêu dấu. Nhìn thấy Aung phải chịu đựng và nghe

Aung thuật lại đầu đuôi sự tình, bấy giờ cô gái mới động lòng, hiểu là Aung đã thực sự hối lỗi. Tha thứ cho Aung, cô gái và cha nàng bằng lòng cùng chàng trở về ngôi lâu đài cũ để làm lễ cưới.

Tại lễ cưới có mặt đông đủ 4 con rối bạn thân của Aung, con rối thầy Tăng một lần nữa đã giảng giải cho Aung nghe về lẽ đời và lẽ đạo:

- Trước kia, cậu đã giàu sang, được quyền lực nhưng như cậu đã thấy, của cải và quyền lực nào có mang lại hạnh phúc đâu. Nay cậu đã có hạnh phúc, lại tiếp tục sống trong giàu sang và quyền lực, nhưng nên nhớ cái hạnh phúc này không phải do của cải và quyền lực mà là do phải biết bắt chấp với thứ đó. Của cải và quyền lực tự nó không làm nên điều thiện hoặc điều ác. Cái đó chỉ tùy thuộc vào việc cậu dùng nó như thế nào mà thôi...

Thấm thía bài học do con rối thầy Tăng gợi nên, hai vợ chồng Aung cho xây một ngôi chùa thờ Phật cạnh lâu đài, để đón tiếp thiện nam tín nữ khắp nơi đến cùng mình chứng ngộ chân lý Phật pháp như những điều con rối thầy Tăng đã giảng dạy...

C.T.N

Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời hòa hiếu an vui.



thơ PHÙ DU

ẢO CẢNH THỰC TƯỢNG

*Em ở phương tây, anh phương đông
Không chung một núi, chẳng cùng sông
Không thờ chung bầu không khí nóng
Nhưng cùng giấc ngủ cõi mơ mòng*

*Em ở trùng xa một đại dương
Đôi lần nhấp chén rượu tha phương
Không nhớ ra tôi bên quán trọ
Cũng đang cạn hớp đắng vô thường*

*Về lại bên nhau chỉ một giờ
Kéo gần lục địa cả hai bờ
Phương ấy phương này trong gang tấc
Ngón tay điểm nguyệt chạm hư vô.*

HIỆU ỨNG ĐỜI

*anh về bên mẹ
cạnh cửa sổ đời
sáu mươi năm lẻ
như dòng nước trôi*

*vành đời xuôi dạt
anh gặp lại em
một đêm biển lạnh
nhạc vắng êm đềm*

*anh về gác nhỏ
mộng lớn tuôn dài
trắng rằm chưa tỏ
chiêm bao vừa phai.*

NHÚN NHẢY NGŨ NGÔN

*hoa thơm cỏ lạ ven đường
ai ghét thì nhỏ, ai thương thì bông
tôi đi kể chuyện trống không
bỗng dưng thiên hạ say lòng một mai
tôi về đỏ mặt run tay
ôm bầu rượu quạnh tỉnh say khó lường
biến dâu từ độ nhiều nhưong
còn chẳng chim hót trên nguồn cao xanh
tôi làm một chuyến viễn hành
về thăm cố xứ trên vành trăng non.*

CHÂN DUNG

*bàn tay ám vàng
khói thuốc bao năm
bàn tay gầy guộc
chữ viết cũ mòn*

*đôi mắt tỏ, mờ
nhìn xa tìm Phật
đôi mắt ra thơ
quỷ ma chạy mất*

*bước chân khắp khiêng
té giữa cuộc vui
bước chân dẫm tiếng
vô thanh bật cười*

*môi thâm rượu nồng
lê la trận nháy
qua bờ hư không
hình hài lóa cháy.*

Mẹ!!!

NHUẬN HÙNG



ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

"Mẹ là Phật đại
nguyên hóa thân

Mẹ là hoa, hoa đẹp
tuyệt vời

Mẹ là nước, nước
nguồn vô tận

Cuộc đời mẹ chỉ biết hiến
dâng

Con chấp tay chiêm
ngưỡng ân người

Con nhiếp tâm khấn
chúc vạn lời

Hình ảnh mẹ là Phật hằng
hữu

Cho cuộc đời con mãi
thắm tươi"

(Thanh Trí Cao)

Cứ mỗi độ Vu Lan lại về
với chúng ta, đó cũng chính
là mùa Báo Hiếu, không biết
bao nhiêu người con Phật, từ
khắp bốn phương, nhớ

tưởng công lao sinh
thành, dưỡng dục của cha
mẹ. Bởi thế, nhà thơ Thanh
Trí Cao tức Cổ Hòa
Thượng Thích Quảng Thanh
cũng không ngoại lệ, thầy
đã vượt qua những biên
kiến những cố
chấp trong ngôn ngữ hèn
hẹp, đóng khung. Từ
tưởng thầy vượt ra ngoài vũ
trụ đem ngôn ngữ thi ca,
tạo dựng lên hình ảnh "Mẹ"
là Phật. Nghĩa là chúng ta ai
ai cũng biết đó, "Mẹ" là đại
nguyên hóa thân, còn có
không biết bao nhiêu là văn
-thơ, ca nhạc, dùng hình
ảnh của "Mẹ" diễn tả những
gì cao quý nhất trên đời.
Riêng tôi đứng trên phương
diện nhân sinh quan có thể,
phân ra - chia chẻ

theo nhận định khách
quan. Dĩ nhiên không buộc
ai cùng chung ý nghĩ với tôi.

Thưa quý vị!

Ai cũng có "Mẹ" nếu nói
về lý, để mà luận bàn, Đức
Phật cũng có Mẹ phải không?
Mẹ là Hoàng Hậu Ma Gia, vậy
thì còn gì để nói. Thêm nữa,
về tình "Mẹ" không còn giấy
bút nào diễn tả cho hết
được. Có người từng ví "Mẹ"
như những kỳ quan thế giới,
vừa xinh, vừa đẹp, tráng lệ,
mỹ miều v.v...! Không sao tả
xiết được. Cái đẹp của Mẹ
không phải vì vẻ đẹp bề
ngoài do gương mặt quý
phái, thanh tao, phúc
hậu, hiền hòa, mà còn phải
đẹp từ thể xác cho đến tinh
thần. Cùng với tấm lòng bao
dung, bảo bọc, quảng đại,
cao cả, muôn vãn. "Mẹ" luôn
luôn mở rộng, vòng tay đón
nhận những đứa con thân
thương, cho dù (chúng) có ra
sao chăng? Nền hũ, thành
bại, tốt xấu, đẹp để hay
khuyết tật, hư hỏng, thành
danh, hay bất thành
danh hoặc là phá làng - phá
xóm v.v... Mẹ vẫn luôn luôn
bảo bọc những đứa con như
thể để khuyên dạy chúng nên
người, có lời thơ ghi rằng:

"Lòng Mẹ bao la như
biển Thái Bình rạt rào. Tình
Mẹ tha thiết như giòng suối
hiền ngọt ngào. Lời Mẹ êm
ái như đồng lúa chiều rì rào.
Tiếng ru bên thềm trăng tà
soi bóng Mẹ yêu. Lòng Mẹ
thương con như vầng trăng
tròn mùa thu. Tình Mẹ yêu
mến như làn gió đùa mặt hồ.
Lời ru man mác êm như sáo
diều dật dờ. Nắng mưa sớm



chiều vui cùng tiếng hát trẻ thơ...” (Lời - Y Vân).

Đúng vậy, lời thơ trên đã phổ thành ca khúc do nhiều ca sĩ thực hiện, những âm điệu du dương, lời lẽ tha thiết in đậm vào tâm lòng của những người con xa xứ. Mỗi độ Vu Lan về các chùa Việt Nam trên xứ người, thường hay tổ chức văn nghệ, để cùng nhau tưởng nhớ đến công lao Mẹ - Cha sinh thành dưỡng dục.

“Mẹ” là một bầu trời ấm êm, là nơi cho con sưởi ấm là lời khuyên nhủ chí tình, mỗi khi con thất bại trên đường đời. Tìm về với Mẹ hoặc mỗi khi con vấp ngã, Mẹ là người chở che. Hỡi! những bạn trẻ hiện còn có “Mẹ”, hãy vui sống đi, hãy thương yêu và cố gắng dành thời gian viếng thăm “Mẹ” bằng nhiều cách...! Đừng để cho Mẹ buồn phiền, tủi phận mà sống trong cảnh cô cút một mình tại viện dưỡng lão hay nhà riêng gì đó...! Nói cho cùng, các bạn trẻ “còn mẹ” thì hãy nên trân quý. Tình thương ấy mới thật là tình yêu chân thật của Mẹ dành cho con. Những tình yêu thương nam nữ đến với nhau chưa hẳn tồn tại lâu dài được, ban đầu thì khăng khít bên nhau, nhưng về lâu, về dài. Lắm lúc có những chuyện bất như ý xảy ra. Thì mỗi tình ấy dễ bị rạn nứt ngay, các bạn ạ!

Đừng để đến khi mất “Mẹ” rồi, tâm hồn thiếu thốn lạc lõng bơ vơ, dù có nhớ nhung luyến tiếc, than thở... Đến lúc đó cũng đã muộn rồi... Mẹ là gì? Ai ai cũng có câu giải thích triệt để, không cần diễn tả...!

Riêng cá nhân tôi, mỗi khi nhắc đến Mẹ, lòng tôi không nói ra nhưng rất khâm phục và quý mến “bà” vô cùng. Ngày hôm nay tôi mặc chiếc áo nâu sòng làm tu sĩ Phật Giáo chỉ lo chuyên tu tập, tên tuổi không sáng ngời hay nhiều bằng cấp

đứng trên bục giảng như quý thầy được hưởng nhiều phúc duyên. Còn tôi luôn luôn tự hào về người “Mẹ” của tôi, vì bà là Phật Tử thâm nhuần giáo lý Phật đà... Không quản hy sinh tình thương mẫu tử, dành cho con trai của mình. Dẫu biết rằng, khó khăn trước mắt đối với bà rất nhiều, nhất là thời buổi sau năm 1975 tại miền Nam Việt Nam. Thời buổi “gạo châu - củi quế” muôn vàn khó khăn trong đời sống cơ cực hằng ngày. Chính vì thế tôi luôn luôn ghi đậm hình ảnh của “Mẹ” yêu quý trong tâm khảm!

Xin thưa quý vị! Tôi sinh ra trong gia đình công chức cha tôi bị bắt đi “tù” (học tập - cải tạo) đó là từ mỹ miều của Cộng Sản đặt ra. Ai ai cũng hiểu sau năm 1975 miền Nam Việt Nam thất thủ, hàng loạt sĩ quan - quân nhân - cán chính của chính quyền VNCH hoàn toàn bị bắt vào tù cải tạo, trong đó có cả cha của tôi.

Gia đình tôi vốn sống tại Tây Nguyên mệnh danh Phố Núi thuộc tỉnh Pleiku, ngày nay gọi là tỉnh Gia Lai, thuộc thành phố Pleiku. Kể từ khi tôi sinh ra, lớn lên tại nơi ấy cuộc sống vui vẻ học hành chung cùng bạn bè trang lứa. Nhưng hỡi ơi! Đất nước lâm vào cơn biến loạn, thời cuộc binh đao khói lửa nổi lên khắp nơi. Sau năm 1975 cha tôi vào tù, đất nước tan tác đời sống khó khăn, ai ai cũng bị buộc đi vùng kinh tế mới. Riêng những cán bộ, gia đình họ đương thời nằm vận mạng đất nước thì phải hơn người dân rồi...!

Mẹ tôi kể từ đó cũng như bao nhiêu phụ nữ khác xa chồng, xa cha, xa anh, bị bắt đi tù, nghĩa là (học tập - cải tạo) hoàn cảnh như thế, tất cả phụ nữ ở nhà buộc họ phải lẫn lộn với dòng đời, trải qua không biết bao

nhiều nhọc nhằn, bươn chải tìm kế mưu sinh, để lo gia đình mà còn phải nuôi đàn con thơ dại.

Năm 1975 bản thân tôi lúc đó 13 tuổi, còn có bốn đứa em gái nhỏ dại. Cha tôi còn ở trong nhà tù chưa biết ngày về. Năm 15 tuổi cơ duyên đưa đẩy tôi gặp một vị thầy hướng dẫn vào chôn thiền môn, mẹ cùng tôi lên chùa Tỉnh Hội - (Pleiku) gặp Hòa Thượng Trụ Trì làm lễ thể phát xuất gia cho tôi. Sau đó, tôi theo vị thầy về ngôi chùa nhỏ để tu học.

Quý vị, thử nghĩ sao? Tình cảnh, lúc ấy rất khó khăn, nhất cử nhất động. Cận bộ miền Bắc họ không để gì tha cho ta đâu? Lúc đó họ đâu có nói gì về “tu với hành” như bây giờ, chỉ biết tôn thờ chủ nghĩa “Tam Vô...” Nếu quý vị nào, còn ở lại miền Nam Việt Nam sau 1975 thì sẽ rõ những chuyện ấy như cơm bữa.

Trong cuộc đời mẹ tôi trải qua rất nhiều khó khăn nhọc nhằn, cũng như không biết bao nhiêu phụ nữ Miền Nam Việt Nam thời bấy giờ:

Khoảng thời gian 1978 hoặc 1979 gì đó, lúc ấy là thời kỳ khó khăn nhất trong đời sống thời bấy giờ, sinh kế cơm, áo hằng ngày không thể buôn bán được gì cả, chỉ toàn làm rẫy nương mà sinh sống. Mẹ tôi tay yếu chân mềm cùng đàn con thơ dại, tôi xuất gia vào chùa tu học. Bấy giờ, đói khổ thì phải kiếm sống nhưng ở thành phố đâu có đất mà làm rẫy nương rẫy. Cuối cùng phải đi cắt tranh mướn cho người ta mãi tận Pleime, nơi ấy rừng núi giáp ranh biên giới Campuchia, thời bấy giờ núi rừng trùng điệp, bệnh sốt rét hoành hành độc hại nhất vô cùng ở tại đó. Nếu ai đã từng đi lính trước thời 1975 nghe nhắc đến địa danh Pleime, là đủ biết nơi đó như thế nào! Nhưng vì sinh kế mà Mẹ tôi đành xa

nhà đi làm thuê kiếm tiền nuôi con. Để lại bốn đứa con thơ dại, đứa nhỏ nhất từ 5 tới 13 tuổi, ở nhà tự sống với nhau. Như vậy, quý vị thử nghĩ, cuộc sống có âm đạm hay không? Tôi con lớn, đi tu tận phương xa, không giúp được gì gia đình. Mẹ tôi vẫn hy sinh không hề than oán, để tôi yên tâm tu tập ở một nơi cách Pleiku 24 cây số.

Tiếp lại, câu chuyện lúc ấy mẹ tôi đi làm xa được một tuần lễ, thì bà ngoại của tôi ở dưới quê Bình Định mang theo gạo và thức ăn lên cho đám em tôi. Thấy bà ngoại từ quê lên thăm, đám em tôi vô cùng vui mừng ủa lại quanh quẩn bên bà.

Có đứa nhanh nhẩu liền hỏi: "Tại sao, hôm nay bà ngoại rảnh lên phố chơi vậy?"

Bà không đáp mà hỏi lại: "Mẹ các cháu đi đâu rồi?"

Em tôi trả lời: "Mẹ chúng cháu đi cắt tranh tận Pleime, đã được một tuần...!"

Bà ngoại tôi hỏi lại: "Các cháu ở nhà với ai, ăn uống ra sao?"

Bọn nhỏ đáp: "Mẹ cháu mua sẵn gạo và thức ăn tự mà nấu nướng chị em ăn với nhau..."

Bà hỏi: "Vậy gạo, có nhiều hay ít, đủ ăn hay không?"

Bọn nhỏ đáp lại: "Thưa bà, tụi cháu chỉ nấu cháo ăn cầm chừng, chờ ngày mẹ cháu về sẽ tính sau..."

Có đứa lại hỏi tiếp: "Bao giờ bà về lại quê?"

Bà ngoại tôi nói lại: "Đêm qua, bà nằm mơ thấy Dì Lan về báo mộng..."

Bọn nhỏ có đứa nhanh nhẩu hơn liền hỏi: "Dì Lan nói gì hả bà?"

(Dì Lan là em gái út của má tôi, đi công tác thanh niên xung phong sau năm 1975 bị bệnh sốt rét "rừng" chết tại công trường...!)

Bà ngoại tôi nói tiếp: "Dì, chúng bay nói: Chị Hai đi làm xa, bỏ đám nhỏ bơ vơ ở

nhà..." Nghe vậy, bà liền mua vé xe lên Pleiku để chăm sóc tụi bay"

Cả đám trẻ, vui vẻ reo hò, "ô! có bà ngoại rồi, không còn lo gì nữa, khỏi sợ đói, sợ khát...!"

Thật là đám trẻ hồn nhiên vô cùng..!

Câu chuyện tạm ngưng nơi đây, sau này tôi cố dịp nghe bọn nhỏ kể lại. Thật đáng thương cho người Mẹ yêu kính của tôi! Mẹ tôi vẫn tiếp tục làm lụng mưu sinh để nuôi đàn con thơ dại cho tới ngày cha tôi đi tù về, và sau đó được định cư tại California năm 1991. Theo diện "H.O". Ở Mỹ một thời gian, sau đó cha mẹ tôi đều qua đời cả.

Đúng vậy: **"Mẹ đi rồi nhưng tình vẫn còn đây!!!"**

Nói tóm lại, đề tài viết về "Mẹ" tán dương rất bao la vô cùng - vô tận, không thể giấy bút nào diễn tả cho hết được, mỗi người mỗi hoàn cảnh là mỗi tập sách dày gối đầu giường mỗi khi nói về "Mẹ" của mình. Có phải không các bạn trẻ ạ! Mẹ ơi! Con gọi Mẹ, bằng trái tim đích thực của con mỗi khi nhắc đến "Mẹ!!!"

Hình ảnh Quán Âm Bồ Tát hóa thân thị hiện, tiếng gọi thiêng liêng, tiếng lòng yêu thương ngọt ngào triu mến, che chở cho đàn con đại đột đang ngập lặn dưới dòng nước bạo la của đại dương, vẫy vùng lặn hụp trong biển tham đắm dục vọng trần gian ngút ngàn, con còn quờ quạng trong đêm tăm tối mịt mù. Mẹ ơi! Con luôn luôn nguyện cầu Quán Âm cứu khổ - cứu nạn, soi đường chỉ lối cho chúng con, Quán Âm tưới tắm cam lồ dập tắt lửa phiền não trong lòng. Biển đau thương thành năng lực, bi mẫn, thành ngọn đuốc trí tuệ quét sạch màn vô minh tăm tối. Chúng

con, cần phải nuôi dưỡng lòng từ bi, với ý chí phần đầu phải biết yêu thương bảo bọc lẫn nhau, trên con đường tiến tu, hầu mong thoát kiếp luân hồi trong cõi ta bà này. Luôn luôn biết lắng nghe tiếng than, ai oán, tiếng lòng từ tâm cứu khổ muôn loài cầu mong Quán Thế Âm ra tay cứu độ, muôn loài.

Mượn dòng thơ dưới đây chấm dứt bài viết, tôi xin hẹn khi khác sẽ có dịp tâm sự về đề tài "Mẹ" cùng với quý vị:

"Mẹ hiện thân bình minh rực sáng

Bất hạnh nào tuổi

tắm yêu thương

Mẹ cảm ứng theo lời khẩn nguyện

Mẹ hóa thân ánh mắt

trùng dương."

(Thanh Trí Cao)

Hoa Kỳ ngày 20/7/2020

Nhuận Hùng

Trích từ sách sắp xuất bản:

VÒNG XOÁY CUỘC ĐỜI

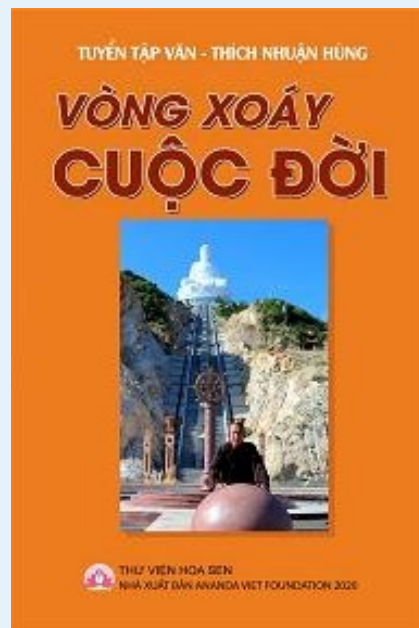
TUYỂN TẬP VĂN

THÍCH NHUẬN HÙNG

Thư Viện Hoa Sen

Nhà Xuất Bản Ananda Viet

Foundation 2020



VẮNG BÓNG

(thơ làm trong mùa dịch bệnh)

thơ **DIỆU VIÊN**

Ta từ chân không tới
Lại trở về chân không
Thân này như sương khói
Như huyền mộng mà thôi!

Cuộc đời như dòng sông
Trôi chảy mãi không ngừng
Sáu đường luân chuyển đó
Đầy khổ nạn bão bùng!

Khắc nào mây ngang trời
Người tới người lại đi
Từ ngàn xưa đến giờ
Sinh tử mãi không rời.

Hoa vàng vẫn nở tươi
Trời vẫn xanh xanh ngời
Chim vẫn bay, cá lội
Chỉ có người tàn hơi.

Khoảng cách giữa sống chết
Cách nhau trong giây phút
Hàng vạn người gục chết
Chôn tập thể hốt sâu!

Ôi, đời quá đỗi đau
Có bao giờ địa cầu
Chết vì bệnh nhiều thế
Xác người nằm la liệt!

Phải chăng diêm tận thế
Báo hiệu họa diệt vong
Hãy sống cho tử tế
Trải tình thương mệnh mông.

Gió vẫn lồng lộng thổi
Nước mắt vẫn rơi rơi
Còn đâu chân dung đó
Cát bụi đã chôn vùi!

Thấp nén nhang nhớ người
Tiền hồn về cuối trời
Đường trần nay vắng bóng
Chấp tay chào chia phôi!

Có người bỏ cuộc chơi
Tuổi đời còn rất trẻ!

San Jose, 2020



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG CHÍNH

Cơn mưa đột ngột làm cho nhiều người bị ướt sũng. Tôi đứng bên hiên bưng điện nhìn cơn mưa đổ trút trên đường. Một chốc, nước đã ngập chảy.

Chỉ trời mưa mới lấp được tiếng ồn ào của xe cộ. Người ta đứng bên nhau không hò hẹn dưới những hàng hiên; và không có gì để làm, không có ai quen để nói chuyện, họ cùng đưa mắt nhìn mưa rơi. Mưa là một trở ngại, nhưng ít nhất nó cũng cho phép người ta được thông thả trong lúc này. Tôi tự hỏi, có phải chúng ta thực sự bận bịu hay chỉ vì chúng ta tự cột trói mình vào những điều kiện ngoại giới. Tôi có thể tìm thấy tự do bằng một tâm thức bận bịu và đầy toan tính với nỗi-khát-khao-hướng-đến-tự-do chăng?

Một vài người đàn ông bắt chuyện với nhau qua điều thuốc. Nhiều người khác vì

thuận hướng, đã nhìn tôi một cách chăm chú. Nhưng không sao. Tôi đã quen với sự dòm ngó của đám đông rồi. Tôi nhìn ra xa, nơi những đũa trẻ trần truồng đùa giỡn tắm mưa. Thỉnh thoảng, bọn trẻ đuổi nhau chạy, bắn nước tung tóe. Chúng nô đùa và hò hét dưới cơn mưa tầm tã, không cần biết những người lớn tuổi hai bên đường đứng nhìn. Một vài người lỡ bị ướt, đập xe ào ào trong mưa. Bánh xe lặn trên đường ngập nước tạo nên những âm thanh vui tai.

Tôi đang thích thú quan sát và lắng nghe tất cả những âm thanh trời dậy chung quanh, bỗng thấy xuất hiện nơi góc đường một đám đông. Từ nơi đó, tôi văng nghe được cả tiếng kèn tây và trống nhạc nữa. Tôi nghĩ đó là một đám cưới hay một phong tục lạ nào của miền Nam mà tôi không biết. Nhưng không

phải, đó là một đám tang. Một đám tang đi trong mưa đang tiến dần về phía tôi. Có lẽ họ lỡ bị ướt nên tiếp tục đi dưới mưa, mà cũng có thể họ mới xuất phát từ một địa điểm nào gần đó, bất kể mưa, theo giờ khắc mà họ được thầy số cho là tốt. Người chết không hên được ngày giờ chết nhưng khi chôn thì bị qui định trong một khoảng thời gian nào đó. Mà không chừng họ đi dưới mưa thế lại hay, vì người chết không hên mưa hay nắng thì khi chôn cũng bất kể nắng hay mưa.

Mưa chưa tạnh nhưng đã thưa hạt. Những kẻ nấp mưa cũng không hên nhau, cùng ủa ra khỏi hàng hiên mà leo lên xe. Mỗi người mỗi ngả, không ngoái nhìn nhau, không vướng bận nhau; cũng không ai để ý một xác người nằm xuống được kiệu đi trên cùng một con đường. Âm thanh của phố thị được trả lại với những tiếng xe máy nổ. Tôi đứng đó nhìn đám

tang đang tiến dần đến.

Những người nhạc công đi theo đám tang vẫn đầy thiện chí, thổi kèn dưới mưa lất phất. Họ thổi thật hay và thổi những bản nhạc không dính dấp gì đến cuộc biệt ly buồn tẻ giữa người sống với người chết. Nhiều bản nhạc thật kích động và vui nhộn. Tôi chứng kiến lần đầu tiên trên đời một đám tang vui nhộn lạ kỳ như vậy. Tuy nhiên, những tang quyến đi cạnh quan tài cũng khóc sụt sướt. Không biết họ có nghe được tiếng nhạc chẳng; và không biết có ai hiểu là họ đang buồn khổ bên cạnh tiếng nhạc không? Tôi thấy nước mưa phụ họa cho những giọt lệ của họ.

Cái chết không phải là niềm đau của người chết mà là nỗi đau của người ở lại. Người chết có thể tiếc nuối, có thể đón đau trước khi chết; nhưng khi bước ra khỏi cuộc sống thì, hoặc là chẳng còn gì hết, hoặc là,

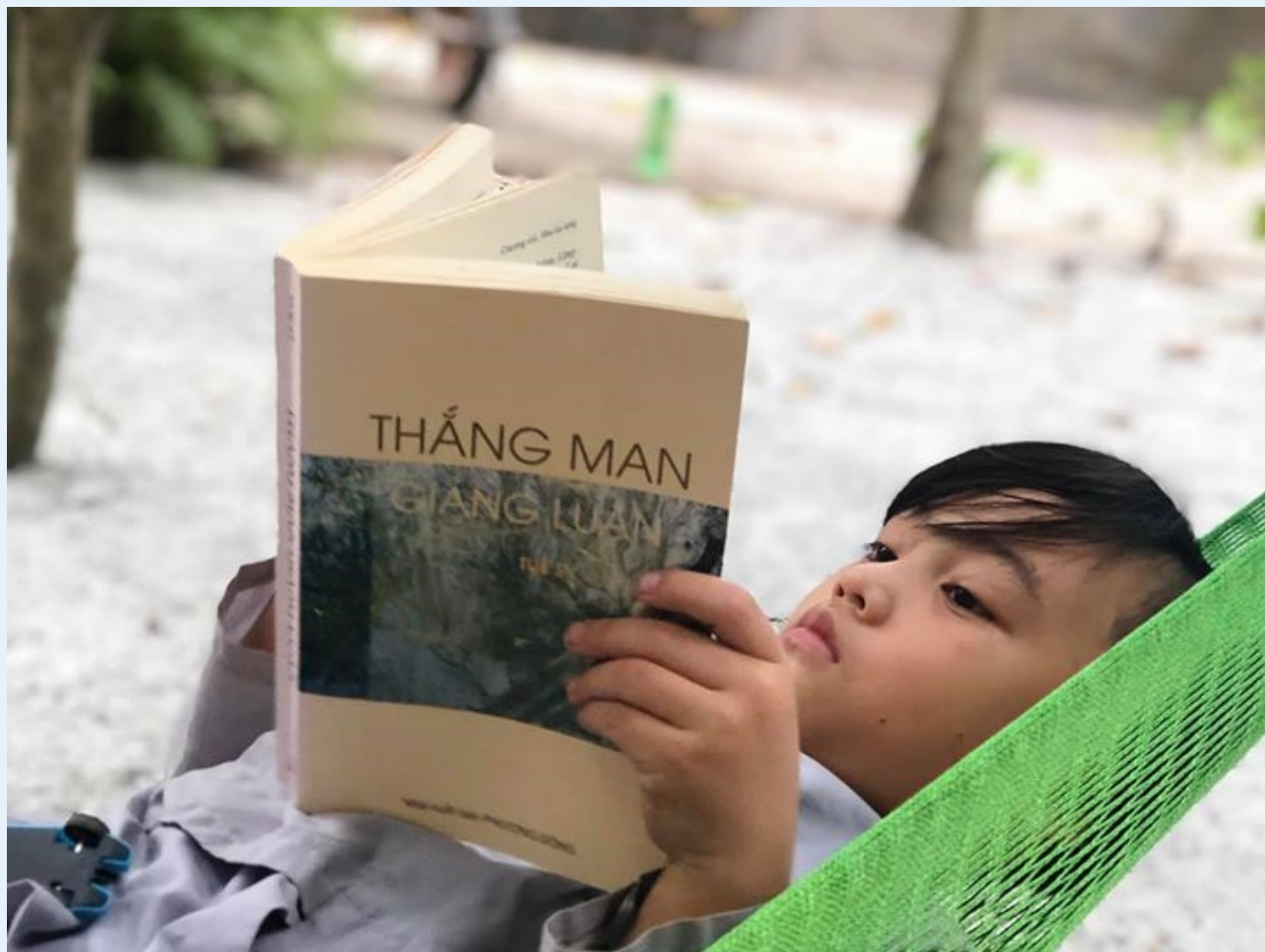
một đời sống mới mở ra. Đàng nào họ cũng đã thoát ly cuộc sống vốn dĩ khổ đau này. Đời sống mới có hay không cũng gần như chẳng quan hệ gì đến đời sống đã qua. Bởi suốt đời có khi nào người ta nhớ được kiếp trước của mình ra sao, nếu thực sự có kiếp trước? Bên kia đời sống vẫn là một cái gì bí ẩn. Người ta cố gắng làm sáng tỏ sự bí ẩn đó từ nhiều quan điểm khác nhau; nhưng chung qui, vẫn chỉ là những quan điểm.

Cuộc sống của con người mới là điều cần giải quyết. Bỏ phần con người là sống cho ra một con người. Một cá nhân phải trọn vẹn trong trách nhiệm của nó đối với chính nó, cũng như trách nhiệm của nó đối với sự tương hệ cuộc đời. Cho nên con người phải thường trực đối diện với cuộc sống chứ không phải là nhìn mãi về nỗi chết. Thực ra, cái chết là một cái gì rất

xa lạ. Chúng ta chỉ biết người khác tắt thở và xuống huyệt chứ không hiểu gì hơn về cái chết. Không hiểu mà sợ, sợ cái không hiểu, phải chăng đó là sự điên rồ đáng thương của chúng ta? Vậy chúng ta "sợ cái không hiểu" hay là "sợ cái chết?" Có lẽ "sợ" chỉ là một ảo tưởng.

Chết là sự dừng nghỉ tạm thời hay vĩnh viễn của một sinh thể trên chặng đường hướng đến tương lai. Nhưng tương lai không là gì cả; chỉ là một giấc mộng mà người ta không dám chắc rằng mình sẽ thể nào trong đó, và mình có thể hiện hữu trong đó hay không?

Cái chết chỉ có ý nghĩa đối với người sống. Bởi nó đánh rơi khỏi tầm tay những gì họ yêu quý; bởi nó mang đi vĩnh viễn một bóng người mà họ đã cùng chung sống trong nhiều kỷ niệm; bởi nó xóa đi một kiếp người mà suốt đời họ sẽ chẳng bao giờ gặp lại lần nữa; và cũng bởi nó cho họ một cái nhìn thật rõ ràng



về sự mong manh, huyền hoặc của cái gọi là mạng sống.

Tôi thầm đọc một lời cầu nguyện khi đám tang đi qua. Mặt trời lại chói rạng sau cơn mưa. Những vũng nước mưa còn đọng lại trên đường lấp lánh nắng chiều. Tôi đạp xe về nhà mà nghe trong lòng mình cũng đọng lại một nỗi niềm gì đó, không lấp lánh, nhưng chùng xuống và mịt mù. Và mầu nhiệm thay, chính trong cõi mịt mù đó, tôi bỗng ngỡ ngàng nhìn ra vẻ xuân sắc bất tuyệt của trần gian mà từ lâu hầu như tôi không sao cảm nhận được khi dẫn mình vào ngưỡng cửa của một kẻ xuất trần, làm người khách lạ rong chơi qua lại với nụ cười khinh bạc, tự mãn. Trần gian, trong khoảnh khắc này, như một chùm hoa rộ nở, như một thực thể sinh động nhất trong tôi, trong chính tôi, với vẻ đẹp kỳ bí, đa dạng mà khi lắng sâu vào nó, tôi thấy tôi như kẻ hành hương cúi mình xuống hôn lên mảnh đất thơm lừng thánh tích, một cách kính cẩn và đầy ngưỡng mộ.

Cảm ơn tạo hóa đã cho ta những bất ngờ đem lại khổ đau và những bất ngờ đem lại hạnh phúc.

Cảm ơn đời sống đã cho ta những niềm vui và nỗi khổ tâm thường, ti tiện của tâm hồn.

Cảm ơn nhân thế đã cho ta trực diện với những phủ phàng, đen bạc, cũng như những chân tình vô hạn trong cuộc sống.

Cảm ơn ngày tháng đã cho ta sự hiểu biết về sức bền bỉ cũng như sự mong manh của kiếp người.

Cảm ơn nhân loại đã cho ta những ngạc nhiên kỳ thú về những tội hiềm, man trá, cũng như những đơn sơ chân chất của lòng người.

Cảm ơn kiếp sống phù du.

Cảm ơn ngày tháng qua mau.

Cảm ơn sự mê muội, cuồng tín đã mở lối cho bao nhiêu thống khổ.

Cảm ơn những máu lệ đã tuôn xuống vô cùng trên mảnh đất đau thương này.

Cảm ơn sự quằn quại thống khổ cày nát trên những con tim vô tội.

Cảm ơn sự găm thét kiêu sa, cuồng vọng của những chủ thuyết.

Cảm ơn những phi lý bất công áp đặt trên vai gầy nhân loại.

Cảm ơn những tham vọng ngất trời đục khoét tàn bạo vào đời sống thuần lương.

Cảm ơn sự vô tình trước cái chết của bao nhiêu người ngã xuống để đắp cao cho lầu đài ảo vọng.

Cảm ơn sự nghèo đói đã cho con người những tay chân run mỏi, những tấm thân khô gầy để van xin các ân huệ tâm thường.

Cảm ơn sự tàn ác và khủng bố của những thế lực đã đạp nhào bao nhiêu sinh linh cảm lạnh trường kỳ trên khắp các nẻo đời.

Cảm ơn những cha già mẹ yếu, những đứa em thơ và những anh chị nhàn nhai cúi xuống cho tham tàn bạo ngược vươn dậy.

Cảm ơn những con người thất thế sa cơ, những gia đình ly tán sống vất vưởng trên via hè phố thị.

Cảm ơn sự nai lưng vất vả của những con người cùng khổ tìm sống trên các mảnh đất chai sạn, cằn khô.

Cảm ơn những mồ hôi đã đổ xuống trên luống cày, trên cán cuốc, bốc hơi trên những thân thể nhọc nhằn.

Cảm ơn những đứa con ngây thơ vội bỏ trường học để nuôi nấng cha già mẹ yếu.

Cảm ơn những túi nhục làm uất nghẹn cổ họng bé nhỏ của những con người không phương tự vệ.

Cảm ơn những nước

mắt đã trôi đi như những giòng sông lặng lẽ trong đêm đi qua đời người.

Cảm ơn những xương máu đã chất lên trùng trùng như núi cao mĩa mai trên cười cuộc sống.

Cảm ơn sự hy sinh liên tục của những chiến sĩ, những anh em, những thế hệ thay nhau cho cuộc mộng chưa thành.

Cảm ơn sự quờ quạng kiếm tìm của những nạn nhân bất bình trên các nẻo đường dẫn đến tương lai.

Và cũng xin cảm ơn những phòng trà ca nhạc thâu đêm bỏ quên cuộc đời trong tiếng hát.

Xin cảm ơn những tiệc rượu vô tình nhấp say ngoài cuộc thương đau.

Xin cảm ơn những đồng tiền phung phí ném vào cuộc chơi vô nghĩa.

Xin cảm ơn những đền chùa nguy nga, những Thánh đường đồ sộ, trên người sự cùng khổ của hàng triệu con người đói lạnh.

Và lại xin cảm ơn hạnh phúc giản đơn của những tình yêu...

Cảm ơn và tạ ơn tất cả.

Xin cúi lạy tất cả, dù là niềm vui hay nỗi buồn; dù là hạnh phúc hay tủi nhục; dù là cao thượng hay kém hèn; dù là trong sạch hay nhơ bẩn; tất cả những gì hiện hữu trên đời đã tổ điểm muôn màu cho trần gian ngập tràn khổ lụy này.

Về nhà, tôi nhận được điện tín từ Huế gửi vào báo tin Đức bệnh nặng, cần gấp tôi gấp. Tôi mỉm cười. Người ta thường gọi nhau vượt biên theo lối đó để tránh sự phát giác theo dõi của công an. Và một điện tín như vậy cũng là một trong những điều kiện để được cấp giấy thông hành đi xa. Nhưng Đức thì muốn gặp tôi ở Huế để cùng ngao du sơn thủy hay tâm sự cho thỏa lòng, chứ chú ấy sẽ không đi vượt biên đâu. Tôi đoán vậy. Tôi cũng thích đi

Huế lắm, vì dù sao, Huế cũng là quê cha của tôi.

Tôi đến chùa gặp Thiện để hỏi thăm đường đến nhà Đức ở Huế, vì Thiện cũng sinh trưởng ngoài đó. Biết rõ đường đi rồi, tôi quyết định ngày mai lên đường.

Trở về nhà, tôi thu xếp hành lý sẵn. Khi tôi đang loay hoay với cái xách tay nhỏ của mình thì người bưu tá lại đến, trao cho anh tôi một bức điện tín khác. Anh tôi đọc rồi cầm vào đưa tôi, không nói một lời. Tôi đọc nhanh. Điện tín báo tin Đức mới chết tại bệnh viện Huế.

Tôi ngồi xuống. Lưng dựa vào tường. Mắt ngược nhìn trần nhà. Im lặng. Năm phút sau, tôi bật khóc.

Chiều nay, cũng một chiều mưa tại nhà bưu điện mà cách đây hai hôm tôi đứng nhìn đám tang đi qua, tôi đánh một điện tín chia buồn cùng gia quyến của Đức.

Hai tháng sau, tôi về Nha Trang. Mẹ tôi cho biết Đức có ghé thăm bà trước khi ra Huế. Cũng theo lời mẹ tôi kể, Đức đã đi vượt biên tại Phan Thiết. Thất bại, chú ấy lẫn trốn vào rừng, dậm phải ngãi hoang hay vướng khí độc trong rừng suốt hai ngày đêm rồi nhuộm bệnh nặng, cố gắng về đến Huế để chết ở nơi chôn nhau cắt rốn.

Đức có gửi tặng tôi một tấm ảnh chú ấy mới chụp trước khi vào Phan Thiết đi vượt biên. Trong ảnh, Đức nhìn tôi với khuôn mặt hốc hác, buồn, không cười rạng rỡ như xưa. Tôi lật mặt sau đọc thấy những nét chữ thân thuộc của Đức: "*Bạn hiền ơi, hẹn ngày tái ngộ.*" Tôi cất vội tấm ảnh vào ví như chôn đi một kỷ niệm đau buồn mà chính mình không đủ can đảm để ôn lại.

Nơi Thiện thất của Đức, tôi ngồi xuống bậc đá mà trước đây chúng tôi thường

ngồi ngắm cảnh chiều tà.

Dĩ vãng như những đợt sóng xô ủa vào bờ tâm hồn. Nặng thối về Tây. Dãy núi Hoàng Ngưu mây ngập phủ đầu. Từng đàn cò trắng thông thả bay về núi. Đồng ruộng bát ngát chạy dài đến chân trời tô điểm thêm cho vẻ êm lảng của một ngày tàn. Đức thường ví tôi như một cụm mây và chú ấy là tảng núi. Giờ này, tôi thấy Đức như một cụm mây thì đúng hơn. Người ta không thể biết trước tất cả những gì sẽ xảy đến trong đời mình.

Chúng ta lên đường vì một tiếng gọi. Tiếng gọi gõ từng nhịp vang dội trong tim ta. Tiếng gọi căng xé tâm hồn chúng ta. Tiếng gọi thúc bách bước chân chúng ta. Nhưng chúng ta chỉ bước đi tán loạn trên những ngã đường mà bao nhiêu người đã vấp ngã, trên những con đường của truyền thống, ước lệ, tập tục và quyền uy bạo lực. Chúng ta càng vươn lên càng bị chèn ép và phá hoại. Cuộc sống thì tràn đầy nước mắt mà tình thương thì đã cạn nguồn trên những tháp ngà trang trọng. Có phải chúng ta sẽ quờ quạng tìm kiếm mãi hay không? Bao nhiêu tủi nhục đã ứ tràn, bao nhiêu máu lệ đã đổ rồi. Anh tìm kiếm gì? Chị tìm kiếm gì? Em tìm kiếm gì? Tôi tìm kiếm gì? Chúng ta tìm kiếm gì? Tất cả chúng ta đang là những nạn nhân bị cuốn hút trong cơn xoáy cuồng loạn, phân ly và phi lý vô cùng của cuộc đời này.

Mặt trời đã khuất bóng. Những cụm mây trắng trôi đi về đâu để lại dãy núi Hoàng Ngưu ngất ngưỡng, cô độc dưới vòm trời vô tận. Có lẽ Đức đã có một lối về cũng như những cụm mây kia đã có lối về của chúng. Mỗi người chúng ta đều sẽ có một lối về. Tôi

cũng sẽ có lối thoát của tôi. Nhưng, đâu là ngõ thoát chung cho chúng ta nhỉ?

Tôi đứng dậy, lên đường.

Vĩnh Hào
(Sài Gòn 1982)

HẾT

Ghi thêm:

1) Mẹ của tôi đã mặc nhiên nhận chú Đức (Thích Phước Đức) như là con tinh thần khi chú ghé thăm bà trước khi về Huế. Vài năm sau khi chú Đức mất, mẹ tôi nhận hai sư cô em ruột của chú làm "con nuôi" (tinh thần). Hai sư cô này hiện nay đã là những ni sư, đang hành đạo tại Long Thành và Huế.

2) "Núi Xanh Mây Hồng" là một quãng đời ngắn diễn ra trong vòng một năm của nhân vật xưng tôi trong chuyến đi "giang hồ." Những năm kế tiếp, nhân vật này bắt đầu dẫn thân vào một lộ trình mới với nhiều gian nan, thử thách, khổ nhục... không còn thơ mộng nhẹ nhàng như "mây hồng" trong truyện này nữa. Vậy, kể từ số báo kế tiếp, xin mời đọc truyện dài "**Ngõ Thoát**" (tức **Phương Trỗi Cao Rộng 3**, của Vĩnh Hào), để biết cuộc đời chú tiểu Vĩnh Khang trôi giạt như thế nào trong xã hội mới...



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH RONG BIỂN ĐẬU HŨ NON



Bài & ảnh: Linh Đan

Món canh này nấu khá đơn giản, không mất thời gian nên dường như trên mâm cơm nhà tôi thường xuyên có sự hiện diện của món canh này.

Cách làm:

Rong biển khô ngâm trong nước chừng 15 phút, khi rong biển nở xả lại với nước nhiều lần cho sạch. Sau đó, để ráo nước.

Đậu hũ non cắt miếng vừa ăn.

Đun sôi nước rồi cho một ít gia vị nêm vào nồi, sau đó thả đậu hũ đã cắt miếng vào. Chờ nước sôi bùng trở lại tiếp tục cho rong biển vào, cho thêm vài lát gừng vào để làm mất mùi tanh của rong biển, nấu khoảng 5 phút là tắt bếp, không nên nấu quá lâu sẽ làm cho rong biển bị dai hoặc như mất ngon.

Múc canh ra tô, rắc chút tiêu xay lên là đã hoàn thành tô canh rong biển đậu hũ non thanh mát bổ dưỡng. Dùng ngay khi canh còn nóng.

Có lẽ nhờ món canh rong biển đậu hũ non, hương vị lạ kích thích vị giác, dễ tiêu hóa, nên mỗi lần ăn chay chống và các con tôi đều ăn hao cơm mà ai cũng bảo là mau đói bụng.



Nào các bà nội trợ hãy thêm vào thực đơn cho mùa Vu Lan của mình món này nhé. Chúc ngon miệng.



Nguồn: <http://phunu.nld.com.vn/mon-ngon/thanh-mat-bo-duong-voi-canh-rong-bien-dau-hu-non-20170823212432327.htm>